



THÍCH NHƯ ĐIỂN



TÍCH LAN

ĐẠO TÌNH MUÔN THUỞ



2020

TÍCH LAN

**Đạo Tình
Muôn Thuở**



TÍCH LAN - ĐẠO TÌNH MUÔN THUỞ

Viên Giác Tùng Thư - Đức Quốc

Xuất bản lần thứ nhất: 1994

United Buddhist Publisher tái bản: Tháng 12/2020

Trách nhiệm: Nguyên Đạo

Hiệu đính và Layout: Nguyễn Minh Tiến

Thiết kế bìa: Họa sĩ Sao Mai

ISBN-13: 978-1-716-32111-5

© All rights reserved. No part of this book may be reproduced by any means without prior written permission from the publisher.

THÍCH NHƯ ĐIỂN

TÍCH LAN Đạo tình muôn thuở

KÝ SỰ VÀ HÌNH ẢNH VỀ NHỮNG CHUYẾN ĐI TÍCH LAN

Tái bản có sửa chữa và bổ sung



2020

Mục lục

✧ Lời giới thiệu nhân lần tái bản năm 2020.....	7
✧ Phần I. Giữa Chốn Cung Vàng	
✧ Xứ Phật Nhiệm Mầu	13
✧ Trong Cuộc Hành Trình	39
✧ Giữa Chốn Cung Vàng	69
✧ Phật Tại Sơn Lâm	83
✧ Chặng Đường Cuối	119
✧ Phần II. Đạo Tình Muôn Thuở	
✧ Đã một lần như thế - <i>Thích Như Điển</i>	147
✧ Một chuyến hành hương - <i>Thích Như Tú</i>	177
✧ Chiêm bái hai bảo vật quốc gia của đất nước Sri Lanka - <i>Thích Huệ Pháp</i>	189
✧ Hành hương và chiêm bái các thánh tích tại Sri Lanka - <i>Thích Nguyên Tân</i> ...	195
✧ Thời kinh nguyện bên thành cổ tháp - <i>Thơ Tùy Anh</i>	207
✧ Đôi dòng cảm niệm về chuyến hành hương Tích Lan - <i>Phuong Quỳnh</i>	209
✧ Theo thầy thăm xứ Phật - <i>Hoa Lan</i>	219
✧ Hành hương Tích Lan - <i>Trần Thị Nhật Hưng</i>	227

LỜI GIỚI THIỆU

CỦA VIÊN GIÁC TÙNG THƯ
NHÂN LẦN TÁI BẢN NĂM 2020

Khi nhìn vào bản đồ Tích Lan (Sri Lanka), có lẽ ai cũng phải công nhận rằng đất nước này xinh đẹp như một viên ngọc bích tuyệt hảo, nổi bật giữa vùng nước xanh của Ấn Độ Dương. Thật đúng vậy, Tích Lan chính là một viên ngọc bích toàn vẹn.

Nhắc đến lịch sử Phật Giáo chúng ta thường nghĩ ngay đến Ấn Độ, vì đó là chiếc nôi, là quê hương của Đức Phật. Nơi đây còn ghi dấu rõ ràng bao nhiêu Thánh tích, bao nhiêu đền đài cổ, theo từng bước chân hoàng truyền Chánh pháp của đức Phật lịch sử Thích-ca Mâu-ni.

Thế nhưng trong tiến trình lịch sử khắc nghiệt, chính Tích Lan là đất nước đã có công lớn trong việc gìn giữ và khôi phục đạo Phật sau thảm họa suy vong từ nhiều thế kỷ trong quá khứ bởi những thế lực thế quyền và giáo quyền tại Ấn Độ.

Phật giáo Tích Lan khởi thủy từ thời Vua A-dục (Asoka), người đã thống trị hầu như toàn cõi Ấn Độ vào những năm 268-232 trước Tây lịch. Chính vị hoàng tử Mahinda con vua A-dục là người đầu tiên đã mang ánh sáng Phật pháp đến Tích Lan. Khi vua cha lên ngôi, thái

tử mới vừa 11 tuổi. Năm 20 tuổi, Mahinda xuất gia với ngài Moggaliputtatissa (Mục Kiên Liên Tử Đế Tu). Đại đức Mahinda được đề cử hướng dẫn một phái đoàn sang truyền bá Phật giáo tại Tích Lan. Đó là khoảng năm 247 trước Tây lịch, dưới triều vua Devanampiyatissa (247-207 trước T.L) của Tích Lan. Giáo đoàn của ngài Mahinda được nhà vua đón tiếp trọng thể. Đại đức Mahinda đã thành công rực rỡ trong sứ mạng truyền bá Chánh pháp và hoằng hóa độ sanh cho đến ngày Ngài viên tịch vào năm 192 trước Tây lịch.

Sau này, khi Phật giáo đã suy đồi tại Ấn Độ thì chính nhờ những tăng sĩ tinh thông giáo lý Phật-đà đã từ Tích Lan quay trở lại truyền bá nguồn giáo lý vi diệu tại chính quê hương xưa kia của Phật giáo là Ấn Độ.

Ngay cả cây bồ-đề hiện nay tại Bồ Đề Đạo Tràng Ấn Độ cũng là hậu duệ của một nhánh cây được chiết từ cây bồ-đề ở Tích Lan. Thuở xưa, khi công chúa con vua A-dục là Tỳ-kheo-ni Sanghamitta (Tăng-già-mật-đa) sang Tích Lan thành lập Ni đoàn Phật giáo, bà đã mang nhánh bồ-đề đến trồng ở Anuradhapura. Sau đó, khi cây bồ-đề tại nơi Đức Phật chiến thắng ma quân thành Chánh đẳng Chánh giác đã bị chặt phá đi, một nhánh từ cây bồ-đề ở Tích Lan đã được mang trở về trồng lại nơi ấy.

Đất nước Tích Lan cũng là quê hương đã khai sinh lá cờ Phật Giáo năm màu, một biểu tượng thiêng liêng của Phật Giáo được thế giới công nhận. Lá cờ năm màu được Tích Lan thiết kế và treo lên tại các chùa ở xứ này trong ngày lễ Phật Đản bắt đầu từ năm 1885. Vào năm 1950, Hội Liên Hữu Phật Giáo Thế Giới (The World Fellowship

of Buddhist) đã chọn lá cờ này với một ít đề xuất chỉnh sửa để trở thành lá cờ Phật Giáo Thế Giới như ngày nay.

Trong suốt nhiều thập niên qua cũng đã có rất nhiều bậc Tôn Đức Tăng Ni từ Việt Nam được Giáo Hội cử đến Tích Lan tu học hay tham dự các cuộc Hội nghị. Trong đó có cả những bậc Tăng tài như Hòa Thượng Minh Châu.

Từ mối liên hệ thân thiết giữa Phật giáo Việt Nam và Tích Lan, cộng thêm mối quan hệ đạo tình với Bhante Seelawansa, vị tăng người Tích Lan đang giảng dạy tại đại học ở Cộng hòa Áo, nên vào năm 1994, tác giả sách này là Hòa thượng Thích Như Điển đã từ Đức đến viếng thăm Tích Lan. Sau đó, tác giả có thuật lại chuyến đi này trong tác phẩm “Giữa Chốn Cung Vàng” do Viên Giác xuất bản năm 1994.

Rồi đúng mười bảy năm sau, năm 2011, có một sự kiện mới đặc biệt hơn. Vô cùng đặc biệt! Đó là dịp Hội Đồng Tăng-già và Chính phủ Tích Lan đề nghị trao Giải thưởng Danh Dự cho hai vị Hòa thượng tại châu Âu có công truyền bá ánh sáng Phật pháp sang Âu Mỹ. Hai vị ấy chính là Hòa thượng Thích Minh Tâm (Pháp) và Hòa thượng Thích Như Điển (Đức). Đây là một vinh dự lớn không những cho nhị vị Hòa Thượng, cho Phật Giáo Việt Nam tại Âu Châu mà còn cho cả Phật Giáo Việt Nam của chúng ta.

Giải thưởng Danh Dự này là giải thưởng cao quý nhất về những công hạnh đóng góp tích cực trong việc hoằng truyền chánh pháp, thường được trao cho các bậc Tôn Túc Tích Lan. Đây là lần đầu tiên Giải Thưởng Danh Dự này được trao cho hai vị tăng sĩ Phật Giáo ngoại quốc.

Buổi lễ diễn ra thật long trọng vào ngày 8 tháng 7 năm 2011 dưới sự chứng minh của vị Đại Trưởng Lão Tăng thống Tích Lan và chư vị Trưởng lão cao niên trong Hội Đồng Tăng-già Phật giáo cũng như các vị lãnh đạo cao cấp của Chính phủ. Trực tiếp có các ông Thủ Tướng, Phó Thủ Tướng, các Bộ Trưởng đã tổ chức tiếp đón trọng thể nhị vị Hòa Thượng, vinh danh các Ngài là Sứ Giả Hoàng Pháp và phủ phục đánh lễ trước nhị vị Hòa Thượng cũng như chư Tôn Đức có mặt trong buổi lễ. Buổi lễ được diễn ra như một quốc lễ. Thủ Tướng Tích Lan đã dâng lên nhị vị Hòa Thượng hai chiếc quạt, theo truyền thống xứ sở này là biểu tượng cho sự tôn kính cao quý nhất đối với các vị Sứ giả Như Lai.

Tiếc rằng một sự kiện quan trọng như thế nhưng đến nay chỉ được phổ biến khá hạn hẹp trên Báo Viên Giác (số 183, tháng 10/2011). Do vậy, Viên Giác Tùng Thư quyết định gộp chung một số bài viết về sự kiện này cùng với tác phẩm Giữa Chốn Cung Vàng đã in trước đây của Hòa Thượng Thích Như Điển thành một tác phẩm để giúp quý độc giả có thêm một tài liệu đầy đủ hơn về sự kiện đặc biệt này.

Như vậy, những nội dung này đều đã được xuất bản trước đây, nay được rà soát chỉnh sửa và tái bản với hình thức một tác phẩm mới có nội dung phong phú hơn, kèm theo nhiều hình ảnh giá trị và được đặt tên là “*Tích Lan - Đạo Tình Muôn Thuở*”.

Xin trân trọng giới thiệu cùng độc giả gần xa.

Đức quốc, tháng 12 năm 2020

VIÊN GIÁC TÙNG THƯ

PHẦN I.

GIỮA CHÓN CUNG VÀNG

**Ký sự và hình ảnh
chuyến hành hương Tích Lan
Từ ngày 2 đến ngày 17
tháng 3 năm 1994**

XỨ PHẬT NHIỆM MÀU

Tôi đặt bút viết về chuyến hành hương này vào lúc 9 giờ 10 phút sáng, ngày 12 tháng 3 năm 1994, tại Tu Viện Sri Naga Piriven Viharaya. Một tu viện nhỏ chuyên đào tạo những chú tiểu sa di từ 8 đến 19 tuổi, tại tỉnh Weliweriya, nằm cách Colombo, thủ đô Tích Lan, gần 30 cây số.

Sở dĩ tôi có được chuyến đi này cũng nhờ Đại Đức Seelawansa, người Tích Lan, đã du học ở Áo hơn 11 năm qua, đã làm xong luận án Tiến Sĩ và hiện đang dạy tại Đại Học Wien về triết học Phật Giáo. Cách đây một năm Đại Đức đã cùng với Phái đoàn Phật tử Việt Nam tại Áo sang viếng chùa Viên Giác tại Hannover và Đại Đức có nhã ý mời tôi sang Tích Lan thăm một chuyến cho biết. Tôi đã đồng ý và đề nghị về chuyến đi này. Đó là lý do tại sao tôi có mặt tại Tích Lan.

Trước khi Đại Đức dẫn Phái đoàn Phật tử Áo đi Ấn Độ, tôi đã cho biết về ngày giờ đến Tích Lan bằng hãng máy bay Air Lanka, nhưng vì lý do kỹ thuật, người bán vé đã đổi lại, tôi phải đi hãng KLM của Hòa Lan. Trên nguyên tắc, tôi chỉ đến sau máy bay Air Lanka 20 phút, nên không phải báo tin. Nhưng để chắc chắn hơn, trước đó 4 ngày tôi đã đánh điện tín từ Đức để báo tin giờ đến của KLM. Nhưng rủi thay là sau khi tôi đến chùa rồi,

chiều đó điện tín mới đến, nên việc đón tôi tại sân bay có hơi trục trặc.

Nếu máy bay KLM không trục trặc kỹ thuật tại phi trường Amsterdam thì đến Colombo đúng 8 giờ sáng ngày 3/3/1994. Nhưng máy bay đến trễ gần 4 tiếng đồng hồ và Đại Đức không biết tôi đi bằng hãng KLM nên không đợi mà quay về Tu Viện, tìm cách điện thoại qua Đức để hỏi tin. Khi hay tin tôi đã đi rồi, Đại Đức lại một lần nữa ra phi trường để đón, trong khi đó tôi đã trên đường về Tu Viện Piriven rồi. Thế là mãi đến 4 giờ chiều chúng tôi mới gặp nhau tay bắt mặt mừng để kể về chuyện trục trặc của máy bay và bưu điện.

Khi tôi đón taxi về tu viện, người tài xế cũng chẳng biết tu viện nằm ở đâu vì địa phương Weliweriya nhỏ quá không có tên trên bản đồ. Tôi hỏi lại người tài xế taxi một lần nữa cho chắc là ông ta có biết rõ chùa ở đâu không. Ông ta mỉm cười và trả lời rằng: Hãy yên chí! Nhưng tôi chẳng yên chí được chút nào, tự hỏi không biết vì sao Đại Đức lại không đến đón, vì tôi nghĩ là điện tín đã đến rồi. Còn Đại Đức cũng chẳng hiểu vì sao tôi không đến, nên trong mấy tiếng đồng hồ chưa gặp nhau, cả Đại Đức và tôi đều không an tâm chút nào.

Người tài xế taxi càng lái đi sâu vào làng quê, tôi càng lo nhiều hơn, vì chung quanh chỉ thấy toàn là đồng ruộng, trâu bò và đặc biệt là ở đâu cũng thấy dừa tươi. Dừa ở đây có hai loại. Loại màu vàng chỉ dùng để lấy nước uống, loại màu xanh ngoài việc dùng để uống còn lấy cơm dừa để dùng chung trong các thực phẩm hằng ngày.

Sau hơn một tiếng đồng hồ, xe taxi đã đưa tôi đến tu viện với một chút ngõ ngàng của chính mình và với bao nỗi ngạc nhiên tò mò của các chú tiểu cũng như của bao nhiêu người chung quanh. Họ đứng thành từng hàng để xem tôi và mỉm cười thật duyên dáng. Có một số ít biết tiếng Anh, còn bao nhiêu thì nói tiếng Shingalese.

Người giúp việc mang hành lý tôi vào phòng và nói bằng tiếng Anh:

- Đây là phòng của Thầy.

Trong phòng có mấy người Áo đang ngồi chờ Đại Đức Seelawansa từ phi trường về sau một chuyến hành trình dài trước đó.

Nhìn lên tường thấy mấy hình chụp tại Áo, cảm thấy gần gũi, nhưng khi bỏ dép để vào phòng và ra nhà vệ sinh thì một cảm giác khó nghĩ lạ lùng đã làm cho tôi bàng hoàng khó tả. Cũng may là trước đó tôi đã hỏi Đại Đức phải làm sao khi đến Tích Lan và tôi đã được một vài hướng dẫn cũng như nhờ đọc sách nên đã biết một vài phong tục tại đây, nhưng trên thực tế và sách vở khác nhau khá xa vời. Cũng như khi tôi viết những dòng chữ này, cũng chỉ thể hiện được phần nào qua ngôn ngữ chứ không là tất cả. Chỉ khi nào quý vị tự mình đặt chân đến đây rồi mới cảm nhận được. Vì vậy Đức Phật đã dạy rằng: “Chỉ có người khát nước, khi uống nước mới biết sự đã khát như thế nào.” Dầu có diễn tả tinh tế bao nhiêu đi chăng nữa cũng không thể nào trọn vẹn được.

Cũng may là tôi đã không mang giày, vì các xứ Phật giáo Nam Tông cấm việc này. Được quyền mang dép,

nhưng phải là loại không có quai sau. Đó cũng là lời dặn của Đại Đức Seelawansa.

Trước đây mấy năm tôi đã có lần viếng thăm Ấn Độ và Thái Lan, nên cũng có chút kinh nghiệm về các xứ này. Họ không dùng nĩa, đũa và đặc biệt là không dùng giấy vệ sinh. Nên lần này tôi đã chuẩn bị đầy đủ. Ngay cả mấy gói mì chay và một số thức ăn chay cũng đã được cụ bị trước.

Cũng may là Đại Đức biết khá nhiều về phong tục Việt Nam và Phật giáo Đại Thừa nên tôi cũng đỡ khổ. Nhưng bước đầu bao giờ cũng vậy, không dễ dàng đơn giản khi một người sống ở xứ này đi qua xứ khác. Mặc dầu tôi đã sống ở ngoại quốc hơn 22 năm và từng đi thăm năm sáu chục nước trên thế giới, nhưng mỗi nước có một phong tục riêng, hay có dở có, cần phải làm quen mới biết được.

Nếu quý vị không ăn cà-ri của Ấn Độ và Tích Lan thì không thể nào biết vị cay xé cổ như thế nào. Cũng như nếu đi hành hương có người chuyên môn hướng dẫn, ở khách sạn 4, 5 sao thì làm sao biết được cái tận cùng của một xã hội. Riêng tôi, mỗi khi đi đến đâu thường chọn những khách sạn “ngàn sao” hoặc nhiều sao dân dã thì thấy thú vị hơn. Khách sạn nhiều sao là khách sạn đơn giản, nằm trong phòng nhìn qua cửa sổ thấy được nhiều ngôi sao lấp lánh trên bầu trời. Còn khách sạn “ngàn sao” là những lúc phải ngủ nghỉ ngay ngoài trời, có thể ngửa mặt đếm được cả ngàn sao trong suốt đêm thâu. Đây là một sự mạo hiểm, nếu không rành ngôn ngữ quý vị sẽ không thực hiện được.

Vào lúc 17 giờ chiều hôm đó, ngày 3/3/1994, người dân cả làng này đã dành cho tôi một sự ngạc nhiên vô cùng thích thú. Có ông trưởng làng che lọng cho tôi và Đại Đức đi vào làng cùng cả hàng trăm vũ công tí hon của trường mẫu giáo thuộc tu viện. Dẫn đầu là một toán vũ công chuyên nghiệp chơi những điệu trống dân tộc theo truyền thống Phật giáo. Sau đó là hàng hàng lớp lớp những vũ khúc khác nhau tuyệt đẹp được biểu diễn. Một em Phật tử đến dâng đĩa hoa trắng có mùi thơm tuyệt diệu. Đó là một loại hoa sứ ở quê hương mình.

Tôi hỏi Đại Đức lúc này phải làm sao? Đại Đức bảo:

- Hãy nhận lấy rồi đưa sang cho một em khác.

Tôi đã nhận đĩa hoa. Đoạn em bé này phủ phục dưới chân tôi, lạy 3 lạy rồi đứng dậy mang khay lễ tiến về hội trường.



Phật tử trong làng ra đón rước

Khi gần đến hội trường có khoảng 20 chú tiểu dâng hoa một lần nữa và đánh lễ tôi cũng như Đại Đức rồi tất cả đều được rước vào hội trường.

Đầu tiên, vị xướng ngôn viên cho biết chương trình buổi lễ. Sau đó từng tiết mục được thông qua.

Sau khi giới thiệu người khách quý đến từ phương xa Âu Châu hẻo lánh và có xuất xứ từ Việt Nam, quý Sư mời tôi châm đèn cùng với quý vị khách đến từ Áo quốc cũng như các ông bà trưởng lão trong làng.

Đèn có hình bánh xe pháp luân, 8 que, rất đẹp, tượng trưng cho trí tuệ từ những bậc trưởng thượng thắp sáng lên cho các thế hệ tương lai.

Một vị nữ Phật tử cao tuổi trong làng đã giới thiệu sơ qua về sự giáo dục con trẻ trong làng qua tinh thần Phật Giáo và sau đó là lễ phát phần thưởng cho các em học sinh xuất sắc. Cuối cùng là phát biểu cảm tưởng của tôi cũng như một buổi lễ cầu nguyện ngắn để chấm dứt buổi lễ sau hơn 3 tiếng đồng hồ.

Đến đây mới biết rằng sự giáo dục của Phật Giáo tại Tích Lan đã đi vào quần chúng từ mấy ngàn năm nay. Từ đứa bé 2, 3 tuổi cho đến những bậc trưởng thượng, không ai là không biết sự lợi ích của đạo Phật ứng dụng vào đời sống hằng ngày như thế nào. Tại Tích Lan không có chế độ đi khất thực như ở Thái Lan, nhưng mỗi gia đình Phật tử trong làng tự chia phiên mang thức ăn đến chùa cúng dường quý Sư, mỗi ngày gồm 2 bữa: sáng và trưa. Mỗi ngày chỉ có một gia đình được lo việc cúng dường, nên nếu trong làng ấy có 120 gia đình thì phải 4

tháng sau mới đến phiên trở lại. Họ rất hoan hỷ để dâng lên chư Tăng trong khả năng những gì họ có, nhưng chỉ là thức ăn và vật dụng, còn tiền bạc thì rất hiếm thấy.

Trong khi đó, những vị Sư có trách nhiệm dạy dỗ con cái họ theo tinh thần Phật giáo, không đặt ra một điều kiện nào cả. Quả thật Đạo Phật ở đây đã đi sâu vào quần chúng.

Dầu có vài nhà thờ ngự trị ở đất Phật này khi người Anh chiếm Tích Lan để làm thuộc địa, nhưng không thể sánh bằng Phật giáo, cũng giống như ở Nhật Bản. Hơn 200 năm đạo Thiên Chúa đã có mặt tại Nhật Bản, nhưng chưa đến một phần trăm dân chúng hưởng ứng. Có lẽ nhờ sự giáo dục chặt chẽ ấy nên người Phật tử đã vững lòng tin nơi Phật giáo.



Chư tăng đánh lễ

Còn Việt Nam chúng ta thì quá bữa bãi về đức tin. Nhất là những gia đình đã theo Phật giáo nhiều đời, nhưng khi lấy chồng hoặc lấy vợ thì cải đạo một cách dễ dàng. Phải chăng do đức tin không vững? Lỗi ấy do từ Giáo Hội một phần, mà phần chính cũng do sự giáo dục gia đình của những người Phật tử nữa.

Các vị Sư ở đây hầu hết có trình độ rất cao. Hầu như ai cũng biết rành tiếng Pali cũng như giáo lý căn bản của đạo Phật, thấp nhất là Trung học và cao hơn là tốt nghiệp Đại học, Cao học, Tiến Sĩ v.v... Nhìn chung thì các chùa không lớn như ở Thái Lan, Trung Hoa, Nhật Bản, nhưng ở đây cả giới tăng sĩ lẫn cư sĩ đều có đức tin rất vững vàng. Vì thế nên Phật Giáo mới được gọi là Quốc giáo.

Bên Phật giáo Tiểu thừa hay Nam tông, các vị Sư ăn sáng và Ngọ trai, không ăn chiều, nhưng có thể ăn mặn. Còn tôi thì ăn ngày 3 bữa và chay tịnh nên cũng hơi khác biệt ở một số nơi tôi đến, nhưng Đại Đức Seelawansa đã giải thích và cuối cùng thì mọi người đều đã hiểu.

Tôi ở lại tu viện này từ ngày 3 đến ngày 5 tháng 3, được sống lại một thời làm “điệu” (chú tiểu) tại chốn tổ đình Phước Lâm, ở Hội An từ hơn 30 năm trước.

Một vị Sư Giáo Thọ lo việc dạy dỗ các chú tiểu, mỗi sáng 4 giờ rưỡi đã đánh thức các chú dậy rồi. 5 giờ là giờ ngồi thiền, sau đó từng chú phải trả bài thuộc lòng cho vị Giáo Thọ bằng tiếng Pali và tiếng Shingalese. Đến 7 giờ tất cả đều lên Điện Phật để lễ Phật.

Đặc biệt điện thờ Phật ở Tích Lan rất nhỏ, ngôi chường khoảng 50 người là chật. Tôi đi nhiều chùa vẫn thấy thế.

Trong ấy chỉ tôn thờ một tượng Phật Thích Ca. Phía trước là bàn thờ, chỉ cúng hoa tươi và dâng đèn dầu lên Phật hằng ngày hai buổi sáng chiều. Chỉ có trường học trong chùa là lớn nhất, sau đó mới đến nhà ở và các tiện nghi khác.

Sau khi các chú tiểu lễ Phật xong, đến đánh lễ vị Sư trụ trì, rồi đến đánh lễ tôi. Họ rất tươi vui và quỳ mọp xuống bàn chân để thi lễ, trông thật dễ thương vô cùng. Quả thật giữa người nhận lễ và người thi lễ không có gì xa cách cả. Đó chỉ là một hình thức chào hỏi các bậc trưởng thượng, nhưng ảnh hưởng tinh thần Phật Giáo rất nhiều, trong tinh thần vị tha, vô ngã. Thật là những đóa hoa quý hằng ngày đã được mang tặng cho nhau bằng niềm tin và nếp sống đạo.

8 giờ sáng thì các chú tiểu điểm tâm. Một lần, tôi tò mò muốn xem các chú ăn gì vào buổi sáng. Tôi nhận ra thức ăn chỉ gồm một gói cơm đỏ, chút đường cát và vài quả chuối. Chỉ có thế thôi. Nhìn thấy tôi, các chú then thùng và cười duyên, trông thật dễ thương. Quả thật người đáng then là tôi mới đúng, vì tôi sống tại một xã hội Tây Phương quá đầy đủ tiện nghi và nếu không hướng về nội tâm thì dễ xa cách với đời sống tinh thần nguyên thủy.

Sau đó các chú đi xách nước tưới cây, làm ruộng, trộn hồ xây chùa và đi học, cho đến 11 giờ trưa là giờ Ngọ trai của tu viện.

Các thí chủ mang đủ cá thịt, đồ chay, trái cây đến dâng lên chư Tăng. Chư Tăng tụng kinh cầu nguyện và ban phước cho Phật tử. Trước khi ăn ai cũng rửa tay, vì

ở đây không dùng đũa. Đặc biệt cũng không thấy dùng bát như ở Thái Lan hay Việt Nam, chỉ dùng đĩa mà thôi.

Tôi cũng tò mò để ý xem vị Sư trụ trì cũng như các chú tiểu nữ như thế nào. Riêng tôi thì có một cái mừng che muối, còn các vị ấy chẳng có gì, không biết vì muối đã quen với da thịt của các vị ấy hay sao mà chẳng thấy ai có mừng. Hoặc giả chùa nghèo quá không sắm nổi những cái mừng che muối? Nhưng tôi thật không biết lý do. Có thể quý vị ấy cho như thế là đủ, chẳng cần đòi hỏi gì thêm chẳng? Đó phải chăng là tu hạnh “biết đủ”? Quả thật, dù ở đời hay trong đạo cũng vậy, cái gì mình thấy đủ tức đã đủ rồi, còn mong cầu cho được đủ rất ít khi được mãn nguyện.



Chụp hình chung với các chú tiểu dưới gốc mít của Tu viện

Còn chuyện mặc thì sao? Họ chỉ có ba tấm y đúng như luật Phật dạy, y thượng, y trung và y hạ. Rất đơn giản. Khi ngủ, y cũng là mền để đắp. Khi thức, y là pháp thân huệ mạng.

Khi tắm, họ ra giếng ngoài vườn hoặc một ao nước hay sông lạch nào đó. Tất cả đều do nước làm sạch cho con người. Khi mọi vật dơ con người đều lấy nước để rửa sạch, nhưng khi tắm con người dơ chắc chắn không dùng nước để rửa, mà phải dùng đến phương pháp tu hành như tụng kinh, trì giới và sám hối mới có thể làm cho thân tâm được thanh tịnh.

Đại biểu tiện họ không dùng giấy mà chỉ dùng toàn bằng nước và lấy tay trái để dùng. Trong 5 ngón tay ấy tượng trưng cho cha, mẹ, mình, tình và bạn. 2 ngón cuối cùng dùng để rửa trôn. Ý nói một người tu hành lánh xa thế tục phải quên đi tất cả những gì riêng tư của mình, mà hãy xem đại thể là trọng, còn cá nhân chẳng có gì cả. Cho nên khi dùng cơm họ chỉ dùng tay phải, còn tay trái hầu như không dùng đến.

Một vị Tăng Sĩ có hỏi tôi là Tích Lan như thế nào?

Tôi trả lời là đẹp lắm, rất đẹp về mọi phương diện, từ tâm hồn con người cho đến phong cảnh. Nhưng để cho đẹp hơn nữa thì phải cải thiện những phương tiện vệ sinh công cộng. Vì nhiều người Âu Mỹ đến đây rất khó thích nghi với cuộc sống này. Dĩ nhiên, ở khách sạn thì việc ấy không thành vấn đề, nhưng để đi vào cuộc sống quần chúng thì những việc sơ đẳng ấy ắt phải được thực hiện.

So với xã hội Ấn Độ thì Tích Lan là mẫu mực. Vì Ấn Độ ảnh hưởng về Ấn Giáo nên giai cấp và sự nghèo giàu đã làm cho con người ngăn cách nhau rõ rệt, còn Tích Lan ảnh hưởng Phật Giáo rất sâu đậm, nên giàu nghèo hầu như rất ít phân biệt và đặc biệt nhất là nơi tư tưởng của con người. Ở Tích Lan ít thấy trộm cắp và ăn xin như ở Ấn Độ.

Suốt dọc đường tôi thấy khoảng 10 quán bán rau cải đồ chay mới có một quán bán thịt cá. Quả thật nhờ Phật Giáo mà các con vật được tôn trọng chăng? Mặc dầu các vị Sư vẫn dùng thức ăn mặn của Phật tử mang đến, nhưng cứ 10 món chay mới có một món mặn và tôi cũng đoán chắc một điều là ngày xưa đệ tử của Phật cũng như chính Đức Phật đã dùng mặn chứ không dùng chay, nhưng khi



Các chú tiểu đang làm việc

Kỳ Na giáo chủ trương chỉ dùng chay không dùng mặn, thì Đức Phật lại một lần nữa căn dặn các đệ tử rằng: “Đề đi theo tôn chỉ Đại Thừa, nhằm tôn trọng sinh mạng của chúng sanh nên dùng chay hơn là dùng mặn.”

Cũng từ đó các nước theo Phật Giáo Đại Thừa chỉ dùng chay chứ không dùng mặn. Tuy nhiên, Đại Thừa như Nhật Bản và Tế Điền Hòa Thượng vẫn dùng mặn chứ chẳng dùng chay. Vì có lần Hòa Thượng Tế Điền nói rằng chính những vị Tăng trong chùa Thiếu Lâm miệng ăn chay mà tâm vẫn còn suy nghĩ việc mặn. Còn Ngài tuy miệng ăn mặn nhưng tâm lúc nào cũng chay tịnh, nên Ngài thản nhiên dùng mặn chứ chẳng dùng chay. Nhưng trong chúng ta mấy ai được như Tế Điền Hòa Thượng?

Buổi tối trong chùa thường yên tịnh. Các chú tiểu đọc kinh sách và thăm viếng nhau, còn tôi được đưa đến một nhà Phật tử thuần thành để dùng cơm tối. Mỗi lần đến gia đình Phật tử này, họ đem một khăn trắng ra để trải nơi ghế ngồi, mời tôi và một vị Sư đi cùng ngồi xuống đó, đoạn cả gia đình thi lễ rất cung kính, sau đó mời tôi dùng cơm. Đặc biệt khi nói chuyện với các vị Sư, cư sĩ không cùng ngồi để nói chuyện mà đứng suốt cả tiếng đồng hồ. Trong khi đó ở Thái Lan thì phải ngồi chứ không được đứng và sau khi chư Tăng dùng xong thì cư sĩ mới được dùng.

Việt Nam chúng ta thì có vẻ trung hòa hơn. Phật tử và chư Tăng nhiều khi ngồi ngang nhau cũng như cùng dùng cơm chung với nhau. Đó cũng là một điểm hay, nhưng khi các Phật tử Việt Nam đi đến những nước khác cũng nên thi lễ như các Phật tử địa phương thì

mới thích hợp hơn và cũng đừng nên thắc mắc là tại sao không giống như ở nước mình, vì mỗi nơi có một phong tục và một tập quán khác nhau, không thể nói đâu là tốt hơn hoặc xấu hơn được. Nếu có, chỉ là sự tương đối mà thôi và những gì đã thành thói quen rồi thì chỉ có thời gian mới thay đổi được.

Trong 3 ngày này, một người Phật tử Áo có quay phim tất cả các lễ lộc tại chùa cũng như lễ chúc thọ vị Sư trụ trì ở tuổi 73. Nếu quý Phật tử nào cần phim này, xin liên lạc về chùa Viên Giác, chúng tôi sẽ gửi đến quý vị xem cho biết để chuẩn bị cho một chuyến hành trình đi về Đông Phương xa xôi nhưng rất hữu ích cho cuộc sống tâm linh của mình.

Vào ngày 4 tháng 3, tôi có dịp sang Colombo đi thăm một ngôi chùa cổ xưa hơn 1.000 năm tuổi, to lớn, đồ sộ. Đặc biệt bất cứ người tăng sĩ hay cư sĩ Âu, Mỹ hay Á Châu nào, khi vào tháp và sân chùa đều phải bỏ giày, dép và đi chân trần vào làm lễ.

Tôi đã đi giày dép mấy mươi năm nay, chỉ bỏ giày dép khi vào phòng vào nhà, còn ở đây bỏ giày dép từ ngoài sân với độ nóng chừng 30 - 40°C, quả là điều cũng khó làm. Không phải sân chùa nào cũng lát gạch bằng phẳng, mà ở đây toàn cát và sạn lởm chởm. Quả cũng là một thử thách lớn vô cùng với tôi. Ai đi cũng tự nhiên, còn mình thì nhóm lên, nhóm xuống, thật chẳng giống ai.

Trên đường đi Colombo, chúng tôi ghé thăm một vị Bộ trưởng về Phật Giáo nơi dinh của vị này làm việc. Ông ta là một cư sĩ, nhưng rất thuần thành. Là một nhân viên của chính phủ, nhưng khi chư Tăng đến, ông ta thì lễ

hẳn hoi như bao nhiêu người Phật tử bình thường khác. Chúng tôi đã trao đổi các Phật sự tại Âu Châu cũng như Tích Lan và hy vọng Phật Giáo tại các Châu càng ngày càng gần gũi với nhau hơn.

Đi đến bất cứ nơi nào tại Tích Lan hay nói chung trên thế giới cũng thấy toàn là khách du lịch người Đức. Tôi đã nói tiếng Đức trong chuyến hành hương này nhiều hơn là tiếng Anh. Vì ở đâu cũng gặp toàn là người Đức. Người Áo và Hòa Lan cũng như Anh và Pháp thì thỉnh thoảng mới thấy một vài người. Người Nhật lại ít hơn ở nơi đây. Tại đây chỉ có những người nào muốn tìm vào chốn nội tâm thâm diệu thì mới đến. Nếu muốn ăn chơi hưởng thụ thì ở tại Tích Lan này thấy chẳng có gì đáng nói ngoài cái nắng cháy da vì gần đường xích đạo và có một bãi bể thật là thơ mộng.



Chụp hình chung với nhóm khách du lịch người Áo

Tôi đến đây để tự quên cái tự ngã của mình là một “phú Tăng” như bao nhiêu người đã gọi. Một người tu có thể có 5, 7 triệu Đức Mã trong tay, nhưng tất cả tiền tài ấy đều do Phật tử đóng góp cho chuyện chung đại sự, tôi không và chưa bao giờ nghĩ đó là của mình và khi đến đây tôi thấy nhiều vị Sư trụ trì là Tiến Sĩ, Cao học, là Viện trưởng của các Đại Học Phật Giáo danh tiếng nhưng vẫn đi chùi cầu tiêu và sống vô sản hoàn toàn. Đúng là đời chẳng có gì đáng nói. Sống đó rồi chết đó, thân cát bụi sẽ trả về với cát bụi, danh mà chi, lợi mà chi. Tôi rất thoải mái để trở về với cái bản lai diện mục của mình, từ một con người rất tầm thường sinh ra tại một nơi quê hương bùn lầy nước đọng của xứ Quảng Nam nghèo nàn, quê mùa chất phác. Rồi may nhờ duyên Phật để ngày nay tôi có tất cả và tôi cũng được quyền xem đó như không tất cả. Chẳng có pháp hữu vi nào mà không biến thể, ngoại trừ chân lý nhiệm mầu mà thôi.

Trước khi đi hành hương sang Úc từ 27/12/1993 đến 20/1/1994 và đi Tích Lan từ ngày 2 đến 17/3/1994, tôi đã chứng kiến 2 cái chết của 2 người và tôi cũng muốn kể ra đây để thấy cái vô thường của cuộc sống là gì, để từ đó chúng ta nên sống cho tha nhân và trở lại với chính mình để được an ổn, tự tại và giải thoát.

Về cái chết thứ nhất. Đó là sự ra đi của thân mẫu Hạnh Tấn. Chú là đệ tử xuất gia của tôi, hiện tu học tại Ấn Độ và đang làm luận án Tiến sĩ để trình cho Đại Học Hannover trong vài ba năm nữa.

Cách đây khoảng 10 năm. Hồi ấy là 1984, 1985 gì đó, Chú đang học năm thứ 2 tại Đại Học Hannover về chúng

chỉ sinh hóa học. Chú thường đến chùa mượn sách để đọc và một hôm nọ sau chuyến hành trình dài bên Mỹ về thì chú vào gặp tôi và xin được đi tu. Tôi cũng đã khuyên chú như khuyên bao nhiêu người khác là việc tu không phải chỉ một ngày và cả một đời sống lúc nào cũng phải hiện thân là Tăng Sĩ mới xứng đáng, nên cần tập sự một thời gian để làm quen với cuộc sống của nhà Thiền.

Chú đồng ý và vào chùa để ở, học hỏi, tu niệm và thời gian chú quyết chí xuất gia cũng là lúc gia đình chú từ Việt Nam đã được sang đoàn tụ, gồm một người mẹ và 2 em gái. Bà là một Phật tử đã quy y Tam Bảo, nhưng khi nghe con mình sắp xuất gia đầu Phật thì tim bà chết lịm giữa một đất trời bao la vô tận và xa lạ này. Bà đòi về lại Việt Nam và dùng mọi lời mọi cách để trình bày với tôi là không nên dụ dỗ chú đi tu, để chú học hành cho thành tài để đền ơn sinh dưỡng của cha mẹ và nối dõi tông đường. Ngặt nổi là gia đình chỉ có một mình chú là trai, không thể sống bất hiếu như thế được. Nhưng lòng chú đã quyết và cuối cùng rồi lễ thế phát cho chú cũng đã xong.

Bây giờ sau bao nhiêu năm tu niệm chú cũng đã thọ tỳ-kheo nhân lễ Hoàn Nguyện chùa Viên Giác vào đầu tháng 9 năm 93 vừa qua.

Khi chú chuẩn bị lên đường du học sang Ấn Độ, chùa có tổ chức một bữa tiệc mừng chú đi. Chú có phát nguyện rằng: “Thà mất mạng chứ không bỏ đạo.” Nghe câu ấy chắc mẹ chú không vui. Vì bà đinh ninh rằng chú sẽ phải hoàn tục chứ không thể ở suốt cuộc đời trong chùa mà không lo bổn phận của một người con trai khi thân phụ của chú không còn nữa.

Buổi tiệc đã qua, chú đã lên đường sang Ấn Độ cũng chính là lúc mẫu thân chú lâm trọng bệnh ung thư máu, đã đến giai đoạn thứ 3, mà tất cả các bác sĩ đều từ chối trị liệu. Bà vẫn chưa bao giờ nghĩ rằng mình sẽ chết và lúc nào cũng hy vọng, nhưng con cái thì không dám nói sự thật cho bà nghe, sợ bà buồn. Nhưng một hôm nọ tôi có nói với những người con rể và con gái của bà, là hãy nói khéo đi những điều mà bà cần phải biết, chứ để sau này thì muộn lắm. Cuối cùng rồi họ cũng đã nói ra những việc cần nói.

Chiều 26/12/1993, tôi cùng với chú Thiện Quang, bác Minh Tôn, sui gia với bà, và ông Helmut, một người Phật tử Đức hiện ở chùa Viên Giác, đi vào bệnh viện Siloa ở Hannover để thăm. Trước đó thì tôi đã đánh điện cho Hạnh Tấn rồi, nhưng điện tín tại Ấn Độ và Tích Lan chẳng có gì khác nhau, đi chậm hơn người. Khi Hạnh Tấn về Dehli mới nghe Thượng Tọa Chơn Thiện báo tin là đã nói chuyện với tôi qua điện thoại mới biết rằng có điện tín, bảo chú về vì thân mẫu đau nặng. Chú lo giấy tờ máy bay để về trong khi đó vẫn chưa nhận điện tín, nhưng qua Thầy Chơn Thiện báo tin chú đã tỏ rõ mọi việc.

Lúc ấy là 15 giờ 30 phút ngày 26/12/1993, chúng tôi đã có mặt tại giường bệnh của đạo hữu Diệu Thanh, thân mẫu của Hạnh Tấn. Hai cô con gái của bà cũng đang hiện diện.

Tôi thấy bà vẫn còn khỏe, khi trông thấy tôi, các cô con gái đã đánh thức bà dậy. Nhác trông hai bàn tay, tôi thấy sự chết chắc cũng gần kề. Ngồi một hồi lâu, chờ cho bà khỏe, nhưng không khỏe hơn. Chúng tôi bắt đầu tụng một thời kinh cầu an. Thời kinh mới đến giữa chừng, thì

mắt bà bắt đầu từ từ nhắm lại, các con của bà đưa tay lên mũi bà thì không còn hơi thở nữa, tôi bắt đầu tụng sang chú vãng sanh và Bát-nhã, thay vì cầu an chuyển thành cầu siêu. Sau đó tôi nói một ít ý nghĩa về sự vô thường của cuộc đời, khi thân trung ấm của bà trong giai đoạn tốt nhất, nghĩa là khi tâm thức mới lìa trần.

Cái chết và sự sống rõ ràng quá và kề cận quá nhưng có mấy người để ý đâu. Sống cứ lo tranh nhau từng tiếng nói, gom góp từng đồng bạc đồng vàng, để rồi một ngày nào đó, chẳng biết là bao lâu khi hơi thở không còn nữa, nhưng đâu có ai biết lo trước về sự chết đâu. Tôi nghĩ bà Diệu Thanh cũng không tin là mình phải chết, nhưng sự chết như bà ta cũng rất ít người có được. Phải chăng nhờ pháp Phật nhiệm mầu đã cảm hóa bà ta và nhờ có người con đi tu nên người mẹ hưởng được một phần phúc báu? Chết thì ai cũng chết, nhưng có nhiều cái chết rất có ý nghĩa. Tôi đi cả hàng ngàn đám ma, nhưng chưa có một cái chết nào an nhiên tự tại như cái chết này. Nhưng dẫu sao nó cũng chỉ nằm trong cái vô thường của cuộc đời mà thôi.

Cái chết thứ hai của Phật tử Lâm Đạo Tú, pháp danh Thiện Niệm, ở Speyer cũng là một cái chết đáng nói.

Sau khi đi Úc về ngày 20/1/94 thì tôi nhận được điện thoại từ gia đình gọi đến nói là Tú đang bệnh nặng. Bệnh sưng cơ tim và đang muốn ấn tống Kinh Dược Sư cũng như nhờ tôi xuống quy y cho Tú và cho gia đình. Tú đã ăn chay được 4 năm trường và đang đi làm cho một cơ quan từ thiện Thiên Chúa giáo tại Speyer. Gia đình cũng như cá nhân Tú đóng góp rất nhiều cho chùa Viên Giác, nên tôi cũng có bốn phận hướng dẫn thật cần kě

những gì mà gia đình cần. Có một điều cũng hết sức quan trọng, theo gia đình cho biết là Tứ không chịu ăn mặn trong khi bệnh, mặc dầu bác sĩ đã khuyên. Gia đình có hỏi ý tôi. Tôi dẫn giải theo Luật Tạng, chứ không phải ý riêng của mình rằng tất cả mọi trường hợp đều có lỗi, nhưng trừ khi bệnh nặng theo lời khuyên của bác sĩ có thể dùng để lành bệnh, sau khi khỏi bệnh ăn chay lại cũng không sao. Thế là Tứ dùng mặn trở lại, mặc dầu trong tâm ý cũng không thấy thích thú mấy.

Sau Tết một tuần, vào ngày 18/2/94 tôi đến nhà để làm lễ quy y cho gia đình và cho một vị thọ Bồ Tát giới tại gia, sau đó tranh thủ thời giờ đến bệnh viện để thăm Tứ và nói về chuyện vô thường của cuộc đời. Khi các anh em của Tứ đưa tôi đến bệnh viện, Tứ còn khỏe lắm, thò tay vào túi áo lấy ra một phong bì đỏ, trong ấy có nhiều tờ giấy bạc thật mới tinh của thân nhân mới lì-xì cho Tứ vào dịp Tết. Tất cả 100 Đức Mã, hai tay Tứ cầm phong bì trao cho tôi và nói rằng:

- Bạch Thầy, cơn quốc nạn và pháp nạn bên nhà chưa sáng sủa, kính nhờ Thầy chuyển giùm số tiền này về để con giúp quý Thầy bên nhà.

Tôi cầm phong bao lì-xì mà lòng ghen ngào khó tả. Sau khi nói chuyện với Tứ độ 30 phút về vô thường, về khổ, không, vô ngã, tôi trao phái quy y cho Tứ với pháp danh Thiện Niệm. Tứ rất vui nhận được pháp danh đó và tôi có nói với Tứ rằng:

- Quả thật ở đời có rất nhiều người thân thể vẫn còn sống nhưng tâm họ bệnh hoạn vô cùng, trong khi Tứ thì khác, tuy thân bệnh nhưng tâm chẳng bệnh chút nào.

Tứ vui vẻ nhìn tôi và cầm tay tôi rà vào lồng ngực với quả tim còn nóng hổi để cảm nhận được rằng bệnh sưng cơ tim là bệnh càng khó trị và không thể nào sống lâu hơn nữa.

Lần này tôi cũng để ý đến hai bàn tay của Tứ trông giống của bà Diệu Thanh, thân mẫu của Hạnh Tấn, nên tôi có hỏi một câu cuối cùng là: Tứ có muốn nói gì nữa không?

Tứ bảo rằng:

- Nếu con có mệnh hệ nào, xin Thầy xuống giúp con.
Chỉ đơn giản có thể thôi, rồi tôi ra về.

Sau đó 2 hôm, vào buổi tối ngày 20 tháng 2 năm 1994, trong khi chờ xem phim Đại Hàn trên đài truyền hình ZDF về một đề tài rất hay mang tên là “Con Đường Đi Đến Sự Giác Ngộ” vào lúc 23 giờ 30, ngay lúc ấy tôi nhận được tin Tứ mất và tôi hướng dẫn mọi việc cần thiết cho việc tẩn liệm cũng như cho gia đình biết rằng ngày 25/2/1994 sẽ là ngày an táng Tứ, tôi sẽ có mặt tại Speyer theo như điều nguyện ước của Tứ. Thế là một sự ra đi nữa đã đến một cách đột ngột, Tứ mới chỉ 27 tuổi đời, lứa tuổi còn đẹp lắm nhưng mấy ai đã ngờ.

Trong 2 tiếng đồng hồ xem phim, tôi đã liên tưởng đến sự chết rất nhiều, nhất là về cái chết của Tứ. Nội dung của phim không có gì đặc biệt, nhưng vì sự có mặt của một phim mang tên là “Little Buddha” được trình chiếu khắp nơi tại Âu Châu đã làm cho người ta bỏ đạo Chúa theo Đạo Phật rất nhiều, nên trên đài truyền hình liên tiếp chiếu nhiều phim về Đạo Phật để rộng đường dư luận trong quần chúng. Khi thấy tựa đề phim rất

hay, nhưng tôi cũng nghi là chắc có gì không ổn nên mới đem chiếu vào giờ này như phim của Phật Giáo Đại Hàn lần trước cách đây mười mấy năm và tôi đã có lần xem cũng như viết trên Viên Giác trong mục: “Đường Không Biên Giới”. Hoặc giả họ không muốn cho nhiều người biết đến Đạo Phật chăng?

Câu chuyện được dựng thành phim như sau:

“Có một cô gái nọ trước khi có ý định xuất gia đã ăn nằm với một thanh niên, nhưng không được gia đình đồng ý. Cô ta vào một Ni Viện ở Đại Hàn để xin phép đi tu. Cùng lúc với cô cũng có 2 người khác được phép xuống tóc, nhưng cô thì không, trong khi đó vị Sư Nữ trụ trì rất mến thương cô và muốn độ cô qua các cuộc hạch hỏi về sự sanh cũng như sự tử. Cuối cùng vị Sư trưởng ấy cho cô xuất gia và sau một thời gian tu học tại chùa, cô đã được đi học ở Đại Học Phật Học. Trong thời gian đi học, nhiều người đã tranh luận về giáo lý với cô, cô đuối lý nên về chùa tìm học thêm nơi Sư phụ. Trong thời gian cô ở chùa có một chàng lãng tử hay say rượu đến chùa quấy phá ni chúng và chính cô là người bị thử thách nhiều nhất. Trong khi cô lay sấm hối hết ngàn lay này đến ngàn lay khác, thì anh chàng say rượu kia động lòng dục vọng đã tìm cách cưỡng bức, nhưng kịp có người ngăn cản. Cuối cùng vị ni trẻ kia cũng muốn độ cho chàng lãng tử kia trở về con đường chơn chánh, nhưng vì nội lực chưa định thì làm sao hàng được ngoại ma? Chính cô đã mang tâm Bồ Tát muốn giúp cho một người sống cho đáng con người, nhưng người bị cảm hóa không phải là kẻ thế gian kia mà chính cô là người đã bị đồng hóa bởi cuộc đời vui ít khổ nhiều ấy.”

Mấy màn làm tình quá táo bạo đã được màn ảnh tivi phanh phui chẳng biết để làm gì? Không biết tại sao Phật Giáo Đại Hàn chẳng có thái độ về phim này? Ít nhất đây là lần thứ 2 tại nước Đức đã chiếu những phim không ích gì cho Phật Giáo!

Thế rồi cô ta buồn bã trở về chùa. Vị Sư nữ trả lại mũ nón ngày xưa để cô trở lại với cuộc đời trần thế. Cô ta đi làm y tá cũng mang Bồ Tát hạnh đi vào cuộc đời, nhưng cũng không giúp được nhân sinh bao nhiêu. Chồng cô càng ngày càng say sưa nghiện ngập và cuối cùng thì chết trong một cuộc làm tình. Vị ni cô hoàn tục đã nuôi con cho khôn lớn, trong lúc đó tại chốn núi đồi hẻo lánh kia Ni chúng vẫn tu hành, nhưng cũng không qua khỏi những thử thách của cuộc đời. Sau đó cô y tá ấy thành thân với một người chồng khác, nhưng vẫn không có hạnh phúc. Trong khi đó vị Sư nữ trụ trì sắp viên tịch, có ý nhắc cô về để nhờ các Sư trưởng, Sư muội giúp đỡ cô để trở về con đường như hạnh nguyện lúc ban đầu của cô đã đi.

Vị Sư nữ có căn dặn lại rằng:

“Thân xác vốn vô thường, sau khi hỏa thiêu xong nên đem tro xương còn lại ném vào hư không để những gì của cát bụi hãy trả về với cát bụi.” Lễ trà tỳ lửa cháy ngất trời. Ai ai cũng cảm thương cho một vị Sư chân chánh đã suốt đời vì đạo hy sinh.

Còn cô tu nữ ra đời kia chỉ chờ cho mọi người ra về, nhặt lại đồng tro tàn của Sư phụ, để được một người bạn tu thử trước dạy cho một bài học trong kinh Bát Nhã về có và không, về vô thường, vô ngã. Câu chuyện chấm dứt tại đó sau 2 tiếng đồng hồ trình chiếu.

Không biết mọi người xem phim nghĩ sao, còn tôi chỉ có 2 chữ để kết luận, đó là “vô nghĩa”. Phim không mang đến một sự giác ngộ nào cả, tại sao lấy tên là Con Đường Đi Đến Sự Giác Ngộ? Cũng như phim trước nói về sự đọa lạc của một người tăng sĩ nhưng lại lấy tên là Hoa Mạn Đà La? Tôi không biết những phim như thế các vị Sư Đại Hàn có được biết trước khi cho trình chiếu không?

Khoảng 1 giờ 30 phút khuya phim mới chiếu xong, tôi uể oải lên giường, nhưng tâm thức cứ nhớ mãi về cái chết của Tú và về cuốn phim vô duyên ấy.

Ngày 25/2/1994, tôi có mặt ở nhà Tú để làm lễ phục tang và sau đó ra nhà quàng để làm lễ tiễn đưa lần cuối. Cả một nhà quàng rộng lớn nhưng không còn chỗ ngồi. Có lẽ phải trên 100 người đi đưa và có hơn một nửa là người Đức. Tôi tụng kinh, làm lễ chú nguyện và nói về ý nghĩa vô thường bằng tiếng Việt và tiếng Đức cho những người Đức dự lễ nghe và chung lời cầu nguyện.

Sau khi Tú đã nằm yên dưới lòng đất, mọi người ra về và tôi cũng thế. Khi về đến nhà, tôi làm lễ trí linh và tối đó giảng một thời pháp cho mọi người trong xóm nghe rồi hôm sau làm lễ sơ thất cho Tú.

Ở đây có điều đáng nói là tất cả số tiền đi điều của bà con bạn hữu xa gần độ 3.050 Đức Mã, gia đình muốn hồi hướng về chùa Viên Giác 1.000 Đức Mã, số còn lại nhân lúc tôi đi Tích Lan giúp làm phước cúng dường nơi các chùa tại đây cho Tú cũng như giúp đỡ cho các trẻ em mồ côi và những người già. Số tiền trên đổi được 56.000 rubie. Với số tiền này một người lao động bình thường ở Tích Lan suốt cả năm trường cũng không thể dành dụm

được. Vì thế khi làm một cử chỉ nào đầu nhỏ nhất nhất như cho một người mẹ ăn xin, khi cho 5 rubie hoặc khi cúng dường cho các vị Sư và các chùa bằng một hay hai ngàn rubie, tôi đều hồi hướng cho Phật tử Lâm Đạo Tứ, pháp danh Thiện Niệm được cao đăng Phật quốc. Điều đó tôi cũng phải cảm ơn Phật tử Thiện Niệm và gia đình đã tạo cho tôi có một duyên lành với Phật pháp tại xứ này.

Một điều khác, chính nhờ cái chết của Tứ mà nhiều người đã theo đạo khác xưa nay, bây giờ đã trở về với Đạo Phật. Người ta theo vì bốn phận, vì trách nhiệm với gia đình hay vì một lý do nào đó, nhưng nay tất cả không phải thế. Chính niềm tin mới là cuộc sống của tâm linh, là sự giải thoát của linh hồn, còn tình yêu, vật chất, sắc đẹp v.v... nó chỉ ở trong sự giới hạn của cuộc đời.

Qua hai cái chết của 2 người ở hai hoàn cảnh khác nhau lồng vào trong 2 chuyến hành hương có ý nghĩa của tôi, nên tôi quyết đưa vào sách này và lấy tên sách là “Giữa Chốn Cung Vàng”, tường thuật lại chuyến đi đầy ý nghĩa này.

TRONG CUỘC HÀNH TRÌNH

Vào ngày 6 tháng 3 năm 1994, chuyến xe hơi nối liền giữa tu viện Piriven ở Weliweriya đến cựu cố đô Anuradhapura, xa chừng 270 km nhưng phải mất gần 8 tiếng đồng hồ chúng tôi mới đến được tu viện ở gần cố đô này.

Trên chuyến hành hương này có Đại Đức Seelawansa với tôi, một chú sa-di đi theo để giúp vài công việc cần thiết và một gia đình Phật tử lái xe gồm 6 người, cộng chung là 9 người cả thảy trên một xe mini bus loại của Nhật.

Trên đường đi gặp toàn cây trái của quê hương mình. Nào xoài, nào ổi, nào mít, nào măng cầu ta, đu đủ, chuối... đủ loại, cũng như những trái thơm ngọt ngào mát lịm đã làm cho chuyến hành hương càng thêm ý nghĩa. Có những cây mít có hàng trăm trái, tôi đã chụp hình. Có những đám ruộng có trâu đang ăn cỏ cùng vài con cò nhón nha tìm lúa rụng sau mùa gặt, tôi cũng đã cố làm sao chụp hình cho được để nhớ lại một thời cách đây ba bốn chục năm trước, tôi cũng là một chú bé nhà quê, rất quen thuộc với những cảnh ruộng đồng này. Tôi đứng trong ruộng lúa, thơm mùi lúa chín, nghe như quê hương mình gần gũi đâu đây. Nhìn đàn cò trắng sắp hàng thẳng tắp bay về một phương trời vô định, tôi đã nhớ về quê hương và bè bạn rất nhiều.



Cây đu đủ sây trái

Tối đó chúng tôi đến một tu viện gần kinh đô, thi lễ với Đại Sư trụ trì, nguyên là vị thầy cũ của Đại Đức Seelawansa. Ngài rất từ bi và miễn cán. Tại đây tôi được săn sóc tận tình và cũng được các chú sa-di rất tò mò nhìn và cười chứ tuyệt nhiên không nói lời nào cả.

Ngày hôm sau, 7/2/1994, chúng tôi được đưa đi xem cựu kinh đô này. Anuradhapura nằm về phía bắc Colombo, do Thái tử Vijaya thuộc dòng Sinhala thành lập và sau đó vua Pandukabhaya biến thành kinh đô năm 380 trước Tây lịch. Nơi đây có nhiều chùa tháp của Phật giáo Đại Thừa cũng như Tiểu Thừa. Có tượng Đức Phật nhập định rất nổi tiếng, có hồ tắm của chư Tăng và đặc biệt có cây Bồ-đề đã tồn tại gần 2.300 năm lịch sử, do Sư Cô Công Chúa Sanghamitta, con gái vua A Dục và em ruột Thái Tử Mahinda mang đến, và nhánh cây này được chiết từ cành cây mẹ ở cây Bồ-đề nơi Đức Phật thành đạo tại Bồ-đề Đạo Tràng nơi Ấn Độ. Cây Bồ-đề tại Bồ-đề Đạo Tràng đã bị 2 lần chặt phá¹ và nay vẫn còn, cũng là một cây rất linh thiêng đối với các Phật tử hành hương về xứ Ấn. Ở Tích Lan, cây Bồ-đề tại đây được dân chúng xem như một bảo vật linh thiêng mà thế giới không nơi nào có được.

Chúng tôi đến đó vào lúc 13 giờ trưa, bị đóng cửa và chờ đến 14 giờ mới vào đánh lễ được. Khi vào đến thánh địa này, tôi đã tụng kinh cầu nguyện cho quê mẹ và Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất sớm có hòa bình an lạc trong khi truyền đạo giải thoát vô ngã cho dân mình.

Khi lên nơi gốc chánh để lễ bái, tôi đã trông thấy một số người theo Ấn Độ giáo đã cầu đảo cho các cặp vợ chồng

¹ Xem sách Lòng Từ Đức Phật của cùng tác giả.

tại đây. Quả thật ở đâu cũng vậy, Ấn Độ cũng thế mà Tích Lan cũng không tránh được vấn đề này, bất cứ nơi nào có những thánh địa của Phật Giáo, người theo Ấn Giáo đều tìm cách chen chân vào. Họ lý luận rằng Đức Phật đến từ Ấn Giáo và cũng là một vị thần của Ấn Độ giáo, nên họ nghĩ là Phật Giáo cũng là Ấn Giáo. Chung quanh gốc Bồ-đề này được bao bọc bởi những cây trụ vàng rất kiên cố, sặc sỡ. Những trụ này được dựng vào năm 1966. Gốc cây này đã tồn tại 2.300 năm, nhưng so với gốc cây Bồ-đề tại Ấn Độ đã bị chặt phá 2 lần nhưng vẫn còn nhỏ hơn, có lẽ tại đất Tích Lan không tốt mấy và không được tưới nước thường xuyên nên mới như vậy chăng?

Tại vườn Kỳ Viên nơi thành Xá Vệ cũng có một cây Bồ-đề mang tên là cây Bồ-đề A-nan cũng được chiết từ cây chính tại Bồ-đề Đạo Tràng đem trồng, nhưng so với cây tại Tích Lan cũng còn nhỏ hơn rất nhiều.



Giữa đồng ruộng thanh bình



Ngon tháp Đại thừa

Tôi đi chậm chậm bên đại tháp và nhặt được 3 lá vàng rơi từ chính gốc cây mẹ có 2.300 năm lịch sử ấy, đem về Đức để tôn thờ chung với lá Sésam trong rừng nơi Đức Phật đã có lần giảng cho các đệ tử khi còn tại thế mà nhân chuyến hành hương Ấn Độ hồi năm 1989 tôi đã nhặt được đem về.

Sau đó chúng tôi đến đánh lễ ngôi chùa cũ nhất trong một động đá có 2.300 năm lịch sử. Chính Sư Cô Công Chúa Sanghamitta con vua A Dục đã ở đây và Thái Tử Mahinda cũng đã nhiều lần đến đây cầu nguyện.

Đến đó chúng tôi gặp một phái đoàn người Pháp do một người Việt Nam hướng dẫn. Quả cũng lạ đời, tôi không nghĩ là tôi có thể dùng tiếng Việt ở nơi đây, ngoại trừ tiếng Anh và tiếng Đức, nhưng điều đó đã trở thành



Tượng Phật nhập định

hiện thực. Nhìn vóc dáng của ông ta cũng độ tuổi lục tuần, lai Pháp, và nói tiếng Việt hơi cứng giọng. Ông ta bảo rằng ông đã ở xứ Pháp lâu năm và hướng dẫn đoàn hành hương về thăm Việt Nam trước khi sang đây.

Nhìn người mà nghĩ đến thân phận mình, xa nước cũng đã 22 năm rồi nhưng chưa có lần nào đặt chân về quê mẹ, ngoại trừ năm 1974 từ Nhật về chỉ được một tháng. Hơn 20 năm xa quê, biết bao nhiêu thương nhớ, nhưng có lẽ vẫn còn cơ hội. Nhìn người Việt Nam tóc bạc lai Pháp vẫn còn có cơ hội để trở lại thăm quê hương sau mấy mươi năm xa cách, thì tôi vẫn còn được một niềm tin vào một ngày nào đó để về thăm cố quốc. Một con chim nhạn lạc đàn vẫn muốn nhập vào đàn cũ để cùng bay, hướng chỉ con người, sao có thể không nhớ quê hương xứ sở? Đúng là một việc đáng buồn. Con thỏ chết

còn tự quay đầu về hướng núi, nơi từ đó nó đã ra đi. Con người ít ra cũng phải giống như hoa hướng dương, khi còn sống lúc nào cũng phải hướng về mặt trời; khi chết đi, tuy chưa làm tròn điều nguyện ước nhưng cũng phải nuôi thêm những hạt giống để thế hệ mai sau tiếp tục xoay về hướng mặt trời.

Tôi đã có nhiều lần tiếp chuyện với Sư Cô Aya Khema, một người Đức gốc Do Thái sinh ra tại Đức, lớn lên theo học tại Mỹ và Trung Hoa, đến khi tuổi về già xuất gia học đạo tại Tích Lan, Thái Lan, hành đạo tại Úc Đại Lợi, nhưng đến tuổi xế chiều, người đã về lại Allgau gần Muenchen là quê hương cũ của song thân để tham thiền nhập định và an hưởng tuổi già chờ ngày viên tịch. Quả thật quê hương là cái gì mà ít ai định nghĩa được.



Cây bồ-đề đã 2.300 năm tuổi

Chiều ngày 7/2/1994, chúng tôi trên đường đi đến kinh đô thứ 2 tên là Polonnaruwa. Từ Anuradhapura đến Polonnaruwa, đường xa chừng 233 cây số nhưng phải mất khoảng 6 tiếng đồng hồ.



Tượng thờ Sư cô Công chúa Sanghamitta con vua A-dục

Trên đường về quê của Đại Đức Seelawansa, chúng tôi đã ghé thăm một tượng Phật tại Aukana cao 12 mét, tạc vào thế kỷ 11, bằng một loại đá đẹp nhất Á Châu. Ở đây tôi đã gặp một người Đức già muốn nhận Á Châu làm quê hương tâm linh của ông ta.

Ông ta kể về việc sang thăm Việt Nam và các nước Á Châu rồi nói với tôi:

- Tất cả chúng ta đều cùng nguồn gốc - là con người
- không nên phân biệt Âu, Á.

Sau khi tiếp chuyện với ông, chúng tôi lên đường đi về quê hương của Đại Đức Seelawansa. Đại Đức có hoàn cảnh giống hệt tôi, sinh ra từ chốn đồng khô cỏ cháy, lớn lên có duyên lành với Phật Pháp, nên đã vào chùa ở từ năm 11 tuổi và đến nay đã 40 tuổi đời, sau 29 năm tu niệm. Được đi du học sang Áo và khi đến Áo chỉ còn trong túi khoảng 300 Đức Mã.



Ngôi chùa cổ nhất tại Tích Lan với 2.300 năm tuổi

Sau 11 năm ở Áo, Đại Đức đã làm xong luận án Tiến Sĩ và đang dạy tại Đại Học ở đây mỗi tuần một vài giờ cho các sinh viên học về Phật Giáo cũng như triết học Đông Phương. Tại Wien, Đại Đức cũng có một thiền đường nhỏ hướng dẫn các Phật tử Áo tu thiền. thỉnh thoảng cũng có một vài Phật tử Việt Nam đến đó để học đạo.

Đi đến đâu Đại Đức không tự xưng mình là Tiến Sĩ và Giáo sư Đại Học tại Wien, mà rất khiêm nhường và giữ đúng khuôn phép của thiền môn, luôn luôn tôn kính các bậc trưởng thượng, chẳng có gì là kiêu cách của một người trí thức như một số người trí thức khác. Ai có tò mò hỏi đến chức vụ hay học vị, Đại Đức chỉ trả lời bằng cách mỉm cười, có tức không theo tinh thần Bát-nhã là xong.

Đại Đức làm mọi chuyện mà mọi người khó tin khi về nhà anh chị, như khi còn là một chú bé. Đại Đức rất



Những người Pháp trong đoàn hành hương

hãnh diện về nơi sinh trưởng của mình, mặc dầu đồng quê chẳng có gì cả. Nhưng chính quê hương ấy đã nuôi lớn và dưỡng dục nên bậc nhân tài này. Đại Đức rất ít nói về mình, quả đây cũng là tinh thần vô ngã thực sự của Đạo Phật. Đại Đức có bảo tôi là cũng đừng nên viết tốt hoàn toàn về Tích Lan mà ở đâu cũng có những mặt xấu. Tôi hoàn toàn đồng ý về điều đó. Việt Nam ta vẫn thường có câu:

*“Ở đâu cũng có anh hùng,
Ở đâu cũng có kẻ khùng người điên.”*

Trong thế giới Ta-bà đầy khổ lụy này làm sao có sự toàn thiện. Thậm chí cái xấu ác có lẽ nhiều hơn, nhưng tôi chủ trương nhìn cái đẹp của con người trước, nên cái xấu chỉ là điều phụ thuộc của vấn đề. Người Nhật khi chỉ những vị tu sĩ tu hành không chơn chánh thường nói câu: “Namagusa bozù” - nghĩa là “người tu thiếu chín chắn”.

Ở Tích Lan cũng có lắm người lợi dụng đạo, lợi dụng chiếc áo tu hành để làm lợi riêng cho mình, nên khi đến xin ở tạm một vài nơi chùa chiền hẻo lánh, các vị Sư trụ trì vẫn có tâm dè dặt. Nhưng khi nghe nói tôi từ Âu Châu đến, có nguồn gốc xuất xứ từ Việt Nam, đa số đã hoan hỷ gọi mời.

Phải thành thật mà nói, chính phủ Tích Lan đã lo cho dân họ rất nhiều. Bất cứ hang cùng ngõ hẻm nào cũng có điện và nước. Hầu như nhà nào cũng có tủ lạnh, một số nhà có tivi và video cassette. Dầu là nhà quê đi chăng nữa, ở đâu cũng có nhà vệ sinh riêng, không đi ra đồng bừa bãi như Ấn Độ hoặc miền Trung xưa mình. Thành thị thì ở đâu cũng vậy, nhưng điều ở đây muốn

nói là nhà quê mà đầy đủ tiện nghi như thế thì quả là một xã hội lý tưởng.

Dọc theo các quốc lộ đều có những giếng nước. Dân chúng nhà nào không có giếng cứ đến đó lấy nước mang về. Người Tích Lan ít đội đồ trên đầu, mang trên lưng hay gánh nước như mình, mà thường đeo hũ nước bên hông. Hũ nước có hình một cái tìn nhỏ, có đầu và miệng rất nhỏ để dễ ôm, còn phần thân và đáy tìn rất lớn, thường hay làm bằng nhôm.

Chỉ có vấn đề vệ sinh là đáng lưu ý vì bụi bặm quá nhiều và người dân có thói quen đựng đầu là xả rác đó. Điều đó tôi không quen làm nên thấy hơi khó chịu. Nếu nhà quê và thành thị đều cải thiện hết các điều kiện này thì quả là tuyệt hảo vô cùng.



Những người cùng đi trong chuyến hành hương

Tại Việt Nam, hơn 30 năm về trước, nơi đồng quê tôi ở vẫn chong đèn dầu, chưa có điện nước gì cả. Và bây giờ sau 30 năm với mọi diễn biến bề dâu của lịch sử, không biết Việt Nam có đỡ hơn xưa?

Khi còn nhỏ khoảng 8, 9 tuổi, lúc tôi theo mẹ đi chùa thấy các nhà trong làng mỗi tháng đóng một hay hai lon gạo gọi là gạo tiết kiệm để cúng vào quỹ Giáo Hội. Điều ấy thật đẹp biết bao. Vì nhà quê ngoài những thổ sản như gạo, bí, bầu... khó có nguồn thu nhập nào khác có tiền để dâng lên Tam Bảo. Thỉnh thoảng có một số quý Thầy về vùng quê hẻo lánh thuyết pháp và khi các chùa Tỉnh, chùa Tổ có lễ lạt gì, họ gồng gánh bí, bầu về để cúng dường. Những điều ấy nói lên mối đạo tình vô cùng thâm thiết.

Các chùa làng ngày xưa như nơi tôi ở vẫn chưa có Thầy hay Sư Cô trụ trì, nhưng bây giờ thì đã có. Thỉnh thoảng tôi vẫn nhận được thư kêu gọi của một số quý Thầy, Sư Cô tại các nơi này để trùng tu chánh điện hoặc làm nhà giảng v.v... Tôi đã giúp đỡ họ và có lẽ trong vài năm nữa tôi và một số quý Thầy tại quê hương xứ Quảng sẽ vận động xây lại chùa Tổ Chúc Thánh tại Hội An, Quảng Nam, cho thực sự xứng danh là chốn Tổ muôn đời. Vì nơi đây đã tạo ra không biết bao nhiêu là bậc danh Tăng, chân Tăng và cao Tăng cho khắp nước. Không chỉ phụng sự cho quê hương xứ Quảng mà cho toàn cõi Việt Nam và xa hơn là nhiều nơi trên thế giới. Các bậc tôn túc trong Hội Đồng Lương Viện Hóa Đạo không ít thì nhiều đều có quan hệ với chốn Tổ Chúc Thánh ngày nay. Người ta bảo chim có tổ người có tông cũng trong ý nghĩa ấy. Nếu người xứ Quảng không đứng ra lo cho xứ Quảng trước thì thử hỏi ai sẽ lo đây? Nói như thế cũng không

phải để phân biệt vùng miền Nam Trung Bắc, vì tất cả chúng ta là người Phật tử Việt Nam, nhưng mỗi nơi đều có điểm riêng đặc biệt, hãy duy trì, phát triển và hãnh diện về từng địa phương của mình. Đó cũng là một mỹ tục đáng nên gìn giữ vậy.

Đi đến nhiều nơi tại quê hương của Đại Đức Seelawansa, tôi thấy một số dây nhợ trắng treo khắp đường làng cùng cờ xí cũng màu trắng. Tôi hỏi Đại Đức đó là hiệu lệnh gì. Đại Đức bảo:

- Cờ xí và dấu hiệu ấy là để báo tin cho mọi người biết rằng trong khu vực này có người vừa mất.

Ở đây họ để tang cũng mặc toàn màu trắng, giống hệt Việt Nam mình. Trước huyệt mộ có dựng một huyền môn, có lẽ ghi lại tên tuổi của người chết. Người giàu thì có bia mã đàn ông hoàng. Kẻ nghèo chỉ có ba tấc đất



Bên ruộng lúa đồng quê

và thân cát bụi trả về cát bụi. Theo Phật giáo, thân thể con người được cấu tạo bởi bốn chất lớn là đất, nước, lửa, gió, khi chết đi thì bốn phần này cũng trả về với thiên nhiên. Cũng như nước bốc hơi từ biển biến thành mây, tạo thành mưa, mưa chảy ra sông, hồ, ao, biển... lại theo luật tuần hoàn của tạo hóa mà sinh diệt có không. Cuộc đời thật chẳng có gì tồn tại lâu dài cả, đúng như lẽ vô thường của nhà Phật.

Ở miền quê Tích Lan, đàn ông ăn trầu còn đàn bà thì rất hiếm. Ngay cả các vị tăng sĩ cũng hay ăn trầu như người thường vào các buổi chiều rảnh rỗi. Cau, trầu, vôi là ba loại mà các vị lớn tuổi thường để nơi đầu giường, có cả cối giã trầu và ống nhổ như ở Việt Nam ngày xưa. Các vị có bảo tôi ăn thử, nhưng ngại vì không quen nên thôi.

Tắm ở nhà quê cũng đơn giản lắm, chỉ ra giếng múc nước lạnh xối lên mình, chà xà phòng và kỳ cọ là xong, không cầu kỳ như Âu Châu hay Nhật Bản. Khi chưa đi xuất gia, tôi cũng tắm theo cách này. Bây giờ lặp lại thấy vui vui, nhưng có vẻ hơi xa lạ.

Sau một đêm và nửa ngày thăm viếng quê hương của Đại Đức Seelawansa, chúng tôi đã lên đường và các cháu của Đại Đức cũng như người nhà ra đánh lễ sát chân tôi, làm tôi cảm động vô cùng và nhớ đến gia đình tôi. Ông cụ thân sinh tôi ngày xưa cũng là Phật tử thuần thành, ngay cả thân mẫu tôi cũng vậy. Nếu không có những bậc sanh thành này thì ngày nay đã không có chúng tôi.

Chúng tôi rời nhà của Đại Đức Seelawansa đi vào cung thành Polonnaruwa để xem một số thánh tích Phật Giáo tại đây.

Chốn cố đô này được xây dựng vào thế kỷ thứ 11, rộng đến 5.940 mẫu tây, phải dùng xe hơi mới có thể đi hết được mọi chỗ. Nơi nào cũng có chùa tháp và nền móng của đền đài cung điện cũ. Nếu so với Việt Nam, cố đô Thăng Long cũng được xây dựng vào triều nhà Lý (1010-1222), nhưng chốn Thăng Long ngàn năm văn vật ấy không biết ngày nay có còn lại gì chăng? Hay chỉ còn ngôi chùa Một Cột bé tí teo và những bia đá Tiến Sĩ trong đền thờ Văn Miếu cổ? Có thể do chiến tranh loạn lạc đã phá hủy đi, nhưng cũng có thể do người Việt xưa kia không lưu lại dấu tích lịch sử nào đáng kể, nên chẳng có công trình nào nổi bật cho thế giới chú ý và loài người ngưỡng mộ.

Trong chốn cố cung này đặc biệt có dựng tượng Đức Thích-ca nhập diệt dài 50 mét và tượng Ngài A-nan đứng hầu bên cạnh với vẻ mặt buồn, cao độ 25 mét. Đây là những tượng được khắc sâu vào đá núi thiên nhiên, nên trải qua cả ngàn năm, với phong sương tuế nguyệt nhưng những đường nét điêu khắc vẫn còn sống động và rất tuyệt hảo.

Du khách có thể chụp hình nơi đây, nhưng tuyệt nhiên không được quay lưng vào tượng Phật khi chụp hình. Tất cả đều phải quay mặt vào hoặc quay mặt nghiêng qua chụp mới đúng phép. Những người lính gác tại đây sẽ hướng dẫn cho khách du lịch điều đó. Tất cả mọi người Tích Lan đều hiểu điều đó, từ chú tiểu rất nhỏ hay đứa bé mới biết nói, biết đi, nên không cần sự hướng dẫn như vậy.

Những di tích lịch sử này được Tổ chức UNESCO bảo trì với sự đồng ý của chính phủ Tích Lan, nên nơi đâu



Bảo tháp và trụ đá

cũng có lính canh phòng rất cẩn mật. Những người lính có nhiệm vụ bảo vệ các di tích lịch sử này. Thông thường du khách phải mua vé vào cửa, riêng những vị Sư không phải trả tiền khi vào những chỗ này.

Khi đến bất cứ nơi nào, Đại Đức Seelawansa đều giới thiệu tôi là một vị Thầy bên Phật giáo Đại Thừa. Mọi người có vẻ lạ lùng khi thấy tôi không mặc y vàng như những vị Sư Tích Lan, mà thường chỉ thấy tôi mặc áo màu lam hoặc màu nâu.

Có một hôm, chúng tôi gặp một phái đoàn hành hương người Pháp. Họ cũng hỏi chúng tôi về sự giống nhau và khác nhau giữa 2 tông phái Đại và Tiểu thừa. Thế rồi chúng tôi được họ mời chụp hình chung lưu niệm. Có thể khó có cơ hội để họ được gặp cả 2 trường phái cùng một lúc như thế này. Chữ Tiểu thừa được dịch từ Hinayana, Nguyên thủy là Theravada và Đại thừa là Mahayana. Ngày nay chúng tôi, các Tăng sĩ Đại thừa lẫn Tiểu thừa vẫn gặp nhau thường xuyên trong các cuộc họp trên thế giới, nên ít dùng các danh xưng Tiểu thừa hay Đại thừa mà chỉ gọi là Phật thừa (Buddhayana) mà thôi. Vì tất cả chúng ta đều là con Phật, nên gọi là Phật thừa có thể hay hơn.

Có nhiều lần Đại Hội Phật Giáo trên thế giới có đề nghị những điểm hay như thế này và có lẽ một ngày nào đó chúng ta sẽ thực hiện được. Đó là đề nghị rằng tất cả tăng sĩ Nam tông nên ăn chay và tất cả các tăng sĩ bên Bắc tông nên đắp y vàng như thời Phật còn tại thế. Nghĩa là nếu được, trong tương lai tất cả tăng sĩ đều ăn chay để thể hiện tình thương của mình đến với muôn

loài và khắp nơi trên thế giới chỉ còn thấy chung một bóng dáng người tăng sĩ dưới chiếc y vàng thì hay biết mấy. Nhưng không biết bao giờ mới thực hiện được điều ấy? Dĩ nhiên, mỗi dân tộc có một phong tục tập quán riêng, nên trong một vài chục năm hay một vài thế kỷ cũng khó mà thay đổi được.

Rời cố đô Polonnaruwa, chúng tôi đến Đồi Sư Tử tại Sigiriya. Đồi này cao 500 thước, do nhà vua Kasyapa xây dựng làm kinh đô từ năm 479 đến 497. Chỉ trong thời gian chưa đến 20 năm, nhà vua đã cho xây dựng không biết bao nhiêu là công trình nghệ thuật.

Tương truyền nhà vua là một họa sĩ nên đã biến một tảng đá lớn thành một hoàng cung. Không biết ngày xưa người ta phải làm thế nào để mang gạch mang đá lên tận trên đỉnh đá cao gần 200 mét ấy. Dẫu ngày nay kỹ thuật xây dựng có tối tân đi chăng nữa cũng khó thực hiện được. Ngày xưa, tất cả đều được điêu khắc bằng tay, nhưng chỉ chưa đến 20 năm mà hoàn thành một cung điện trên đỉnh núi cao như vậy quả là một phép mầu. Khách hành hương phải cực nhọc lắm mới leo lên được chốn hoàng cung ấy. Bây giờ chỉ còn lại ghế đá nơi vua ngồi ngự yến hay lâm triều, cùng một hồ nước trong veo, tuyệt đẹp. Có lẽ ngày xưa các cung tần mỹ nữ đã múa hát tại đây cho vua thưởng ngoạn trong khi tắm gội, nên cảnh trí thật trang nhã. Nếu so sánh đầu óc của người xưa với người đời nay, thật khác xa quá nhiều.

Bên hông phải của tảng đá còn sót lại 4 bức họa màu sắc tươi thắm được chạm vào trong đá, do chính nhà vua thủ họa, nên đã được bảo trì cả đội ngũ lính tráng của

chính quyền. Họ không cho chụp hình, vì sợ phai màu sắc đi. Mặc dầu hơn 1.500 năm rồi nhưng nét họa còn tuyệt mỹ lắm. Từ trên đỉnh đá này đi xuống đến chân đồi, ít nhất phải đi chừng 400 bậc thang. Đi xuống rất dễ dàng, nhưng leo lên không phải dễ. Đường lên sự giải thoát chắc còn khó hơn như thế nên rất ít người đi, vì khó khăn chập chùng muôn thuở. Còn đường vào cõi địa lạc trầm luân không cần cố gắng hành giả cũng dễ lọt vào. Ô hay, đời có nhiều điều đáng nói thay!

Phái đoàn tiếp tục đi đến địa phương Dambulla nằm về miền Trung xứ Tích Lan. Nơi đây là một động đá hoàn toàn có tính cách lịch sử của Phật giáo. Tuy không thu tiền vào cửa và không có lính gác của chính phủ bảo vệ nhưng rất sạch sẽ và trang nghiêm thanh tịnh, nhiệm mầu.



Một bức họa của nhà vua khắc trên vách đá tại đồi Sư Tử



Tượng Phật rất lớn trong tư thế nhập diệt

Đây là những tượng Phật được tạc vào trong động đá rất tuyệt mỹ vào thế kỷ thứ nhất dưới triều vua Valagamba trị vì. Gần 2.000 năm rồi nhưng những tôn tượng này tưởng như mới được tạc chừng vài trăm năm. Đây có thể nói là một trong những nơi đẹp nhất của xứ Tích Lan. Các vị Sư và các Phật tử ngày xưa đã thực hiện một công trình mà hậu thế dầu có tài năng đến đâu cũng khó có thể thực hiện được. Cả hàng trăm tượng Phật lớn nhỏ đủ kiểu và nhiều hình thức khác nhau như thuyết pháp, nhập định, nhập diệt, kinh hành v.v... đã được những nghệ nhân thời ấy tạo tác một cách rất tài tình. Nhưng thỉnh thoảng cũng có một vài tượng thần của Ấn Độ Giáo chen vào. Chẳng biết vì sao có việc này, nhưng theo nhiều người có kinh nghiệm cho biết rằng, nếu không để Ấn Độ giáo có mặt nơi các thánh tích Phật

giáo ấy, họ sẽ tìm cách phá tan tành những di tích lịch sử này. Vì vậy phải để họ hiện diện. Đúng ra Phật giáo quá từ bi. Đâu có bao giờ chúng ta đòi hỏi điều đó nơi họ? Đâu có lúc nào chúng ta đòi hỏi họ phải đặt tượng Đức Phật Thích-ca nơi đền thờ của họ? Thế mà nhiều nơi vẫn có, vì họ quan niệm rằng Phật cũng là một vị Thánh, một vị Bồ Tát trong thánh giáo của họ.

Chúng tôi gặp một số người Đức và người Áo nơi đây, họ chấp tay cung kính chào chúng tôi. Chúng tôi có hỏi họ rằng:

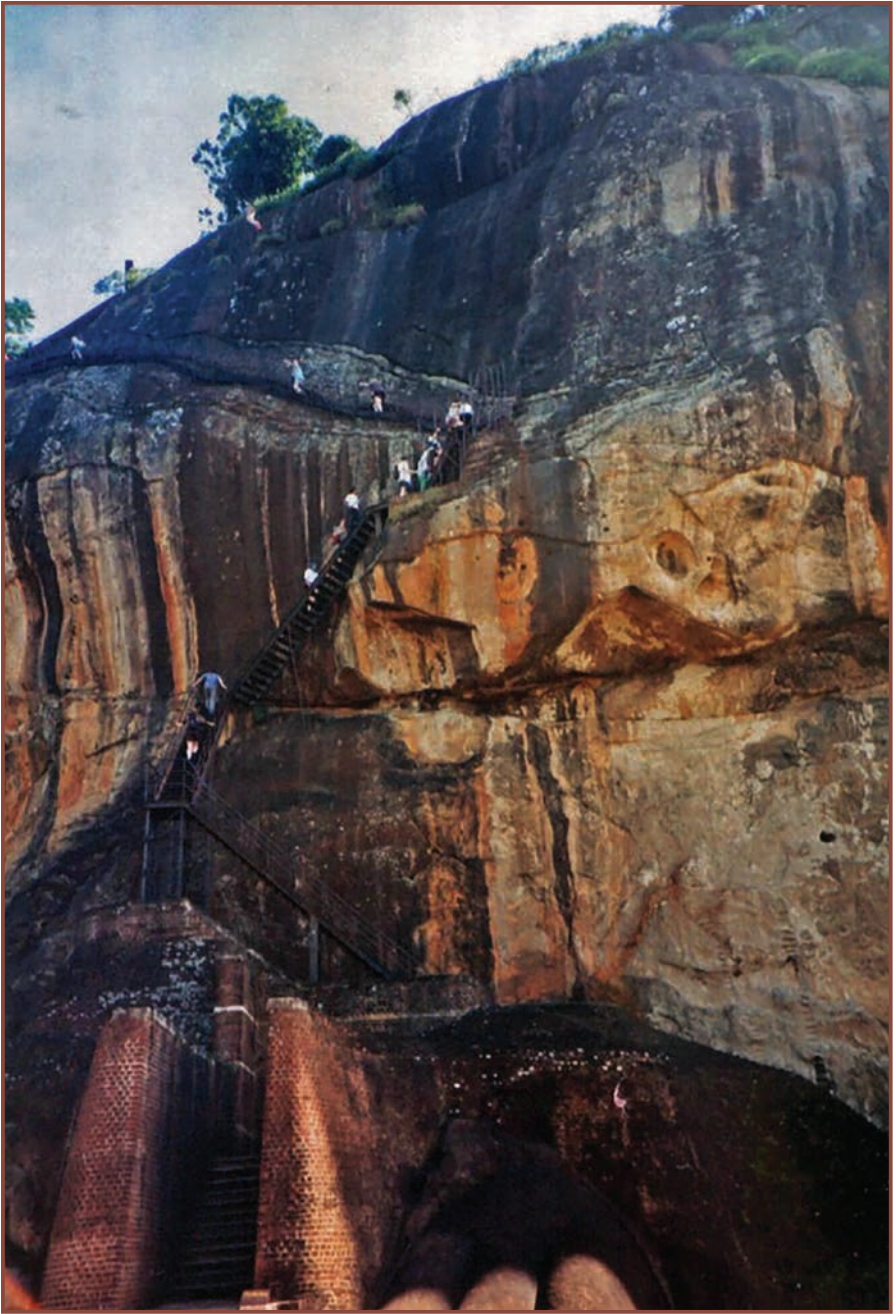
- Chắc quý vị là Phật tử?

Họ nhẹ nhàng trả lời:

- Không! Tuy nhiên, chúng tôi rất có cảm tình với Phật giáo.



Đồi Sư Tử với chiều cao gần 200 mét



Lên đồi Sư Tử

Đúng là phép Phật nhiệm mầu. Phật giáo là một chất liệu dưỡng sinh đã làm cho bao nhiêu người được lợi lạc. Cho nên phim “Little Buddha” do nhà đạo diễn Bertoroci người Ý, người đã dựng phim Hoàng Đế Cuối Cùng của Trung Hoa, thực hiện và cho trình chiếu khắp nơi, đã làm cho rất nhiều người Âu Châu đến với Phật Giáo.

Trong nhiều buổi giảng cho người Đức, tôi vẫn hay nói rằng:

- Nếu ngày xưa Đức Phật sinh tại Âu Châu, có lẽ tất cả quý vị đều là Phật tử.

Ai cũng cười lớn, ra ý hiểu lời tôi nói.

- Nhưng chẳng may vì Phật sinh ra tại Ấn Độ nên đến gần 2.500 năm sau, quý vị mới có cơ duyên tìm hiểu. Cũng chẳng muộn màng đâu. Chúng ta phải ví như thế



Động đá Dambulla



Tượng Phật trong động đá

này thì dễ hiểu. Phật Giáo là một cây đại thọ, gồm rễ và gốc mọc tại Á Châu, còn cành và lá cũng như hoa quả ngày nay đang đâm chồi nảy lộc tại Âu, Mỹ. Một cây có lịch sử 2.500 năm mà cành lá chỉ mới vài trăm năm, quả còn rất trẻ, nhưng hy vọng rằng những tinh hoa ấy sẽ đâm chồi nảy lộc nơi đây.

Trước khi phim “Little Buddha” được trình chiếu, báo chí, truyền thanh, truyền hình đã tìm cách phỏng vấn các Phật tử người Đức và báo chí đã loan những tin thuận lợi như sau: “Phật Giáo là một Tôn Giáo của thế kỷ 21.” Tờ Bildzeitung đã đăng tin rất lớn và những hình ảnh trong phim với tựa đề là: “Ngày nay người ta quên đi Đức Chúa đã đóng đinh trên thập tự giá và Âu Châu đang hướng về một đạo tự cứu mình để được giải thoát. Đó là Phật Giáo”.

Đạo diễn là người Ý, ông ta là một tín đồ Thiên Chúa giáo thuần thành, nhưng ông này tin có luân hồi nhân quả và Phật tính. Nội dung của phim được lược kể như sau:

“Một vị Sư Tây Tạng nghĩ rằng sau khi Sư phụ mình viên tịch, thân thức tái sinh vào nhiều nơi khác nhau, đặc biệt là tái sinh làm con của một gia đình người Mỹ. Ban đầu thì cha mẹ đứa bé chẳng tin luân hồi là gì và chẳng bao giờ hiểu thế nào là kiếp sau. Nhưng người mẹ thấy có vẻ khác lạ nên vẫn để ý đến.

“Lần thứ 2 khi nhà Sư này đến thăm chú bé, có nói chuyện cùng cha mẹ chú về việc tái sinh này một lần nữa. Trước khi vị Sư ra về có tặng cho chú bé một quyển sách về cuộc đời của Đức Phật Thích Ca và bắt đầu từ đó phim được lồng vào cuộc sống của Đức Phật với sự tái sinh theo thuyết luân hồi của Phật Giáo.

“Người cha vẫn không tin về sự tái sinh và một hôm dẫn con mình đến Tu Viện của Tây Tạng trên xứ Mỹ, vị Sư Tây Tạng đã chứng minh cho người cha thấy rằng sự chết không phải là hết, bằng cách lấy một ly nước đập bể. Sau đó nhà Sư lấy khăn thấm nước dưới đất và vắt thật ráo nước trong khăn còn lại, rồi chỉ cho người cha của chú bé. Đó là sự tái sinh. Nghĩa là cái ly kia có bể, ví cho thân xác này có chết đi, nước kia biến thể cũng như tâm thức của con người trải qua nhiều giai đoạn khác nhau, nhưng bây giờ nước vẫn còn tồn tại dưới một dạng thái khác. Đây là một ví dụ về sự luân hồi và tái sinh.

“Một hôm nọ người cha quyết định đưa chú bé sang Bhutan, một quốc gia Phật Giáo gần xứ Tây Tạng, để

chú bé làm quen với các đền đài cung điện và chùa chiền cũ ngày xưa. Đến đây chú bé được gặp một cậu bé và một cô gái địa phương khác cũng là phân thân của vị Thầy cũ của vị Sư kia. Một cuộc giảu nghiệm được đặt ra là 3 người ấy ai là vị Sư đã tái sinh, bằng cách để một hàng 4 cái mũ giống nhau, trong đó có một cái của vị Lạt Ma đã viên tịch. Cả 3 đứa bé đều chọn cùng một cái mũ. Nghĩa là điều đó đã đúng với sự phân thân. Cuối cùng thì phải hỏi ‘cốt’. ‘Cốt’ là một hình thức cầu đảo hơi mang tính mê tín dị đoan, nhưng ai có lần đọc quyển Tự Do Trong Lưu Đày hay Nước Tôi Và Dân Tôi của Đức Đạt Lai Lạt Ma sẽ hiểu về việc này. Chính Đức Đạt Lai Lạt Ma khi có những quốc sự khó khăn cũng phải cầu cứu đến ‘cốt’ này.

“Cuối cùng thì ‘cốt’ đã cho biết là cả 3 đều là hóa thân của vị Sư, Sư phụ của vị Sư đang đi tìm sự hóa thân ấy. Khi vị Sư đã làm xong bốn phận của người đệ tử đối với Thầy mình, vị Sư này đã đi đánh lễ 3 hóa thân kia và chờ ngày phong thánh cho 3 vị ấy, thì vị Sư kia cũng muốn mình trở về với bản lai diện mục của mình và hỏi người cha của đứa bé bên Mỹ rằng: ‘Bây giờ ông đã tin về tái sinh chưa? Bây giờ tôi sẽ trở về Tây Tạng.’ Nói xong, vị Sư nhập thiền định và xả báo thân này một cách an tường.

“Sau khi thiêu xong, cốt của vị Sư kia chia làm 3 phần. Một phần để lại cõi đời, một phần rải vào hư không và một phần chú bé tái sinh mang về Mỹ để rải vào biển cả.”

Đó là cốt chính của câu chuyện, còn lịch sử Đức Phật Thích-ca, chúng ta ai cũng biết. Tuy nhiên nhà đạo diễn

là người Âu nên diễn tả những câu chuyện rất thật mà khiến cho người xem trực hiểu được vấn đề. Ví dụ như khi Thái Tử dạo chơi 4 cửa thành về, Thái Tử đắm chiêu lăm lăm, nhất là sau khi đã thấy rõ cảnh sanh, già, bệnh, chết. Theo sách vở chỉ kể vậy thôi, nhưng ở đây nhà đạo diễn đã bộc lộ hết được ý nghĩa của sự chết qua sự thể hiện tâm tư của mình bằng cách làm cho Thái Tử cũng như vua Tịnh Phạn hiểu rõ sự chết là gì, nên đã mang một ít tro tàn của một đám thiêu xác về lại cho phụ thân, trao ngay cho vua cha và nói cho cha biết rằng: “Rồi ra cha và con cũng chỉ còn có thế, thân cát bụi sẽ trả về với cát bụi.” Đúng là luật vô thường và cuối cùng Thái Tử đã vượt cung thành xuất gia tầm đạo.

Đa số câu chuyện đều hợp lý, nhưng cũng có vài điểm vô lý như đạo diễn muốn diễn tả sự chiến thắng ma quân



Từ bờ hồ nhìn sang nơi thờ xá-lợi răng Phật

của Đức Phật để thành Phật như thế nào, lại lồng sự hiện diện của 3 đứa trẻ vào đó thật là khó hiểu. Không lẽ khi Phật thành đạo đã có 3 đứa trẻ này, là hóa thân của vị Sư Tây Tạng kia? Lẽ ra phải để câu chuyện của Đức Phật riêng ra đúng là chuyện kể, đừng lồng hình ảnh của 3 đứa bé vào thì cuốn phim này rất tuyệt diệu.

Cuối cùng rồi triết lý Bát-nhã cũng được hiện ra, sắc tức thị không, không tức thị sắc, thọ tướng hành thức diệp phục như thị...

Cuốn phim được chấm dứt sau 2 giờ trình chiếu đã làm cho nhiều người Âu Mỹ hiểu rõ về luân hồi sanh tử và về cuộc đời của Đức Phật cách đây 25 thế kỷ.

Đây là một cuốn phim hay so với nhiều cuốn phim Phật giáo khác. Phim đóng rất công phu, tốn kém đến 35 triệu Mỹ kim. Quả không phải là chuyện thường. Chắc chắn phim này sẽ có nhiều giải thưởng như phim trước mà nhà đạo diễn đã cho trình chiếu về cuộc đời của vua Phổ Nghi, vị Hoàng Đế Cuối Cùng của Trung Quốc.

Lâu nay tôi vốn ít đi xem phim, dầu cho đó là phim Phật giáo. Kể từ khi ở ngoại quốc đến bây giờ tôi đã xem 4 phim có ý nghĩa. Khi còn ở Nhật, độ 20 năm trước, tôi đã xem phim “Kanrin Osho” - nghĩa là: Giám Châu Hòa Thượng - Người đã có công mang Đạo Phật từ Trung Quốc về Nhật Bản. Phim ấy cũng rất công phu, không kém phim “Little Buddha” là mấy.

Phim thứ 2 là phim “Ben Hur” nói về cuộc đời của Đức Chúa. Phim này xem tại Pháp, rất hay, và phim thứ 3 là phim “Gandhi” xem tại Đức và bây giờ phim này

là phim thứ 4, tôi đã xem 2 lần: một lần tại Pháp xem phim nói bằng tiếng Anh phụ đề Pháp ngữ và lần thứ 2 xem tại Đức nói bằng tiếng Đức hoàn toàn. Trong hơn 20 năm tôi xem 4 phim tại các nhà chiếu phim của thành phố, quả thật có nhiều ý nghĩa vô cùng.

Bây giờ đang trên đường thiên lý, tôi vẫn còn nhớ và ghi mãi vào lòng, mong rằng sẽ giới thiệu với các độc giả một vài ý hay niệm đẹp để gửi gắm vào lòng mọi người đó đây khi còn có mặt ở nhân thế này.

GIỮA CHỐN CUNG VÀNG

Đây cũng là đề tài chính mà tôi đã chọn để viết tựa đề cho quyển sách này. Mới đầu tôi nghĩ, nên ghi một bài tường thuật về chuyến đi này rồi đăng trên báo Viên Giác là đủ. Song, thấy hơi tiếc. Vì lẽ phải ghi thật rõ ràng tất cả các chi tiết để tất cả các Phật tử xa gần có thể theo dõi và hiểu biết về một xứ Phật Giáo, nên tôi đã cố gắng làm việc này trong mấy ngày còn lại ở Tích Lan, vì sợ rằng khi về lại Đức sẽ quên đi những chi tiết cũng như khó mà có thì giờ để hoàn thành tác phẩm này.

Ngày xưa nếu Ngài Huyền Trang không ghi lại hồi ký của Ngài khi chiêm bái các Phật tích tại Ấn Độ, thì ngày nay các học giả sẽ không biết đâu mà tìm đến những Thánh tích nơi Đức Phật Đản sanh, Thành đạo, nơi Chuyển pháp luân lần đầu tiên và nơi nhập Niết-bàn. Có rất nhiều chư Tăng Việt Nam đi nhiều nơi trên thế giới, nhưng ít ghi lại các hướng dẫn cụ thể cũng như các nơi chốn đã đi, nên người sau không biết gì về quá khứ cả. Vì nghĩ đơn giản như vậy, nên tôi đã viết thành các quyển “Đường Không Biên Giới”, “Lòng Từ Đức Phật” và nay là “Giữa Chốn Cung Vàng”, cũng không ngoài ý nghĩa làm sáng tỏ những chuyến đi và giới thiệu cho các độc giả, nhất là các Phật tử hiểu rõ về những nơi mà họ chưa có cơ duyên đặt chân đến.

Đức Phật ngày xưa đã sinh ra giữa chốn hoàng cung và bây giờ những nơi tôn thờ xá-lợi của Ngài cũng là nơi những cung vua cũ, hay những đền tháp sang trọng nhất của cõi đời này, nên tôi lấy tên tác phẩm này là “Giữa Chốn Cung Vàng” cũng không ngoài ý nghĩa ấy.

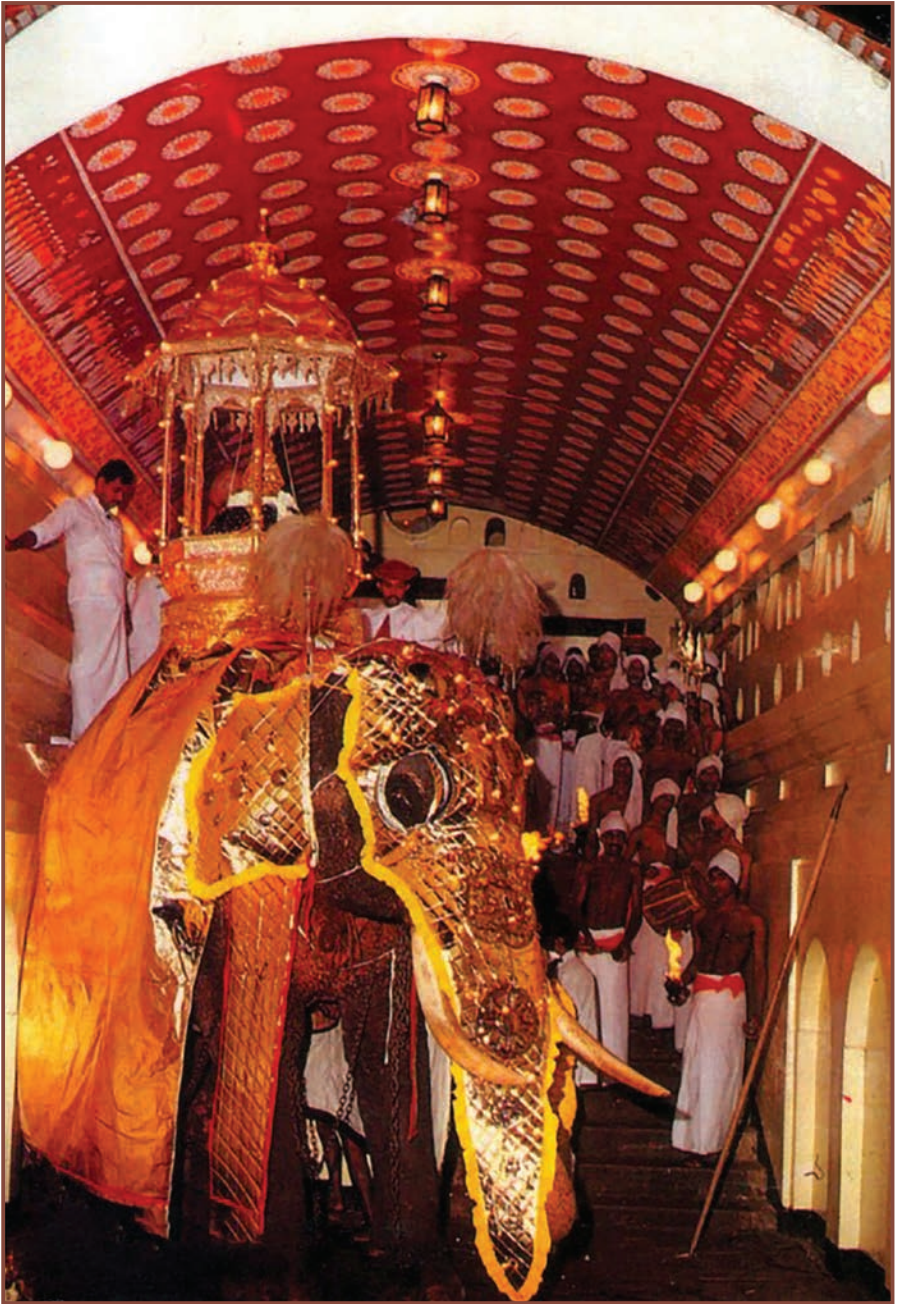
Ở Tích Lan này, đi đâu cũng thấy tượng Phật và chùa tháp. Cứ mỗi ngã ba, nơi có cây Bồ-đề lớn là có một tượng Phật cao từ 5 đến 10 thước, ngồi trong tư thế Chuyển pháp luân.

Phái đoàn chúng tôi đã rời Dambulla để đi về Kandy là nơi thánh địa quan trọng bậc nhất, được tôn trí xá-lợi một chiếc răng của Đức Phật, nên ai ai trong chúng tôi cũng có ý mong cầu đến đó để đánh lễ.

Từ Colombo đến Kandy không xa lắm, chừng 116 cây số, nhưng chúng tôi không phải đi đường này mà đi đường vòng từ bắc xuống nam nên tốn rất nhiều thì giờ.

Theo trong sách vở và Tam Tạng Thánh Điển viết về 32 tướng tốt và 80 vẻ đẹp của Đức Phật thì có nói về răng của Ngài. Đức Phật có tất cả 40 cái răng, không phải 32 cái như chúng ta. Ngày nay trên thế giới còn giữ được 2 cái. Một cái hiện còn ở Trung Quốc và một cái được tôn trí tại Kandy, Tích Lan này. Ngoài ra xá-lợi của Ngài thì vẫn còn khắp đó đây trên cõi Ta Bà này. Bên Miến Điện có ngôi chùa thờ một sợi tóc của Đức Phật. Tóc Phật có hình tròn ốc, xoắn về bên phải nhiều vòng. Đây cũng là 1 trong 32 tướng tốt của Phật.

Kandy được xây dựng bởi vị vua cuối cùng thuộc dòng họ Sinhala tên là Sri Wickrama Rajasinghe, vào năm



Con voi cung nghinh xá-lợi răng Phật



Đoàn voi cung nghinh Xá-lợi Răng Phật

1806, tương đương với thời vua Gia Long trị vì ở nước ta. Nhưng những đền đài cung điện ở Huế sau gần 200 năm đã bị hư hại rất nhiều. Còn ở đây nhờ bảo quản tốt nên vẫn còn mới mẻ và trang nghiêm vào bậc nhất trong các nơi mà chúng tôi đã được đến.

Chúng tôi đến Kandy vào lúc 8 giờ tối ngày 8 tháng 3 năm 1994, tại một Tu Viện Phật Giáo Tích Lan theo hệ phái Thái Lan. Ở Tích Lan có 2 phái chính, một phái ảnh hưởng Thái Lan và phái còn lại chịu ảnh hưởng Miến Điện. Phái ảnh hưởng Thái Lan thì giàu có hơn, chùa chiền đồ sộ hơn. Còn phái ảnh hưởng Miến Điện nghèo hơn, nhưng cơ sở học đường lại dồi dào hơn.

Cách đây 200 năm, có một vị Sư người Tích Lan sang thọ giới với Ngài Ưu Ba Ly người Thái. Sau đó đón vị Sư

Thái Lan này sang Kandy để sáng lập ra hệ phái Thái Lan này. Sau khi tiếp chuyện với vị Sư trụ trì, chúng tôi được biết hiện tại Tích Lan có hơn 100 ngôi chùa và hơn 8.000 tăng sĩ thuộc hệ phái này.

Cả nước Tích Lan có 15 triệu dân và có khoảng 40.000 tăng sĩ. Trong khi đó Việt Nam chúng ta có hơn 70 triệu dân cũng chỉ có 40.000 tăng sĩ, quả là điều ít ỏi. Chúng ta phải cố gắng đào tạo thêm nhiều thế hệ tăng sĩ trẻ cho mai hậu để nối nghiệp Tổ truyền thì mới mang hạt giống giác ngộ lưu truyền mãi đến ngày sau, đặc biệt ở miền Bắc Việt Nam cần phải có sự hiện diện của người Tăng Sĩ nhiều hơn nữa.

Tại thành phố này có 2 chùa thay phiên nhau để túc trực giữ gìn xá-lợi cùng với lính của chính quyền. Chúng tôi đến mùa này nhằm lúc chùa khác canh giữ và lễ bái, nên vị Sư trụ trì nơi chúng tôi tá túc đã liên lạc với chùa kia để sáng mai sớm lúc 5 giờ ngày 9 tháng 3 năm 1994 sẽ có mặt để được vào chiêm bái linh nha (răng) của Đức Phật. Mọi người trong đoàn ai cũng thành kính hướng vào bảo điện thờ răng.

Đây là một hoàng cung, do đó có lối kiến trúc rất đặc biệt và không phải ai cũng vào được tận chốn thờ răng. Chung quanh bảo tháp thờ răng Phật có ít nhất là 10 lớp cửa và có lính canh cũng như chư Tăng canh gác rất cẩn mật. Vì có nhiều lần dân Tamil theo Ấn Giáo đã đặt bom nổ ở đây, cốt uy hiếp và cố cướp đi bảo vật của Phật Giáo Tích Lan nhằm lung đoạn niềm tin của chính quyền cũng như của người Phật tử.

Mới 5 giờ sáng mà từng đoàn hành hương đã túc trực để được dâng hoa tươi, đèn dầu và nước lên Đức Phật.

Trước cửa hoàng cung này có tôn trí tượng của một vị tăng sĩ với tư thế giơ tay lên làm động tác hạ cờ xuống. Tôi có hỏi Đại Đức Seelawansa đó là dấu hiệu gì. Đại Đức có trả lời rằng:

- Đó là một vị tăng sĩ, khi quân đội Anh đến chiếm xứ Tích Lan làm thuộc địa đã treo cờ lên hoàng cung này và chính vị tăng sĩ này đã hạ cờ Anh xuống, lập tức bị quân đội Anh bắn chết. Ngày nay dân Tích Lan thờ vị này như là một anh hùng của dân tộc.

Việt Nam ta cũng không thiếu những vị anh hùng như thế. Ví dụ Bồ Tát Quảng Đức trong quá khứ và Hòa Thượng Thích Huyền Quang trong hiện tại.

Khi đứng sắp hàng như thế, chúng tôi thấy có một số quý sư cô đắp y Nam Tông cũng đứng sắp hàng để



Đài tưởng niệm vị tăng sĩ yêu nước

vào chiêm bái răng của Đức Phật. Khi Phật còn tại thế, chính bà Di của Đức Phật, rồi Công chúa Da-du-đà-la và 500 mệnh phụ phu nhân qua lời thưa thỉnh của Ngài A Nan đã được Đức Phật cho xuất gia và trong Kinh Pháp Hoa, phẩm Thọ Ký, chính Đức Phật cũng đã thọ ký cho 2 vị này về sau cũng sẽ thành Phật. Và cũng chính Sư cô Công chúa Sanghamitta con vua A-dục cũng là người nữ đã mang cây Bồ-đề đến xứ Tích Lan. Nhưng tại sao sự truyền thừa của những vị sư nữ ngày nay bên Nam tông không còn nữa? Ngay cả Tây Tạng cũng vậy. Đến nỗi các Sư cô Tây phương tu theo Phật Giáo Tây Tạng phải sang Trung Hoa thọ Tỳ-kheo Ni giới, còn Phật giáo Tây Tạng hiện vẫn chưa có trường phái cho người nữ.

Thái Lan vẫn có người nữ tu hành trong chùa, nhưng chỉ được mặc áo trắng như là một tịnh hạnh nhân. Riêng Trung Hoa, Việt Nam, Đại Hàn và Nhật Bản có một truyền thống lâu đời về Ni giới, quả là điều rất quý hóa vô cùng, vì đức Phật đâu có phân chia nam bắc, tăng tục, mà Ngài dạy rằng tất cả chúng sanh đều có tánh Phật, ai cố gắng tu hành cũng đều có thể thành Phật.

Cánh cửa thứ nhất được mở, chúng tôi tiến vào và cứ thế, cho đến cánh cửa thứ 7 trở đi, thấy bên trong tất cả mọi vật đều được nạm vàng. Ở đâu cũng toàn là vàng và ngọc quý. Những đoàn hành hương khác phải đi quanh lên tầng thượng để chỉ được chiêm bái bên ngoài. Riêng chúng tôi vì có báo trước và qua sự liên hệ giữa các vị Sư trụ trì với nhau nên chúng tôi lần lượt được vào cửa thứ 8, thứ 9 và cuối cùng qua cánh cửa thứ 10. Chúng tôi được một vị Sư trưởng đứng hầu cạnh rằng Phật trao cho một nhúm hoa, chúng tôi đã rải lên bàn để

cúng đường Đức Phật và cầu nguyện cho Việt Nam được thanh bình an lạc như quê hương của xứ Phật.

Chung quanh rằng Phật được bao bọc bởi một bảo tháp nhỏ cao chừng 1 thước, tất cả đều bằng vàng và trên đỉnh tháp ấy với hàng hà sa số là kim cương, ngọc thạch của các vị vua Thái Lan, Miến Điện, Tích Lan v.v... hiến dâng lên Đức Phật. Quả thật Đức Phật đã xả bỏ tất cả lại được tất cả, còn chúng sanh cái gì cũng muốn nhưng cuối cùng rồi chẳng có gì cả, ngoại trừ nghiệp lực khổ đau của trần thế.

Chúng tôi đứng đó chừng 10 phút, vì không gian chật hẹp quá không thể quỳ xuống, lắng nghe nhã nhạc của Hoàng cung tấu những bản trầm hùng dâng lên cúng Phật. Sau đó chúng tôi quan sát đó đây, nơi đâu cũng toàn là vàng và ngọc, cho đến đỉnh trần cũng được Tổng Hội Phật Giáo Nhật Bản cúng dường, làm toàn bằng vàng, trông sáng ngời, đẹp đẽ.

Bên trong, bên dưới, bên trên, bên ngoài, đâu đâu cũng được trang trí bằng vàng và ngọc cũng như kim cương. Nếu dùng tiền để ước tính thì có lẽ đến hàng tỷ đô-la cũng không thể sấm nổi. Vì thế ít ai được vào đến đây là phải.

Nghe nói rằng được xem trực tiếp rằng này chỉ có vị Tăng Vương của Thái Lan và vị Tăng Trưởng của Tích Lan. Ngoài ra các vị Vua Chúa, Thủ tướng, Tổng trưởng, Bộ trưởng, Thứ trưởng v.v... cũng chỉ được đứng gần kề như chỗ chúng tôi đứng là cùng chứ không được đến gần hơn nữa.

Mỗi năm vào tháng 8, có lễ rước xá-lợi răng của Đức Phật đi quanh thành phố cho dân chúng chiêm ngưỡng. Có hàng trăm con voi đã dự lễ cung nghinh này. Có những con voi già sau khi chết đi đã để lại 2 ngà dài 3 đến 4 thước làm vật trang trí trước bảo điện thờ răng Phật, nhìn thấy có gì đó trang nghiêm và vi diệu. Đến loài thú khi về già, không còn sống được nữa, cũng đã làm một cái gì có ý nghĩa để dâng lên cho Đức Phật, huống chi chúng ta là con người, lẽ nào lại chẳng làm được một điều gì để đóng góp cho sự tồn tại của Đạo Pháp trong mai hậu hay sao?

Việt Nam của chúng ta chẳng may bị chinh chiến triền miên, lòng người ly tán, nhưng chắc chắn một điều là niềm tin vào Đức Phật và giáo lý của Ngài quyết cũng không thua một dân tộc nào khác trên thế giới.

Chúng tôi rời nơi thờ xá-lợi răng linh thiêng ấy để đi xuống một nơi khác cũng không kém phần trang nghiêm, ngày đêm luôn có người canh giữ. Đó là một tượng Phật bằng vàng nặng khoảng 50 kí-lô và một tượng Phật bằng cẩm thạch trắng trong suốt. Trị giá 2 tượng này có lẽ cũng đến hàng triệu Mỹ kim.

Chư Tăng ở đây rất hoan hỷ cho phép chúng tôi đánh lễ và khi nghe nói tôi từ Đức đến, đã vui vẻ tiếp chuyện và chụp hình lưu niệm. Mặc dầu hôm ấy là ngày thứ tư trong tuần, là ngày để lau chùi dọn dẹp, không cho người thăm viếng. Quả thật ở đời bao giờ cũng có những điều ngoại lệ, mà những điều ấy có được cũng chỉ do nhân duyên mà thành, chứ tiền tài, địa vị và danh vọng sẽ chẳng bao giờ mua chuộc được.

Sau khi xem 2 bảo vật ấy, chúng tôi đi lên tầng trên như bao nhiêu người khác, đứng ngoài nhìn vào và có chỗ rộng rãi hơn nên tôi đã quỳ tại đó một hồi rất lâu, hướng về linh nha của Phật cầu nguyện một lần nữa, hồi hướng cho quê hương Việt Nam sớm thanh bình an lạc và hồi hướng cho hương linh Phật tử Lâm Đạo Tứ pháp danh Thiện Niệm được cao đăng Phật quốc. Chúng tôi đã cúng dường một cách trang trọng tại 2 nơi này.

Bước xuống tầng dưới, có thờ một tượng Phật theo lối Nhật Bản bằng gỗ trầm, rất giá trị, bên cạnh tượng những ông vua hộ pháp đã có công làm cho giáo lý của Đức Phật được truyền từ đời này sang đời khác.

Đây là cung vua nên rất lịch sự và đẹp đẽ vô cùng. Nếu quý vị nào đến Tích Lan mà không thăm viếng Kandy, quả là một thiếu sót to lớn.

Giữa thành phố Kandy có hồ nước rất đẹp, chung quanh là phố thị. Ở đâu cũng có bò, có trâu, có người mua kẻ bán v.v... Đặc biệt trong phố xá tại Kandy và ngay tại thủ đô Colombo cũng có rất ít đèn xanh đèn đỏ. Ai muốn qua đường cứ băng qua, ai muốn dừng lại cứ dừng lại, còi bóp inh ỏi, nóng bức lạ thường. Quả thật, thực dân Anh khi đến xứ này cũng chỉ khai hóa được một ít về ngôn ngữ và văn minh, còn phong tục tập quán hầu như không thể nào cải đổi.

Ở đây đàn ông vẫn mặc váy hay còn gọi là “xà rông”. Đàn bà cũng vậy. Nhưng cũng có lắm người mặc đồ tây và đi giày dép như bên Âu Châu. Đa số đi chân trần. Dưới cái nóng thiêu đốt của một xứ gần xích đạo mà họ đi chân không cần giày dép, quả là một phép nhiệm mầu.

Chúng tôi trở ra nhà hàng dùng bữa sáng và sau đó trở về chùa để chuẩn bị lên đường. Còn một chuyến hành trình dài nữa.

Tất cả 9 người vừa Tăng lần tục, lúc ăn sáng, lúc ăn trưa đôi khi chưa quá 20 Đức mã. Mỗi người chỉ cần 2 Đức mã là có thể có một bữa ăn chay ngon lành. Nhiều lúc tôi thấy mấy người đi cùng phải ăn chay qua nhiều ngày, có nói với Đại Đức Seelawansa là nên đặt đồ mặn cho họ ăn và ngay cả Đại Đức nữa.

Đại Đức cười và bảo rằng:

- Không có gì đâu, đừng lo lắng lắm!

Cũng nhờ mấy gói mì và đồ khô từ Đức đem theo, nếu không thì tôi đã phải khổ thân lắm ở giữa chốn cung vàng này. Dầu sao đi nữa, những gì đã trở thành thói quen rồi, phải cần nhiều ngày tháng lắm mới bỏ được.



Những ngà voi dâng cúng Phật



Bên tượng Phật bằng vàng và bằng cẩm thạch

Chúng tôi có ghé thăm một thầy Việt Nam hiện tu học gần đó, cũng rất mừng, nhưng Thầy ấy cũng than phiền về lối ăn uống ở đây không quen mấy. Nếu họ ăn bằng tay mà mình ăn bằng đũa hay nĩa cũng kỳ.

Là khách như tôi ở Tích Lan 5, 7 ngày chẳng sao, chứ ở lâu chắc tôi cũng phải tập ăn bốc. Hơn nữa họ ăn mặn, mình ăn chay cũng là điều khó. Đâu có phải tự nấu ăn được. Đó chỉ là chuyện ăn. Còn mặc cũng phải theo họ, chứ không thì có người nói thế này, thế nọ. Theo tôi nghĩ, vì Đức Phật ngày xưa sinh ra tại Ấn Độ nên ngày nay chư Tăng mới ăn mặc giống như thế. Nhưng nếu Ngài sinh ra tại Việt Nam hay Nhật Bản, chắc mọi người phải ăn mặc theo các địa phương này.

Đường đời muôn thuở, nẻo đạo nghìn thang, chẳng biết đâu mà lường - nhất là phong tục và tập quán mỗi nơi đều mỗi khác...

PHẬT TẠI SƠN LÂM

P hái đoàn đã đến thăm trung tâm xuất bản Phật Giáo tại Kandy và tôi đã đóng tiền để trở thành hội viên vĩnh viễn của tổ hợp xuất bản này. Mỗi khi nơi này in sách đều gửi đến chùa Viên Giác để thư viện có thêm sách vở về Phật Giáo bằng Anh ngữ. Dĩ nhiên, những sách ở đây đa số cho in theo truyền thống Tiểu Thừa, nhưng có một ít sách Đại Thừa cũng được dịch ra như Kinh Phật Di Giáo chẳng hạn (The Buddha's Last Bequest). Sách do Thượng Tọa Khantipalo đề tựa. Thượng Tọa là một người Âu Châu rất nổi tiếng, tu theo Phật Giáo Nam Tông tại chùa Wat Bovoranives Vihara ở Bangkok, Thái Lan, là một học giả có nhiều uy tín trong việc trước tác cũng như phiên dịch.

Sau đó Thượng Tọa sang Úc Châu để hành đạo. Người có một trung tâm thiền rất lớn ở gần Sydney. Năm 1989, tôi đã có cơ duyên gặp người. Nay đến Tích Lan để thăm viếng, tình cờ xem được quyển sách này được chính thức dịch từ Đại Tạng Kinh Hán Văn và mừng rỡ hỏi thăm về Ngài thì Đại Đức Seelawansa báo tin là Ngài đã trả lại áo nhà tu năm ngoái. Quả là một mất mát to lớn của Phật Giáo thế giới vậy. Nhưng dầu sao đi nữa đó cũng là một sự tự do, do Ngài lựa chọn. Con đường vào đạo cũng do chính Ngài chọn, thì con đường trở lại trần thế cũng do chính Ngài quyết định thôi.

Nước Tích Lan bị người Bồ-đào-nha xâm chiếm từ năm 1505, và sau đó rơi vào tình trạng thuộc địa của người Anh trong hơn 150 năm, kể từ năm 1796. Đến năm 1948, người Anh mới trao trả độc lập cho Tích Lan sau khi đã trao trả cho Ấn Độ. Trước khi người Anh đến, Phật giáo có tất cả, nhưng sau 100 năm cai trị tại Tích Lan, với những nỗ lực cải đạo của các nhà truyền giáo phương Tây được chính quyền thực dân hỗ trợ thì trong số 848 trường học từ bậc tiểu học đến đại học, phần lớn được dành cho Thiên chúa giáo, Phật Giáo chỉ có được 12 trường, với 11 trường dạy bằng tiếng Tích Lan và chỉ duy nhất một trường dạy bằng song ngữ, nghĩa là có tiếng Anh.¹

Dĩ nhiên, sống trong cảnh chèn ép về tín ngưỡng như vậy hoài chịu không nổi, nên đã có nhiều người Phật giáo chấp nhận đi học trường Thiên Chúa để sau này độ cho người Thiên Chúa. Đó là trường hợp của vị Sa-di Mohottiwatte Gunānanda. Khoảng năm 1860, vị này công khai thách thức các giáo sĩ, linh mục Thiên chúa giáo hãy tranh luận cùng mình. Với sự hiểu biết sâu sắc về các tín điều Thiên chúa giáo đã được nghiên cứu kỹ tại trường học, cùng với sự uyên bác về kinh điển Phật giáo, vị sa-di trẻ tuổi đã đi từ làng này sang làng nọ để thuyết giảng Phật pháp và thường xuyên thách thức tranh luận công khai với những người Thiên Chúa giáo. Ban đầu, các nhà truyền giáo Thiên chúa giáo phớt lờ sự thách thức này. Nhưng về sau, họ rất tự tin là có thể

¹ Theo sách “Buddhism in Sri Lanka, A Short History” của H. R. Perera, ấn bản Anh ngữ năm 1988 của Buddhist Publication Society (Kandy, Sri Lanka), ISBN 955-24-0017-1, trang 89.



Cây lạ trong vườn nhiệt đới

đánh bại vị Sa-di trẻ tuổi này nên chấp nhận lời thách thức. Kết quả, những cuộc tranh luận công khai lần lượt được tổ chức tại Udanvita năm 1866, tại Gampola năm 1871 và tại Panadura vào năm 1873. Tất cả những cuộc tranh luận công khai này có sự hiện diện theo dõi của tín đồ cả hai tôn giáo và tuân theo một số quy luật để bảo đảm tính công bằng khi tranh luận cũng như được nhiều báo chí đưa tin, đặc biệt là tờ báo bằng Anh ngữ lúc bấy giờ tên là The Ceylon Times loan tin đầy đủ.

Cuộc tranh luận tại Panadura vào năm 1873 đã kéo dài đến một tuần lễ với phần thắng cuối cùng được xác định thuộc về Phật giáo. Luận giả Phật giáo không những đã chỉ ra những lập luận sai lầm của phía bên kia, mà còn giảng giải cho họ hiểu biết thêm rất nhiều về giáo lý căn bản trong đạo Phật. Nhiều buổi lễ mừng được những người Phật tử tổ chức sau đó và những sự kiện này đã khơi dậy mạnh mẽ niềm tin cũng như tinh thần tu tập của Phật giáo đồ.¹

Vào lúc đó, tình cờ một học giả người Mỹ là Dr. Peebles viếng thăm Tích Lan và cảm thấy rất ấn tượng với những cuộc tranh luận này, nên sau khi về nước đã tường thuật lại trong một quyển sách xuất bản tại Hoa Kỳ. Sau đó, Đại tá Henry Steele Olcott lần đầu tiên đã chú ý đến Phật giáo khi tình cờ đọc được quyển sách của Peebles trong một thư viện công cộng ở Hoa Kỳ.

Henry Steele Olcott xuất thân là một nông dân giàu có nhưng sau đó gia nhập quân đội, thăng đến hàm Đại tá và được chuyển sang phục vụ Hải quân Hoa Kỳ. Năm 1875, ông được 43 tuổi, đã từ bỏ hết mọi tài sản thế tục để cùng với bà Blavatsky thành lập Hội Thông Thiên Học (Theosophical Society) nhằm mục đích tìm kiếm chân lý trong tất cả mọi tôn giáo. Sau khi đọc quyển sách của Peebles tường thuật về cuộc tranh luận tôn giáo ở Panadura, ông nhận ra tầm quan trọng của những lời Phật dạy và quyết định cùng bà Blavatsky đến Tích Lan vào năm 1880 để bắt đầu học hỏi về đạo Phật. Không bao lâu, những nghiên cứu về đạo Phật đã thuyết phục ông

¹ Buddhism in Sri Lanka - A Short History - Sách đã dẫn, trang 90 - 91.

trở thành người Phật tử và ông bắt đầu nỗ lực thúc đẩy sự phát triển của Phật giáo Tích Lan. Dưới sự lãnh đạo và nỗ lực vận động của ông, tăng ni và cư sĩ Phật tử Tích Lan đã thành lập Hội Thông thiên học Phật giáo (Buddhist Theosophical Society) vào ngày 17 tháng 6 năm 1880.

Khi Olcott mới đến, Tích Lan chỉ có 3 trường học Phật giáo nhận được sự bảo trợ từ chính phủ. Đó là các trường ở Dodanduwa, Panadura và Bandaragama. Đến năm 1897, Hội Phật giáo Tích Lan do ông sáng lập đã xây dựng được 25 trường nam, 11 trường nữ và 10 trường chung cho cả nam lẫn nữ. Đến năm 1903, Hội Phật giáo đã điều hành 174 trường với 30.000 học sinh Phật tử theo học và đến năm 1940 con số này lên đến 429 trường.¹ Đại Tá Olcott có công rất lớn trong những thành tựu này. Ông đã giúp cho Phật Giáo Tích Lan khôi phục địa vị quan trọng của mình trong mấy mươi thế kỷ qua.

Ông đã vận động thành lập nhiều trường Đại Học Phật Giáo hàng đầu như Ānanda College và Nalanda College ở Colombo, Dharmaraja ở Kandy, Mahinda ở Galle, Dharmasoka ở Ambalangoda, Visakha ở Bambalapitiya và Museus ở Colombo. Nhiều tờ báo Phật Giáo được xuất bản, trong đó có tờ nguyệt san Anh ngữ “The Buddhist” bắt đầu ra từ tháng 12 năm 1880 là tờ báo có tiếng nói rất vững mạnh lúc bấy giờ. Ông vận động tích cực để đòi lại cho người dân Tích Lan nhiều quyền lợi đã mất, trong đó có quyền tự do sở hữu những tài sản riêng của Phật giáo và ngày trăng tròn Vesak được thừa nhận là ngày lễ chung của toàn xã hội. Đại lễ

¹ Buddhism in Sri Lanka - A Short History - Sách đã dẫn, trang 93.

này được chính phủ thực dân Anh cho phép tổ chức lần đầu tiên vào ngày 28 tháng 4 năm 1885, cũng là lần đầu tiên lá cờ Phật giáo do Ủy ban Colombo¹ thiết kế được treo lên. Và đặc biệt nhất, ông Olcott đã đề xuất đóng góp một số chỉnh sửa cho thiết kế và kích thước của lá cờ Phật Giáo, để đến năm 1950 được Liên hiệp Phật giáo Thế giới (World Fellowship of Buddhists) chấp nhận trở thành lá cờ chung của Phật giáo trên toàn thế giới. Lá cờ gồm 5 màu tượng trưng cho hào quang ngũ sắc của Đức Phật mà ngày nay khắp nơi trên thế giới, nơi nào có chùa, viện Phật giáo đều có treo lá cờ này.

Quả thật, sự phục hưng của Phật giáo Tích Lan ngay trong thời kỳ đô hộ của người Anh đã có sự đóng góp hết sức lớn lao của Henry Olcott. Có thể nói, cuộc tranh luận công khai giữa Phật giáo và Thiên chúa giáo tại Panadura và hệ quả theo sau của nó là việc Olcott tìm đến Tích Lan đã chấm dứt một thời đen tối kéo dài và mở ra một hướng phát triển mới cho Phật giáo Tích Lan. Năm 1907, Olcott mất khi đang ở tại Ấn Độ.²

Việt Nam chúng ta vào thời ấy cũng lâm vào tình trạng đen tối như Tích Lan. Mãi đến năm 1931-1932 mới có những phong trào chấn hưng Phật Học Nam, Trung, Bắc. Nhưng tiếc rằng những biến cố và tranh chấp chính trị triền miên đã ngăn không cho Phật Giáo nước nhà phát triển, và quê hương đất nước vẫn tiếp tục chìm sâu trong lửa đạn của chiến tranh và hận thù đau khổ.

¹ Ủy ban này gồm có các vị Ven. Hikkaduwe Sri Sumangala Thera (Chủ tịch), Ven. Migettuwatte Gunananda Thera, Don Carolis Hewavitharana, Andiris Perera Dharmagunawardhana, Charles A. de Silva, Peter De Abrew, William De Abrew, H. William Fernando, N. S. Fernando and Carolis Pujitha Gunawardena (Thư ký).

² Buddhism in Sri Lanka - A Short History - Sách đã dẫn, trang 94-95.

Đến năm 1954, đất nước chia đôi, rồi năm 1975 toàn cõi Việt Nam rơi vào sự cai trị của chế độ Cộng sản. Có ai là người đủ khả năng để khôi phục nền Phật Học nước nhà như vào thời Trần Lý nữa đâu!

Có nhiều người bảo Đạo Phật cũng là đạo từ ngoài truyền vào, làm sao bảo là đạo của dân tộc Việt? Điều đó không sai, nhưng Phật giáo đến Việt Nam cũng như Trung Hoa hay Tích Lan bằng con đường hòa bình chứ không phải con đường bạo lực, cưỡng ép như các đạo khác. Và Phật Giáo khi đến đâu cũng không chống trái lại những phong tục tập quán tại xứ đó, nên nhân dân các xứ đó chấp nhận Phật giáo một cách tự nguyện. Cho nên gọi là đạo của dân tộc cũng do ý nghĩa tự nguyện tiếp nhận này.

Phái đoàn chúng tôi vào vườn nhiệt đới để thăm cảnh trí. Ở đây cây trái đủ loại, có nhiều cây mít, cây xoài cao hàng trăm thước. Chắc chắn những cây này đã sống không dưới 200 năm. Đi đến xế trưa, chúng tôi đến vùng núi đồi cao nguyên của Tích Lan gọi là Nuwara Eliya. Nơi đây toàn trà và trà. Trà Tích Lan là một loại trà nổi tiếng trên thế giới nên chúng tôi đã dừng lại đây để thưởng thức những chung trà đặc biệt ấy. Ở đây họ uống trà có sữa và đường, không như trà Nhật, Tàu hay Việt. Họ cũng không có trà đạo như Nhật Bản, nhưng cung cách pha trà của họ cũng khéo léo vô cùng.

Đi đến chiều tối, phái đoàn tìm khách sạn để ở lại, nhưng rất khó tìm. Vì Tích Lan là một xứ Phật Giáo mà tăng sĩ đi ở khách sạn quả là điều khó nói. Nhưng vùng này Đại Đức Seelawansa không quen chùa nào nên bảo

chú tiểu đi cùng người tài xế vào hỏi thăm chỗ ở. Đến đâu cũng bị từ chối. Họ nghĩ một vị Sư và một cư sĩ cùng đi chắc để lạc quyền gì đây, nên từ chối khéo ngay từ ban đầu. Cuối cùng rồi chúng tôi cũng gặp được một ngôi chùa trong thâm sơn cùng cốc đồng ý cho chúng tôi ngụ lại, nên tôi đã đặt tựa cho chương này là Phật Tại Thâm Sơn, cũng trong ý nghĩa đó.

Như khi người sắp chết đuối nắm được cái phao, hoặc kẻ bộ hành lang thang đơn độc tìm được nơi dừng chân tạm trú, quả là hạnh phúc vô cùng. Không phải chúng tôi không có tiền để làm điều dễ làm đó, mà vì phong tục và tập quán ở đây còn quá nặng nề, nhất là nơi vùng quê cao nguyên hẻo lánh này. Xa xa trông thấy mái tháp của ngôi chùa, chúng tôi mừng rỡ và Đại Đức Seelawansa vào chào hỏi vị sư trụ trì để xin được ở lại.

Ngài niềm nở đón mời và cho vị thị giả mang đến phòng tôi một tấm vải trải giường. Chỉ đơn giản có thế. Đêm đó lạnh vô cùng, ít nhất cũng là 3 hay 4 độ C, nhưng cả chùa không có nước nóng và mền chiếu cũng không. Ngay cả chỗ nằm cũng lồi thoi nữa. Vĩ mà tôi ở Đức chắc sẽ không bao giờ tá túc nổi, nhưng ở nơi này thật giá trị vô cùng. Tôi phải ở lại đây để trân quý tấm lòng chân chất của một vị Phật sống trên đời. Tôi phải ở lại đây để dẹp trừ cái tôi đã có nơi tôi.

Đêm ấy tôi được dùng một tô mì ngon tốt đỉnh trần gian, sau đó tôi niệm một bài kinh Bát Nhã để đi vào trạng thái an lành của giấc ngủ. Nhưng ác nghiệt thay, những con muỗi đã không để cho tôi yên. Chúng quấy rầy suốt đêm, vo ve nơi lỗ tai, lỗ mũi, cắn chích nhiều nơi

ở dùi, ở chân, tạo thành nhiều vết đỏ khó coi. Nhưng tôi vẫn cố ngủ qua đêm nay. Lạnh quá tôi lấy áo nhật bình và áo lễ ra để đắp, vẫn không đủ, tôi lấy pháp y mang theo đắp trùm đầu lẫn cổ để khỏi nghe tiếng muỗi vo ve. Phải chi muỗi chỉ cắn một lần no thôi rồi đi đâu thì đi, đặng này nó vo ve suốt đêm không thể nào an giấc được.

Bên cạnh đó là những con thần lẩn đi ăn đêm, với những tiếng tắc lưởi nảo nùng, nghe mà cảm thương thân phận của những người xa quê hương và đất nước. Đêm nay là đêm mà tôi nghĩ nhiều nhất về bạn bè, quê hương, đất nước cũng như tình người trong muôn thuở.

Nằm suốt đêm để chờ trời sáng, chờ cơn lạnh qua mau. Chúng tôi đã ngồi lại bên bếp sưởi bằng những cây củ lượm được ngoài đồi thông bên cạnh hông chùa. Một nồi nước đặt lên trên 3 ông táo, một số xác dừa khô dùng



Cảnh vật muôn màu

để mỗi lửa. Thế là xong, chúng tôi có một lò sưởi vừa hợp với thiên nhiên và hoàn cảnh. Nghĩ đến nhà cầu, tôi đã không dám đi, vì vệ sinh tồi tệ quá, nhưng tôi phải rón vào ngồi để xem sức chịu đựng của mình có thể cảm nhận đến mức nào.

Riêng nhà tắm thì không thể nào sử dụng được. Không có nước nóng là điều đã nói, nhưng bồn tắm là loại bồn nước của Âu Châu, có lẽ đã qua cả 100 năm tồn tại, chất chứa đầy những cáu bẩn của thời gian. Tôi không thể nào đặt chân vào được. Có vẻ như những gì phế thải của thế giới họ đều thu gom về đây, cũng như những chiếc xe hơi chạy ngoài đường phố, 95% là xe cũ của Nhật đem bán lại cho xứ này, nên bụi khói mịt mù làm ô nhiễm thiên nhiên chẳng khác nào thành phố Bangkok và Sài Gòn.

Đi trong các thành phố Tích Lan, tôi cứ ngỡ là mình đang ở Nhật, vì nhìn lên trên tất cả các xe hơi, xe Bus đều có chữ Nhật, ghi các hãng xưởng hoặc địa phương bên xứ Nhật đã dùng xe này. Có thể nói Tích Lan là một bãi chứa đồ phế thải, nên nhiều nước, nhất là Nhật Bản, đã đẩy hết những xe cộ gần hư hỏng ấy về đây để tận dụng trước khi phải đưa vào nghĩa địa xe hơi của xứ này.

Tôi cố nhắm mắt lại để thử tưởng tượng về cái dơ bẩn của sự vật, nhưng khi nghĩ đến cái thanh cao tinh khiết của tâm hồn vị Hòa Thượng Trụ Trì tôi lại thấy xấu hổ vô cùng. Nhiều khi có những người bề ngoài ăn mặc đẹp đẽ sạch sẽ nhưng tâm địa thì xấu xa nguy hiểm, trong khi ở đây thì hoàn toàn ngược lại.

Hòa Thượng và Tăng chúng có mời chúng tôi ở lại dùng sáng, chúng tôi xin khước từ. Vì được ở qua đêm đã

là điều hạnh phúc, còn báo hại đến ăn uống quả là điều làm phiền cho Ngài cũng như các chú tiểu, nên chúng tôi xin từ chối. Tôi cúng dường và đánh lễ Ngài một cách chân thành, nói vài ba câu cảm ơn và cũng cố ý để xem Ngài và Tăng chúng đã dùng gì. Thức ăn thật đơn giản, chỉ mấy khúc bánh mì khô và một ít đường. Nếu ở Âu Châu, loại này thường cho chim ăn. Ngài dùng ngon lành và ngồi nơi những ghế dựa tồi tàn dơ bẩn hơn cả những chỗ chờ xe công cộng tại Âu Châu. Tôi kính phục Ngài quá và tôi cũng tự xấu hổ với chính mình.

Tôi hỏi Đại Đức Seelawansa vì sao có chuyện thiếu thốn quá đáng như vậy. Đại Đức giải thích:

- Ở Tích Lan có nhiều Hội Phật Giáo lắm. Nơi nào cư sĩ quản lý hoàn toàn thì hầu như chư Tăng không có một trách nhiệm nào cả về chùa chiền, ngoại trừ hai thời công phu sáng tối, nên mới ra cảnh chùa như vậy. Ngược lại nếu nơi nào quyền quản lý thuộc về chư Tăng thì chư Tăng lo mọi mặt của ngôi chùa.

Điều này cũng không khác Việt Nam mình là mấy, nhất là tình trạng của Phật Giáo hải ngoại ngày nay, có vô số vấn đề để bàn.

Chúng tôi từ giã Ngài và Tăng chúng, ra đi trong sự kính trọng vô ngần. Vì nơi chốn thâm sơn cùng cốc ấy có được những tấm lòng vàng.

Bây giờ chúng tôi trên đường đi đến Kirinda, một địa phương nằm về cực nam của Tích Lan, nơi có công viên quốc gia nuôi toàn động vật thiên nhiên như voi, cá sấu, chim chóc, trâu, bò, v.v...



Bên bếp lửa hồng

Từ Nuwara Eliya đến Kirana khoảng 240 cây số nhưng phải đi suốt một đoạn đường đèo gần 4 tiếng đồng hồ. Chiều ngày 9 tháng 3, trời nóng lạ lùng. Đến đây cũng có vấn đề là phải tìm chỗ ngủ trước khi hoạch định chương trình khác.

Đại Đức Seelawansa đến một ngôi chùa thật lớn trong vùng xin tá túc. Vị trụ trì có vẻ miễn cưỡng, nên lại thôi.

Ở đây tôi cũng muốn mở một dấu ngoặc nói về chùa Viên Giác tại Đức. Khi chùa nhỏ thì ít có vấn đề, nhưng khi chùa lớn rồi thì có bao nhiêu chuyện phải nói. Vì tâm lý con người ai cũng vậy. Cần nuông chiều, han hỗi. Nên mới có những lời trách móc. Ngay cả các đệ tử của tôi cũng thế. Tôi thường căn dặn rằng hãy để ý từng lời nói xã giao đối với các Phật Tử. Nếu lỡ nặng lời thì hãy

tìm cách xin lỗi. Vì họ dễ vin vào cố chùa to Phật lớn để trách móc thì cũng khổ cho mình.

Nhiều lúc chính tôi cũng không có thì giờ cho mình. Chỉ có giờ ngủ và giờ tu niệm là riêng của tôi thôi, còn bao nhiêu giờ khác là giờ của quần chúng. Thế mà nào có đủ giờ cho mọi người. Nào nghe điện thoại, xem xét việc chùa, việc văn phòng, tiếp khách, v.v... cũng đã chiếm hết thời gian rồi. Nhưng vẫn bị trách cứ như thường.

Người nghèo cũng là cái tội, mà người giàu có cũng chưa hẳn có niềm vui. Khi người nghèo mà không biết đạo quả cũng là điều đáng trách, mà người giàu hiểu được đạo, mình càng phải kính trọng họ nhiều hơn nữa. Trong xã hội này có lắm điều bất công, những điểm nào dễ nhìn nhất người ta hay nhìn vào đó để phê phán, rồi thị phi nhân ngã tràn đầy. Lỗi của mình thì khó thấy, nhưng của người khác thì dễ phán đoán vô cùng. Thói thường, những kẻ ít xét lỗi mình mà hay xem lỗi người, hẳn chưa xứng danh quân tử. Người quân tử phải xem lỗi mình trước, trước khi xem lỗi người và cũng hãy xem lỗi người như rác rưởi bụi bặm bên ngoài trần thế, đừng nên ôm hết vào tâm thức của mình làm gì. Nếu ôm hết những loại rác rưởi ấy, thì khi mình nói ra cũng chỉ toàn là rác rưởi mà thôi. Hãy nhận chìm đóng rác ấy vào hố sâu và hãy thu nhận những cái gì đẹp đẽ nhất để cho tâm ta còn an lạc yên ổn trong chốn hồng trần này.

Rời ngôi chùa lớn ấy đi, tôi ghi nhớ tâm trạng hoàn cảnh của mình vào nội tâm. Lúc bấy giờ, đường đi đã đến điểm cuối cùng của bãi biển, chúng tôi nhìn thấy một ngôi chùa xinh xắn trên ngọn đồi cao, quay mặt ra biển

cả mệnh mông lượn sóng. Chúng tôi dự định vào xem hoàn cảnh ra sao rồi mới dám đề cập đến việc xin ở nhờ lại một đêm. Khi hỏi người gác cổng, ông nói:

- Thầy Trụ Trì đi vắng, nhưng có lẽ không có gì trở ngại. Vì dãy nhà bên kia đang bỏ trống. Vài phút nữa Sư về, quý vị hãy trở lại đây để xin phép thầy.

Chúng tôi ra thăm biển cả mệnh mông, hướng nhìn xa xăm về Việt Nam. Đi đâu rồi tôi cũng trông về Việt Nam, nhưng không biết sau này đã về Việt Nam rồi, tôi còn phải mong đợi gì nữa chẳng? Ngồi nghe tiếng sóng biển vỗ rì rào êm tai và nhìn sóng biển nhấp nhô, trông dịu mắt làm sao.

Tôi nói với Đại Đức Seelawansa:

- Nếu vị trụ trì không cho ở lại, mình nằm ngoài trời này để nghe sóng biển cũng không sao!



Một sớm mai tại chùa núi

Sau đó thì chúng tôi đã gặp Thầy Trụ Trì. Thầy ấy cũng độ tuổi ngoài tứ tuần như chúng tôi nên không cần phải thi lễ trước. Ở Tích Lan và Thái Lan, người nhỏ tuổi phải chào trước và người lớn tuổi không cần chào lại. Ở đây chưa biết ai nhỏ lớn ra sao, do đó chúng tôi chỉ thi lễ bình thường bằng nụ cười bình dị rồi vào chuyện bằng một tách nước trà.

Đi bất cứ nơi đâu ở Tích Lan cũng được mời trà. Trà là đầu câu chuyện, mặc dầu ở đây cũng có rất nhiều trà, nhưng có lẽ không phải ai cũng biết ăn trà, nên trà là tiện lợi nhất. Sau khi niềm nở nói chuyện, Thầy Trụ Trì đã giao chìa khóa phòng và chỉ giường nệm cho chúng tôi. Trong suốt tuyến đường hành hương, có lẽ nơi đây là sạch sẽ và lý tưởng nhất.

Sau khi tắm rửa sạch sẽ, tôi giặt giũ quần áo bằng tay như 30 năm về trước đã làm lúc hành điếu hầu Thầy tại chùa Phước Lâm ở Hội An, Quảng Nam. Tôi nhớ rất nhiều về ân sư ngày cũ. Nay thì Thầy đã mất đi rồi, nhưng những hình bóng cũ của Thầy đã ghi sâu vào tâm thức của tôi. Đó là Thượng Tọa Thích Như Vạn, trụ trì Tổ Đình Phước Lâm tại Hội An, Quảng Nam. Đây là chốn Tổ đã đào tạo nên 2 Ngài đệ nhất và đệ nhị Tăng Thống của Việt Nam, do Hòa Thượng Vĩnh Gia làm Đàn Đầu Hòa Thượng trong một giới đàn vào đầu thế kỷ thứ 20 cho 2 Ngài Tịnh Khiết và Ngài Giác Nhiên thọ giới. Quả thật Quảng Nam không có Tăng Thống, nhưng đã đào tạo ra Tăng Thống cũng là điều đáng hãnh diện lắm thay.

Chùa này cũng là chốn xuất thân của nhiều Thầy nổi tiếng, như Đại Đức Thích Hạnh Đức trụ trì chùa

Sơn Linh tại Bà Rịa, Đại Đức Hạnh Tuấn đang học Cao Học tại Đại Học Harvard bên Mỹ. Bây giờ, Tổ Đình này đang được xây lại Đông và Tây Đường, tôi và Thầy Hạnh Tuấn cùng một số Phật Tử lo về công việc trùng tu ấy.

Năm 1964 khi tôi xuất gia, Thầy tôi, Thượng Tọa Thích Long Trí vì bệnh hoạn sau năm 1963 Phật Giáo tranh đấu nên gởi tôi ra chùa Phước Lâm để ở. Năm ấy cũng chính là năm mà Tổ Đình Phước Lâm được trùng tu. Chúng tôi đã cùng với Thầy Hạnh Đức ban ngày đi học, ban đêm đẩy xe bò lên Thanh Hà chở gạch về xây chùa. Cuộc sống êm đềm thông thả trôi qua, rất vô tư và hồn nhiên. Thế mà nay đã đúng 30 năm rồi. Quả thật “thời gian và thủy triều chẳng đợi chờ ai”.

Tôi sống với Thượng Tọa Thích Như Vạn được gần 2 năm thì về chùa Viên Giác ở với Thầy tôi, đến năm 1968 vào Sài Gòn, ở đó cho đến năm 1972 đi Nhật, 1977 sang Đức và ở Đức cho đến ngày nay.

Khoảng năm 1980 tôi mới biết Thượng Tọa Như Vạn viên tịch qua một bài vị thờ tại chùa Tam Bảo ở Canada. Tôi thấy tiếc thương vô ngần, khó tả. Giờ đây ngồi nơi biển cả mệnh mông này nhớ về những ngày sống với Thầy ở Việt Nam quả là tuyệt diệu.

Tôi đã ngồi thiền 15 phút tại đồi đá thơ mộng này và nhớ rất nhiều về Việt Nam, sau đó vào ăn tối và ngủ nơi phòng ngủ đơn giản nhưng rất sạch sẽ. Tôi phải dùng pháp y để trườm đắp thân thể cho muỗi khỏi cắn.

Khi vào nhà vệ sinh, nhìn thấy mấy con chàng hiu nằm trong bồn nước, tôi cảm thấy vui vui vì đã mấy mươi năm xa quê không nhìn thấy loài vật này.



Nhìn về quê hương xa xăm

Một giấc ngủ an lành, tuy hơi bị muỗi quấy phá. Gần 5 giờ sáng, chúng tôi dậy rửa mặt, súc miệng, đánh răng để ra biển ngồi thiền. Tôi có ý định tụng một thời Lăng Nghiêm và ngồi 15 phút thiền định, nhưng mới vừa tụng xong kinh Lăng Nghiêm trong thâm lặng với biển cả, đã có người đến báo tin xe Jeep đã chờ và muốn đưa chúng tôi đi vào công viên thiên nhiên gần đó.

Bên Phật giáo Đại Thừa tụng kinh Lăng Nghiêm thuộc lòng cũng giống như các chú tiểu ở Tích Lan trả bài thuộc lòng kinh Pháp Cú. Mỗi ngày 2 thời công phu sáng chiều xong, các chú tiểu ở đây trả bài một đoạn kinh Pháp Cú bằng tiếng Pali học thuộc lòng và bình luận bằng tiếng Tích Lan cho đại chúng nghe. Có nhiều chú tiểu

mới 8, 9 tuổi trông thật dễ thương. Nhìn đôi mắt sáng chói, với một tâm hồn thánh thiện, nghe đọc những lời dạy của Đấng Tôn sư, quả thật lòng tôi đã chùng xuống thật nhiều để nghĩ về thân phận mình và cuộc đời cũng như bao nhiêu kẻ chung quanh nữa. Có bao nhiêu tâm hồn tìm cách xuất gia, lập chí xuất trần, cầu thành bậc Thượng Sĩ? Còn có biết bao nhiêu kẻ đang lặn hụp trong bể đời khổ đau tục lụy nhưng vẫn cứ vui say?

Danh lợi, tiền tài, địa vị, công hầu khanh tướng rồi cũng trắng tay. Khi sinh ra cuộc đời này, ta không mang theo gì ngoại trừ hai bàn tay trắng và nghiệp lực của mình, thì cuối cuộc đời cũng chỉ mang theo sự trắng tay và nghiệp lực đã tạo mà thôi. Của trần thế phải trả về trần thế, người xa xưa xin trở lại với xa xưa, chỉ còn nghiệp lực nổi trôi tùy theo thiện ác mà mình đã vay trả trong nhiều đời để tái sinh vào chốn khác.

Nếu ai cũng tỉnh ngộ để tu hành thì đâu có chiến tranh và hận thù cũng như chém giết nhau làm cho huynh đệ tương tàn? Cuộc đời thật oái oăm. Đường vào thánh trí thênh thang rộng mở nhưng rất hiếm người đi theo, còn lối vào trần ai tục lụy không ai mời gọi mà cũng lắm kẻ tìm vào. Ngày xưa Đức Phật dạy: Trong cuộc đời này có 4 điều phải lưu tâm. Đó là:

1. Một đóm lửa nhỏ
2. Một con rắn độc
3. Một vị hoàng tử nhỏ
4. Một vị sa-di trẻ tuổi.

Tại sao một đóm lửa nhỏ phải đáng lưu tâm? Lửa đây cũng có thể là lửa bình thường mà cũng có thể là lửa

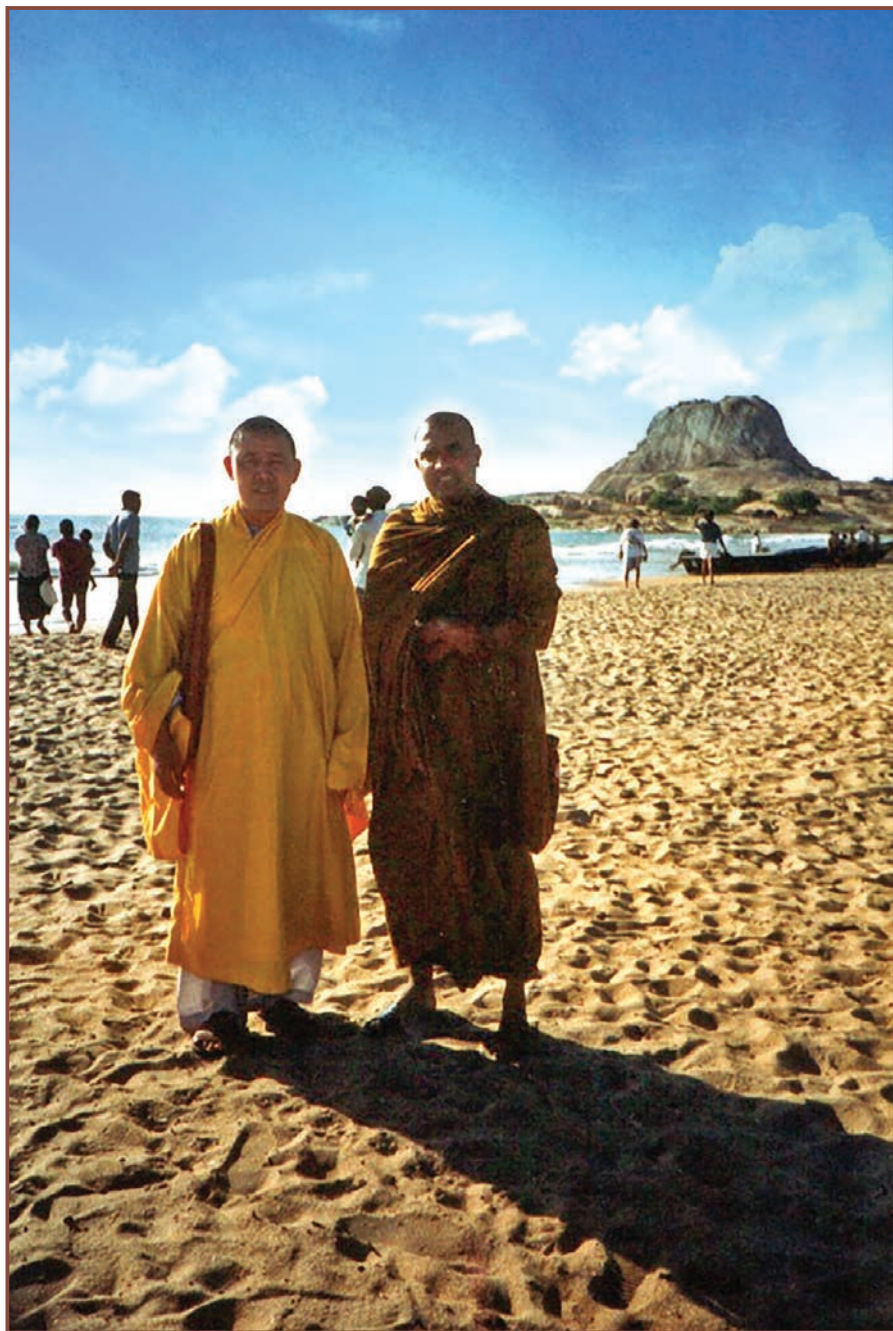
sân si thù hận của con người. Tuy đóm lửa nhỏ, nhưng nếu không lưu ý, có thể gây hại cháy cả một khu rừng. Tuy lửa sân hận rất ít, nhưng có thể đốt cháy cả rừng công đức, tạo nghiệp nhân làm cho nhiều đời mãi quay cuồng trong si mê tội lỗi.

Một con rắn tuy nhỏ nhưng có nọc độc rất tai hại, có thể làm chết người trong chốc lát. Nếu người tu hành không ngăn ngừa những niệm ác thì cũng giống như để cho con rắn độc cắn mình, có thể đánh mất bản tâm hiền thiện trong chốc lát.

Một vị hoàng tử tuy bé nhỏ, nhưng đừng khinh thường, vì lớn lên hoàng tử sẽ làm vua, trị vì thiên hạ. Cũng giống tâm ta, tuy không thấy được, nhưng chính tâm là chủ, như ông vua cai trị trăm họ bàn dân thiên hạ.

Một chú tiểu sa-di tuy nhỏ, nhưng ngày mai đây nếu tu hành giác ngộ sẽ độ được vô số sinh linh. Vì thế nên phải lưu tâm và hỗ trợ cũng như phát triển Phật tánh của mọi người.

Lời Phật dạy vẫn là những lời vàng ngọc, quý báu vô giá cho mọi hoàn cảnh, cho mọi không gian và thời gian, nhưng mọi người đều mãi mê với danh lợi nên đã bị tham ái ràng buộc. Còn các chú tiểu này chẳng có gì để ràng buộc cả, vui chơi hồn nhiên với tuổi thơ và sự giải thoát. Ngắm nhìn các chú trong bộ hoàng y, tôi nhớ về chính mình đã tự trả bài thuộc lòng kinh Lăng Nghiêm cho chú Hạnh Thu và chú Như Lệ cách đây 30 năm về trước. Ngày nay cả hai người đều không còn nữa. Tất cả đều đã đi vào lòng đất lạnh, tuy tuổi đời chưa quá 40. Đời có gì đâu mà phải bận tâm để bị đời chi phối? Nhưng mỗi người đều có một nghiệp lực khác nhau phải



Phía sau lưng là hướng về Việt Nam

trả, như con tằm phải kéo tơ để thành sợi, cho người dệt vải có đủ nguyên liệu làm nên vải vóc cho con người.

Trong cuộc đời này có được mấy người tự tìm về Phật tánh của mình mà quên đi trần thế? Hay cứ mãi bám víu với những gì giả tạo mà vẫn tưởng là chơn như? Thấy bóng nhưng tưởng là hình thật? Ôi, đời là một cơn mộng ảo!

Rồi mấy mươi năm sau, tôi làm Thầy khảo Kinh, Luật, Luận trong nhiều giới đàn đó đây tại Âu, Úc, Mỹ, khi nhìn các chú lo lắng trong các kỳ thi và họ nhìn vị Thầy khó tính mà đâm ra lúng túng, thấy thật tội nghiệp, nhưng rất dễ thương. Tuy tôi dò Luật hoặc Kinh, nhưng để 3 Thầy khác chấm và cho điểm, sau đó lấy điểm trung bình cho có tính cách công tâm.

Rồi ở chùa mình, tôi cũng đã làm bốn phận hướng dẫn cho các chú học kinh kệ. Bây giờ đã có 2 chú thọ tỳ-kheo lên bậc Thầy trong đạo Phật, đang học tại Ấn Độ và Tây Tạng. Còn một số cô, chú khác đang tiến bước trên con đường này. Tôi cũng đang khảo hạch kinh Lăng Nghiêm cho các chú sắp phát tâm bước vào con đường Thánh giả. Người qua được, kẻ buông xuôi. Thật đời hay đạo cũng có nhiều điều để nói.

Đường đời muôn vạn nẻo, nhưng nẻo Đạo cũng chập chùng. Tuy có hướng đi, có Thầy giỏi, bạn lành, nhưng nếu không tự mình nỗ lực thì cũng chỉ uống công đèn sách. Vì vậy, Đức Phật có dạy rằng: “Hãy tự mình thấp đuốc lên mà đi.”

Tu chưa phải đã là giải thoát, nếu tự mình không tự cởi bỏ những sự ràng buộc bởi chính mình. Vì thế nên đã có nhiều người than với tôi rằng:

- Thừa Thầy: Khi con chưa tu, lúc con còn làm cư sĩ, tâm con luôn luôn hướng về đời sống thánh thiện của người tăng sĩ, nhưng khi con đã được đầu tròn áo vuông rồi, tuy thân con đang mặc áo tu sĩ mà sao tâm con vẫn còn vương vấn bụi trần.

Quả rất đúng cho tâm sự của người đào giếng như trong kinh Bách Dụ Phật đã dạy. Đào chưa đến nước đã vội nản chí rồi. Vì thế, kiên nhẫn là một đức tính cần thiết nhất để đi đến đích và không bỏ cuộc. Đời hay đạo, đẹp hay xấu cũng do chính mình tạo ra. Đời và đạo không tạo ra con người mình được. Chúng chỉ là ngoại duyên, còn mình mới là ông chủ.

Lên xe Jeep đi vào đồi núi hoang vu để tìm cái nguyên sơ của cuộc đời nên tôi rất thích. Đã nhiều năm sống với Âu Châu, đầy đủ tiện nghi mọi thứ, bây giờ tôi thích đến những xứ Phi Châu hoặc Á Châu còn hoang sơ, thiên nhiên còn đậm nét, có nhiều thú vị hơn. Có nhiều người tìm niềm vui nơi rượu chè hay ca hát. Có kẻ vui say nơi dục lạc với men tình. Có người vui với thơ với cảnh. Riêng tôi, niềm vui là sự yên tĩnh của tâm hồn. Nơi nào và ở đâu mình chế ngự được thì ở đó chính là cảnh giới của tôi vậy.

Công viên thiên nhiên quốc gia này rộng 17.000 mẫu tây, đường đi dài thăm thẳm, phải dùng xe hơi nhưng cũng phải mất đến hơn 4 tiếng đồng hồ. Dọc đường chúng tôi thấy những con công đang xòe cánh múa như hãnh diện với vẻ đẹp của mình. Những con cá sấu lìm lìm gặm nhấm miếng ăn. Những con voi to lớn đồ sộ và những con trâu nước, những con bò hiền từ chăm chỉ gặm cỏ như chưa bao giờ ngừng nghỉ.

Tôi đi trong rừng núi hoang vu để gần gũi với thiên nhiên mà nhớ lại mình đã đi trong sa mạc Sahara tại Phi Châu hơn 10 năm về trước. Nơi đây gần xích đạo nên mặt trời nắng chói chang, do đó các con thú cũng lười bò ra khỏi những lùm cây mà cứ ở trong rừng sâu trốn nắng. Chúng tôi lại phải quay về để chuẩn bị cho cuộc hành trình tiếp tục.

Bây giờ là chiều ngày 11 tháng 3 năm 1994, tất cả chúng tôi đều hướng về Colombo để rồi về lại chùa cũ. Đường đi từ Kirinda đến Colombo độ chừng 250 cây số nhưng phải mất ít nhất là 6 tiếng đồng hồ. Mặc dầu đoạn đường này tương đối tốt so với những đường đã đi qua, nhưng xe cộ nhiều quá.

Dọc đường, du khách Đức và Âu Châu đi tản bộ cũng như mua sắm và tắm biển khá đông. Họ cũng là những



Các chú sa-di

người đi tìm một nguồn vui ở xứ khác sau những ngày làm việc mệt nhọc. Hay nói đúng hơn là họ đi tìm ánh nắng ấm mặt trời. Vì ở Âu Châu đang trong mùa lạnh giá, còn ở đây thì ánh nắng quá dư thừa.

Đọc đường chúng tôi ghé thăm một ngôi chùa trông cũng lịch sự, sạch sẽ. Vị Sư trụ trì rất trẻ và có khuynh hướng cải cách nên ngôi chùa mới được như vậy. Thông thường những người già thì mệt mỏi và đã quá chán chường với sự thăng trầm của cuộc sống nên hay buông thả mọi việc, dẫu cho là vận nước cũng vậy. Vì vậy, trong chính trị hay tôn giáo cũng thế, phải thường thay đổi thì mới mong có sự tiến bộ và cập nhật những gì trong cuộc sống hằng ngày đang cần đến sự hiện hữu của mình.

Đúng 9 giờ đêm ngày 11 tháng 3 năm 1994, chúng tôi đã có mặt tại Tu Viện Piriven ở Weliweriya. Các chú tiểu chạy ra mừng rỡ và sau khi nói lời từ biệt cảm ơn, người tài xế ra về. Ở Tích Lan người ta chào nhau bằng nụ cười và già từ nhau cũng bằng nụ cười, không bắt tay, không chấp tay xá lại như người mình hoặc Âu Mỹ. Đối với các bậc cao tuổi hơn thì đánh lễ sát chân rồi ra về. Chỉ thế thôi. Nếu đồng ý thì người ta gật đầu. Cái gì không phải, họ lắc đầu và mọi nụ cười đều tươi như hoa.

Tôi có nói với một vài người Âu Châu gặp trên đường hành hương rằng:

- Tuy các xã hội Âu Mỹ giàu có về vật chất nhưng rất nghèo nàn về tinh thần. Ở đây thì ngược lại, Tích Lan rất giàu về tinh thần nhưng vật chất còn nghèo khổ lắm. Chúng ta phải học hỏi lẫn nhau và chia sẻ cùng nhau.

Những người này hoàn toàn đồng ý với tôi về điều đó. Ở Âu Mỹ, ai ai cũng đề cao cái tôi và tư hữu, trong khi đó

tại đây một vị Sư là Tiến Sĩ, giáo sư Đại Học đi nữa họ vẫn tự nấu ăn, chùi cầu tiêu, dọn dẹp, giặt giũ áo quần, chẳng có gì tỏ ra tự cao tự đại hay khách sáo cả. Có lẽ đó cũng nhờ tinh thần Phật giáo chăng?

Khi đến một nơi nào mua sắm, tôi thường ít khi tự trả giá, vì sợ lầm và những người bán hàng khi gặp người ngoại quốc thường nêu giá cao hơn. Điều này cũng giống Ấn Độ, nhưng mức nói thách thường ít hơn. Vì vậy, tôi giao tiền trước cho Đại Đức Seelawansa và khi muốn mua vật gì thì nhờ Đại Đức mua giùm. So ra đời sống ở Ấn Độ và Tích Lan khác nhau khá xa và ở đây người ta học hỏi được nhiều hơn.

Sau 6 ngày viễn du, đến đây tạm chấm dứt, tôi về lại tu viện này để tắm rửa, nghỉ ngơi, đọc một vài quyển sách trước khi tường thuật lại chuyến đi này.



Các chú sa-di ở một tu viện khác

Một đoạn đường hơn 1.000 cây số mà đi vất vả vô cùng. Tôi tính ra chưa hết 100 Đức mã tiền xăng và chi tiêu cả đoàn 9 người chưa hết 500 Đức mã. Số tiền cúng dường thì nhiều hơn, khoảng hơn 1.500 Đức mã cho các chùa và chư Tăng để hồi hướng cho Phật Tử Thiện Niệm Lâm Đạo Tứ như ý nguyện của gia đình. Bây giờ còn lại đây 1.000 Đức Mã, ngày mai sẽ đi hỗ trợ cho một trại dưỡng lão và một cô nhi viện ở vùng này.

Thông thường chư Tăng vẫn khuyên Phật Tử hay làm phước, nhưng chính chư Tăng thì ít làm, chỉ chờ hưởng phước mà thôi. Riêng tôi thì nghĩ khác, chư Tăng cũng nên làm phước để làm gương cho những người Phật Tử. Vì thế đi đến đâu tôi cũng cúng dường. Dĩ nhiên không phải để cầu giàu sang cho kiếp sau, mà để dành dụm vốn cho kiếp này. Đời sống đạo đức cũng giống như một kho chứa. Nếu ta cứ tiêu xài hoài, không lo tạo tác, chắc chắn một ngày nào đó cũng sẽ hết đi. Dĩ nhiên người tu là phải tu rồi, nhưng phước huệ song tu là điều rất cần thiết.

Ngày 12, 13 và 14 là những ngày nghỉ để chuẩn bị một vài công việc khác cho ngày 15 và 16, trước khi khởi hành trở về Đức. Nhưng tôi đã cố tận dụng 3 ngày này để viết quyển sách nhỏ bé này cho xong trước khi về Đức. Một quyển sách chỉ hoàn thành trong 3 ngày quả thật là vội vã, nhưng đó là tất cả những gì tôi có được. Ngày mai đây tôi cũng sẽ không còn ở lại với đời này theo lẽ vô thường, nhưng chắc chắn những lời nhắn gửi cũng như tường thuật của tôi trong sách này sẽ giúp ích một phần nào cho những người đi sau muốn tìm về nẻo đạo.

Phần còn lại của những ngày kế tiếp tôi sẽ tường thuật khi lên máy bay trước khi về Hòa Lan và Đức

Quốc. Đây vẫn là những việc thường làm của tôi qua các chuyến đi xa.

Mỗi ngày tôi viết chừng 5 tiếng đồng hồ, đôi khi 6 hay 7 tiếng, nhưng ít nhất tôi cũng dùng 1 hay 2 tiếng vào buổi chiều để thả bộ ra cánh đồng bên cạnh tu viện xem những con trâu, con bò gặm cỏ nhớn nhự, xem những đàn cò trắng tung tăng bay lượn trên bầu trời, hoặc những chú vịt con vô tư lự rửa lông trong đám nước bùn nhơ như vui thú với cỏ cây đồng nội. Tôi bứt một nắm lá cây bùi ngọt để nhớ về người mẹ hiền của quê hương đã cách xa từ năm 1966. Người đã có công chăm lo phần vật chất và tinh thần cho tôi khi còn ở tuổi trẻ.

Thỉnh thoảng, tôi ghé vào trong xóm chụp hình một vài luống trâu hay bụi sắn để nhớ về người cha thân yêu đã ra đi vĩnh viễn vào năm 1986 với tuổi thọ 89. Ngày xưa, song thân tôi còn tại thế vẫn thường hay ăn trâu, hút thuốc, vì vậy khi gặp những hình ảnh này, kỷ niệm cũ lại hiện ra. Vườn nhà tôi cũng có trồng mấy nọc trâu xanh biêng biếc, thêm mấy cây cau đâm nụ trở buồng thật xinh xắn. Nhưng chiến tranh đã tàn phá hết rồi. Năm 1969 và 1971 tôi có về lại quê hương, nhưng những dây trâu xưa, cây cau cũ không còn nữa. Quả là thế sự đã đổi thay.

Nghe tiếng trâu kêu tôi nhớ đến các anh chị rất nhiều, những người đã chăm nghề cày sâu cuốc bẫm để lo lắng cho các em mình, để rồi một ngày cả hai người em đều đi xuất gia đầu Phật, phải ngơ ngác tiễn em đi trong những giọt nước mắt nghẹn ngào. Bà chị cả tôi năm nay gần 70 tuổi vẫn còn ở lại quê hương xứ Quảng nghèo nàn. Tôi nhớ một đạo nọ, tôi đã đi tu rồi, về thăm



Một con công trong công viên thiên nhiên

nhà, ghé thăm chị. Chị sống tảo tần với ngọn bí đọt rau. Chị đã âm thầm lấy mấy chục đồng bạc thật mới để cho cậu em từ phố Hội trở về. Chừng ấy tiền chắc chị phải bán ít nhất là vài chục gánh rau muống mới có được.

Khi thấy những người nông phu tay bùn chân lấm với cày với cuốc và với những dụng cụ nông trang, tôi nhớ người anh thứ 6 của tôi, đã đi lính và chết cho quê hương. Anh đã dành dụm để cho em số tiền lương lính của mình trước khi em đi tu. Người chị thứ 3, anh thứ 4 và chị thứ 5 cũng vậy. Tất cả những tình thương ấy đều dành cho người em út là tôi. Bây giờ, những người này kẻ còn sống, người đã khuất, có người đã là bà ngoại, bà cố, ông nội, ông cậu v.v... nhưng khi gặp lại khung cảnh ruộng đồng tại đây, tôi không thể nào không nhớ rất nhiều về họ.

Riêng người anh thứ 7 của tôi, tức Thượng Tọa Thích Bảo Lạc ngày nay, đã đi tu từ năm 1957. Lúc ấy tôi đã 8 tuổi rồi và hơn 6 năm sau tôi lại tiếp tục theo bước chân của người anh ấy. Tất cả chúng tôi đều sinh ra từ chốn quê mùa nên chúng tôi thương yêu những người nông dân chất phác, mộc mạc tay lấm chân bùn như chính bản thân mình. Chính tôi cũng đã lo cho trâu bò ăn mỗi ngày khi đi học về. Vì vậy, những con bò con trâu nơi đây cũng là hình ảnh gợi lại nơi tôi những gì thân yêu quen thuộc nhất. Dẫu thời gian có trôi qua, không gian có thay đổi, tôi vẫn là hiện thân của chú bé cuối trâu, chằm nón thỏ nào trên quê hương xứ Quảng. Dẫu tôi có ở chùa to Phật lớn, tôi vẫn không bao giờ quên mình là một chú điệu giản đơn của chốn Tổ Đình.

Bây giờ đã nhiều lần tôi nói chuyện với Thủ Tướng Đức, với các dân biểu hay ngay cả với Đức Đạt-lai Lạt-ma hay những vị danh Tăng thạc đức khác, tôi vẫn là người có thể đi lau chùi nhà vệ sinh cho mọi người, có nơi đẹp để họ ngồi trong lúc thực hiện nhu cầu cần thiết của mình.

Tôi phải tập sống một cuộc sống không tự cao tự mãn, không kiêu căng, mà luôn khiêm nhường, tự tin ở chính mình và vững tin nơi Tam Bảo. Chính nhờ ở tự lực và tha lực này mà cuộc đời của tôi mới thay đổi như ngày hôm nay. Mỗi con người đều có thể tự chuyển nghiệp của mình, chuyển từ phàm phu lên địa vị thánh nhân, từ con người trở thành Phật Thánh. Ai lười nhác, buông thả tức là tự xem thường mình và khó có khả năng để tiến xa hơn trên con đường hoàn thiện chính mình.

Đứng dưới những cội bồ-đề sum suê cành lá, tôi nhớ về cây đa chợ Đình và cây đa miếu Cây Kén ngày xưa. Chính những nơi này tôi đã có hàng ngàn lần qua lại mỗi khi theo mẹ đi chợ hay đi học ở trường làng. Những năm 1957 đến 1961 tôi đã học hỏi nơi đây, một số thầy cô cũ không còn nữa. Nhưng có một vài thầy dạy cũ tôi đã tìm ra tông tích và đã liên lạc được bấy lâu nay. Trong lớp nhút cuối niên học 1961 ấy, lúc xong Tiểu Học tôi xếp hạng gần chót, xấu hổ vô cùng, nhưng sau khi vào chùa đi tu, nhờ công phu thiền định, huệ tâm đã được chiếu sáng, nên suốt thời Trung Học tôi luôn xếp hạng nhút và nhì trong lớp, tệ lắm cũng chỉ xuống đến hạng 9, 10 và không bao giờ thấp hơn nữa. Những người bạn của tôi thời Tiểu Học, nay chỉ còn biết được 6 người. Có 2 người đi tu, trong ấy có tôi, 4 người còn lại có 3 người tốt nghiệp Cao Học ở Việt Nam và Nhật Bản, còn một người quyết ở lại với quê hương đồng ruộng, cày sâu cuốc bẫm nối nghiệp cha ông.

Tôi có viết thư cho Thầy cũ của tôi rằng: “Một ngày nào đó các học trò cũ năm xưa sẽ tập hợp lại để cùng nhắc cho nhau những năm tháng cũ.” Thời gian ấy chẳng biết là bao lâu nữa, nhưng lúc ấy chắc có nhiều người đã có cháu nội, cháu ngoại.

Cứ mỗi buổi chiều tôi đều thả bộ ra đây để xem những nông dân tay bùn chân lấm cặm cuội với ruộng đồng. Bấy giờ tôi cũng có thể gặt lúa được, nhưng mọi người chẳng cho tôi sờ tay đến. Tôi cũng có thể cày bừa được, nhưng những người nông dân ở đây chỉ mỉm miệng cười khi tôi ra dấu muốn làm việc ấy. Tất cả rồi cũng trôi qua đi, với tôi chỉ còn lại một tấm lòng cho quê hương, dân tộc và Đạo pháp.



Con trâu đồng nội

Tối ngày 13 tháng 3, nhân lúc nói chuyện nơi phòng khách, Hòa Thượng Viện Trưởng bước ra nhìn chúng tôi và tựa lưng vào ghế có ý muốn hỏi chuyện về đạo pháp ở khắp nơi. Tôi đứng lên đón tiếp Ngài, sau đó được phép ngồi xuống, còn các vị khác đều đứng hầu khi chúng tôi nói chuyện. Hòa Thượng hỏi tôi, qua lời thông dịch của Đại Đức Seelawansa:

- Thầy đến nơi đây thấy có điều gì lạ?

Tôi đáp:

- Bạch Ngài! Con đến đây học được pháp vô ngã và học rất nhiều về tánh không.

Ngài cười và hỏi lại, những gì thuộc về vô ngã và những gì thuộc về tánh không?

Tôi thông thả đáp:

- Bạch Ngài, chính con và Đại Đức đây xuất thân từ chốn ruộng đồng, rồi nhờ Phật pháp mà được học hỏi đồ đây, rồi cũng do sự học vấn mà thành người phụng sự cho đời cho đạo, nhưng khi qua đến đây rồi, con thấy có cũng như không. Bằng cấp như Ngài, Tiến sĩ Pali, Phạn ngữ và Triết học mà cũng sống tại chốn ruộng đồng này, vui với đàn hậu học, chẳng có một chút gì xa lạ với quần chúng bình dân. Qua đó con đã học về tinh thần vô ngã, vị tha của Ngài rất nhiều. Còn riêng con ở Âu Châu có tất cả các tiện nghi, nhưng khi qua đây rồi con bỏ lại sau lưng tất cả, nào tiền bạc, chăn êm nệm ấm... Con đã đi chân trần và sống giản dị như bao nhiêu người ở đây đang sống. Đó là con đã học được về tánh không vậy.

Sau đó, Ngài chuyển sang nói về Trung Quán luận của Ngài Nāgārjuna (Long Thọ) rồi đến tinh thần Đại Thừa của các ngài Vô Trước, Thế Thân, Mã Minh v.v...



Giàn trâu xanh như ở quê hương

Ngài rất thông thạo về giáo lý Bát-nhã và một số hệ phái Đại Thừa.

Tôi có giới thiệu sơ qua về Tịnh Độ và kinh Pháp Hoa. Sau đó tôi đề nghị rằng:

- Giữa Nam tông và Bắc tông, giữa Đại thừa và Tiểu thừa còn xa cách quá, chúng ta nên tiến lại gần nhau để chỉ còn một Phật thừa mà thôi. Muốn vậy, nên cho một số tăng sĩ Đại thừa sang các nước Tiểu thừa để học hỏi và ngược lại.

Ngài mỉm cười và trả lời:

- Đã có, nhưng ít có kết quả lắm. Vì người ra đi không biết có bị đồng hóa hay không. Khi về lại nước lại làm những điều khác với ý nguyện ban đầu. Dĩ nhiên tập quán, lễ nghi và ý thức về dân tộc còn nặng lắm, chúng ta phải tập làm quen với nhau thôi.

Ngài nói tiếp:

- Nhưng tôi tin tưởng rằng tinh thần Phật giáo Đại thừa dễ hội nhập với người Âu Mỹ hơn.

Tôi thưa rằng:

- Điều đó đúng, nhưng Phật Giáo được hiện diện ngày nay tại Âu Mỹ phải cảm ơn 3 luồng tư tưởng và 3 sự dẫn nhập của Phật giáo khác nhau vào Âu Mỹ vậy. Đó là những người Âu Mỹ đến Tích Lan học đạo rồi trở về quê hương của họ quảng diễn tinh thần này. Sau đó vào đầu thế kỷ 20 có tinh thần Thiên học của Nhật Bản qua sự giới thiệu của D. Suzuki đã giúp phương Tây hiểu nhiều hơn về Phật giáo Đại Thừa. Và luồng tư tưởng thứ 3 là

nhờ Phật Giáo Tây Tạng và Đức Đạt-lai Lạt-ma truyền ra khắp thế giới từ năm 1950 đến nay. Đó là 3 luồng tư tưởng chính đã hình thành Phật giáo tại các quốc độ này. Sau năm 1975 có thêm sự hiện diện của Phật giáo Việt Nam, nhưng tinh thần Phật Giáo Việt Nam chưa gây chú ý nhiều cho người Âu Mỹ.

Ngài có hỏi tôi về sự Bố-tát hằng tháng và việc lập giới đàn. Tôi đã trả lời tỉ mỉ theo như trong Luật Tạng đã dạy. Tôi cũng có thưa với Ngài rằng:

- Tạng Kinh và Tạng Luận bên Đại Thừa có nhiều thay đổi và xiển dương thêm, nhưng hầu như Tạng Luật đều dùng giống như Phật giáo Tiểu thừa gồm 5 bộ. Đó là: Tứ Phần Luật, Ngũ Phần Luật, Thập Tụng Luật, Ma Ha Tăng Kỳ Luật và Luật Pali. Năm bộ luật này vẫn là những giới thể căn bản vô tác của các vị tỳ-kheo.



Cây trái vườn quê: sắn (khoai mì), thơm (dứa) và cây chuối

Ngài cũng có hỏi tôi về sự an cư kiết hạ, tự tứ, việc thọ nhận y Ca-thi-na v.v...

Tôi trả lời rất rành mạch theo tinh thần đã học và đã hiểu.

Ngài rất vui lòng và cuối cùng tôi có thưa Ngài rằng:

- Người Âu Châu ngày nay rất cần đến giáo lý đạo Phật, như là một chất liệu dưỡng sinh trong cuộc sống hằng ngày của họ. Chúng ta nên có mặt nhiều hơn tại các quốc độ này để giúp đỡ họ.

Ngài cũng có hỏi tôi về hành tứ y,¹ tức là 4 phép căn bản mà vị tỷ-kheo phải thực hành y theo từ lúc bắt đầu nhập đạo. Tôi thưa rằng:

- Bạch Ngài, ngày nay trong 4 phép ấy có lẽ chỉ còn có một là thừa hành được thôi. Đó là việc người tăng sĩ sống không thể rời 3 y được, tuy cũng không phải là loại y phẩn tảo như ngày xưa. Còn 3 việc khác như đi khát thực mỗi ngày, ngủ nghỉ dưới gốc cây và uống thuốc bị chê bỏ thì không thể thực hiện ở các quốc gia Âu Mỹ, mà ngay như tại Tích Lan này cũng khó thực hiện.

Ngài hoàn toàn đồng ý với tôi và nói thêm rằng tinh thần Phật giáo Đại Thừa vẫn phóng khoáng hơn nên cần phát triển nhiều cho người Âu Mỹ.

Qua buổi tọa đàm này, tôi thấy sự học, sự tu là cần thiết. Nếu tăng sĩ không thông giới luật, sẽ bị gãy ngay

¹ Hành tứ y (行四依) theo luật Phật bao gồm: 1. Trước phẩn tảo y (著糞掃衣): chỉ mặc y phẩn tảo, nghĩa là may bằng loại vải thô xấu, vải mà người đời đã bỏ đi. 2. Thường hành khát thực (常行乞食): chỉ sống bằng việc đi khát thực mỗi ngày, nhận thức ăn cúng dường vào bình bát trước lúc giữa trưa. 3. Y thụ hạ tọa (依樹下坐): chỉ ngủ nghỉ bên dưới gốc cây. 4. Dụng trần hủ dược (用陳腐藥): khi có bệnh chỉ dùng những loại thuốc men xấu nhất mà người đời chê bỏ, miễn sao có thể trị được bệnh.

giữa câu chuyện thì nguy hiểm vô cùng. Vì vậy, những vị đi thuyết giảng đó đây cần phải nắm vững vấn đề, nhất là về Kinh và Luật thì mới mong tạo được niềm tin nơi người đối diện, cũng như cho người đối diện thấy rằng cuộc sống tu hành của cả Nam lẫn Bắc tông không phải là một cuộc sống hưởng thụ, chạy theo lợi dưỡng, mà là con đường Bồ Tát đạo để đưa mọi người đi theo hướng giải thoát mọi khổ đau trong cuộc đời.

Giờ cúng dường ngộ trai của một thí chủ thuần thành đã đến, tôi phải chuẩn bị y áo để dự trai. Chắc chắn trong thời kinh này sẽ có nhiều ngạc nhiên về sự hiện diện của tôi và họ cũng mong tôi nói một vài lời ban phước trong buổi ngộ trai hôm nay.

Tất cả những phước báu này, xin hồi hướng lên Tam Bảo để chứng minh và cầu nguyện cho quê hương, đạo pháp tại quê nhà có cơ hội phục hưng phát triển như các quốc gia Phật giáo trên thế giới ngày nay.

CHẶNG ĐƯỜNG CUỐI

Bây giờ là 10 giờ sáng ngày 17 tháng 3 năm 1994, tôi đang ngồi trên chuyến máy bay KLM 802, trên đoạn đường hướng về Amsterdam sau khi đã dùng bữa sáng. Tôi sẽ viết tiếp đoạn cuối để hoàn thành quyển sách nhỏ bé này và sẽ gửi đến quý độc giả trong vài tháng nữa.

Chiều ngày 14 tháng 3 năm 1994, Đại Đức Seelawansa và một thầy khác cùng với tôi và 2 em bé đi dạo quanh đồng ruộng núi đồi. Đại Đức bảo là suốt 20 năm ở tu viện này, trước khi đi Áo, Đại Đức chưa bao giờ đi dạo và cũng chưa đi ra khỏi chùa xa như ngày hôm ấy. Theo tôi nghĩ, người Tích Lan chưa có nhu cầu đi dạo. Hoặc giả đời sống nông thôn của họ có đầy đủ không khí trong lành và thì giờ rảnh rỗi, chỉ có ngày mùa mới bận bịu, nên họ chẳng cần đi dạo chẳng?

Viết đến đây tôi lại nhớ, đúng 17 năm về trước, khi tôi từ Nhật đến xứ Đức này, mới chiều thứ sáu, anh Trâm bạn tôi, nay là bác sĩ, bảo tôi rằng đã cuối tuần. Tôi trở mắt nhìn Trâm với vẻ ngạc nhiên và hỏi: “Cuối tuần gì mà sớm thế?” Ở Nhật bao nhiêu năm, cuối tuần của tôi cũng chỉ có ngày Chủ nhật, mà ngày Chủ nhật lại bận bịu với công việc chùa chiền, cũng xem như chẳng có cuối tuần nào.

Một hôm nọ, Trâm rủ tôi đi dạo bờ hồ, tôi cũng ngạc nhiên hỏi đi dạo là thế nào? Ở Nhật, một xứ năng động nhất thế giới, nhưng có bao giờ tôi nghe đến danh từ ấy đâu? Quả thật, khi người ta nhàn nhã quá hay bận rộn quá, đôi khi thường quên đi thì giờ. Ở Nhật sau này có một bệnh gọi là bệnh làm việc quá nhiều. Trong khi đó, những dân tộc ở xứ nóng lại sinh bệnh lười, chẳng muốn làm gì cả.

Chúng tôi leo lên một ngọn đồi cao. Nơi đó có một am thờ Phật, có một vị Sư già đang chăm chỉ với kệ kinh. Gặp chúng tôi, vị Sư mừng lắm, chào chào hỏi hỏi, làm như suốt cả năm không có ai tới lui nên thiếu người tâm sự. Người cũng bảo rằng:

- Tuổi tôi đã quá thất tuần nhưng không có đệ tử, nên muốn giao chùa lại cho người khác trông giữ.

Tôi hỏi Đại Đức Seelawansa, việc này sao dễ dãi thế? Đại Đức trả lời:

- Ở Tích Lan, việc vị Tăng làm chủ các ngôi chùa và các động đá không có gì khó khăn cả. Đó là luật của chính phủ đã định. Chỉ có một điều cần lưu ý là tất cả những gì hiện hữu như chùa viện và các tảng đá thiên nhiên không được dời đổi nếu không có lệnh của chính phủ. Nên đã là tăng sĩ thì ai cũng ở được.

Ở đây các vị tăng sĩ và các chú tiểu ở chùa cũng nhận được một số tiền tượng trưng từ chính phủ để mua sách vở và dùng để đi lại.

Mỗi nước có một phong tục khác nhau. Ví dụ tại Thái Lan, người nữ không được phép trao bất cứ một vật gì



Dạo bước đường quê

tặng tay một vị Thầy, mà phải đặt vật ấy bên trong một bì thư, hoặc trên một cái mâm hay cái đĩa. Nhiều vị nữ cư sĩ hay nhường cho nam cư sĩ lo việc trao gửi ấy. Phật tử Thái Lan khi hầu chuyện với các Sư thì ngồi, còn ở Tích Lan thì phải đứng.

Khi đi xe, ghế ngồi của các vị Sư Thái Lan tất cả đều ở phía sau xe bus, còn ở Tích Lan thì nằm phía trước. Nhưng tất cả các vị Sư Tích Lan đều phải trả tiền, còn các vị Sư Thái Lan thì khỏi. Các vị Sư Tích Lan có thể nhận tiền hoặc đồ dùng trực tiếp từ tay người nữ và cũng không giữ khuôn phép quá đáng như tại Thái Lan.

Ở Tích Lan có nuôi những chú tiểu rất nhỏ từ 7, 8 tuổi, nên quý Thầy rất cực nhọc. Sáng nào cũng đánh thức 5, 3 lần nhưng các chú chưa thức dậy hẳn. Có nhiều bậc cha mẹ muốn con mình đi tu nên đã gửi con vào chùa

sớm, nhờ thế mới có cơ hội để học hỏi tiếng Pali và Phạn ngữ. Nếu về sau người con ấy tu không được nữa, trở về đời thường cũng chẳng hại gì. Nếu ai thuận duyên thì tiếp tục con đường tu tập. Ở đây việc bỏ dỡ đường tu trở lại đời thường là chuyện rất thường tình, chẳng ai thắc mắc cả.

Quả thật mỗi nước lại có một phong tục tập quán riêng và chính cái lâu đời nó trở thành phong tục ấy đã bó buộc người ta ở nhiều phương diện.

Chúng tôi lên tận trên đồi cao, nhìn phong cảnh chung quanh thấy đâu đâu cũng một màu xanh biêng biếc, toàn những ngọn dừa và mít, cau... Trong khi Âu Châu toàn một màu trắng của tuyết và rất trân quý màu xanh, còn ở đây thì màu xanh dư thừa và các tia nắng chói chang đã làm cho tôi gần như lúc nào cũng bị say nắng.

Ngắm nhìn trời rộng mây cao, phong cảnh hữu tình, tôi đã quên đi rất nhiều về những gì đã, đang và sẽ xảy ra nơi Đức quốc. Tôi và quý Thầy ngồi đó thật lâu để mỗi người có thời gian nhìn về mỗi hướng. Trên đồi này có nhiều điều khó lường được. Đại Đức Seelawansa kể cho tôi nghe rằng cùng tu với Đại Đức cách đây 30 năm có 3 người tất cả:

- Một người tu 20 năm, rồi phải lòng một tín nữ nên đã trả áo lại cho nhà chùa để về gia đình báo ân báo hiếu.
- Một vị khác vẫn giữ áo nhà tu cho đến ngày nay và đang ở chùa với Sư phụ của Đại Đức, nhưng vì ít

dạn dĩ và xốc vác nên vẫn sống yên chốn quê đồng cỏ nội.

- Còn Đại Đức Seelawansa tiến thân được như ngày nay cũng từ quê hương đó.

Quả thật mỗi người có một nghiệp lực khác nhau. Sau khi xong Trung Học, Đại Đức lên học Đại Học. Sau khi xong Đại Học lại có duyên sang Áo Quốc làm luận án Tiến Sĩ và bây giờ là Giáo sư Đại Học. Mấy ngày tôi ở đó, Đại Học quốc gia tại Colombo cũng có đến mời Đại Đức dạy, nhưng Đại Đức rất miễn cưỡng chưa chịu nhận lời.

Tôi có hỏi tại sao? Đại Đức bảo rằng:

- Đại Học là chốn giáo dục tự do. Nếu dạy cho chính phủ phải theo những gì của chính phủ Tích Lan đặt ra, nên Đại Đức không thích.

Quả thực:

*“Bần cư náo thị vô nhơn vấn,
Phú tại sơn lâm hữu khách tâm.”*

Nghĩa là người nghèo dẫu sống nơi phố chợ ồn ào náo nhiệt vẫn không ai hỏi thăm đến. Nhưng kẻ giàu có thì ở trong chốn sơn lâm cùng cốc cũng có người tìm đến. Nhưng trường hợp của Đại Đức ở đây phải nói là:

*“Khó khăn thì chẳng ai nhìn,
Đến khi đỗ trạng tám nghìn nhân duyên.”*

Đúng như lời Thiền sư Huyền Quang đời Trần, sau khi đỗ Trạng nguyên và rồi đi tu, đã cảm thán về thế thái nhân tình như vậy.



Trên đồi cao gió lộng

Sáng ngày 15 tháng 3 năm 1994, chúng tôi đi Colombo để làm một số việc như đi thăm Đại Học Phật Giáo, thăm người bạn của Đại Đức đang làm trong Bộ Tài Chánh, thăm một người bạn tu từ Toronto về.

Riêng tôi đến thăm một Thầy người Tích Lan và nay mai Thầy ấy sẽ được bảo lãnh sang Đức để tu học. Sau đó chúng tôi được một tờ báo Anh ngữ tại Colombo mời phỏng vấn về chuyến đi này.

Trên đường về, chúng tôi ghé siêu thị mua một số vật dụng cần thiết để giúp cho một trại mồ côi và một trại dưỡng lão.

Chúng tôi đã mua “ra” (drap) trải giường, “xà rông” cho những người lớn tuổi, xà phòng, dao cạo râu, khăn mặt, bột sữa và các đồ gia dụng cần thiết như chổi quét

nhà cũng như các xô và thau để giặt giũ quần áo. Tất cả số tiền giúp đỡ này đều do gia đình của hương linh Phật Tử Lâm Đạo Tứ, Pháp danh Thiện Niệm tại Speyer - Đức Quốc - gửi tôi làm phước và mong hồi hướng cho hương linh của Tứ được sớm cao đăng Phật quốc.

Chiều tối chúng tôi mới đến được Cô Nhi Viện. Nhìn các em mà nhớ đến những em bất hạnh khác ở quê hương mình. Tuy chúng ở đây có người săn sóc, nhưng thiết tưởng đâu có bằng tình yêu ruột thịt của mẹ cha? Mẹ cha sau khi sinh ra các cháu, vì lý do này hay lý do khác, nên phải chấp nhận để các cháu thành những người không có cội nguồn. May mà nhờ Hội Phật Giáo và các cơ quan từ thiện ở đây đỡ đầu, nếu không các cháu sẽ trở thành những đứa trẻ bụi đời, lang thang đầu đường xó chợ để xin ăn và sống nhờ sự bố thí của mọi người.



Trao quà cho các em ở cô nhi viện



Các em ở cô nhi viện



Hình lưu niệm cùng các em

Trưa ngày 16 tháng 3 năm 1994, có một gia đình Phật tử gần tu viện mời đến nhà thọ trai. Hòa thượng Viện Trưởng cùng với chư Tăng đã đi và dĩ nhiên tôi là một người khách quý cũng được mời.

Đây là cách thức một buổi thọ trai ở xứ này.

Gia đình Phật Tử túc trực sẵn trước ngõ nhà. Nơi ấy có để một chậu nước và một cái khăn. Có một thanh niên múc nước rửa chân cho quý Thầy, một vị lớn tuổi lau chân và một vị khác hướng dẫn quý Thầy vào theo một đường thăm đã trải sẵn.

Đây là một tục lệ từ xưa, khi Đức Phật còn tại thế Ngài và Tăng chúng vẫn thường dùng. Có lần Đức Phật hỏi La-hầu-la, người đệ tử cũng là người con yêu quý của Ngài rằng:

- Nước trong chậu sạch hay nước đã rửa chân sạch?

La-hầu-la trả lời:

- Bạch Đức Thế Tôn! Dĩ nhiên là nước trong chậu sạch hơn nước đã rửa chân rồi.

Đức Phật bảo tiếp:

- Cũng như thế đó, người lười biếng, không chăm tu thiền định giống như nước dơ bẩn kia. Hãy đổ nó đi, đừng giữ lại nữa.

Đó là lời nhắc nhở của Đức Phật đã làm cho La-hầu-la tỉnh ngộ và cố gắng tu hành.

Đức Phật ngày xưa, Ngài hay dùng ba cách để độ đệ tử. Đó là thân giáo, khẩu giáo và ý giáo.

Những ai đáng dùng thân để độ, thì Ngài hiện ra nội thân để độ họ.

Những ai đáng dùng lời để độ, thì Ngài thường hay thuyết pháp để đưa họ về nẻo chánh.

Những ai đáng dùng ý để độ, thì Đức Phật đã tùy thuận theo hoàn cảnh của từng người mà dùng ý để độ.

Vì vậy mà Đức Phật được tôn xưng là Pháp vương, nghĩa là Vua giảng pháp.

Khi vào nhà, tất cả các ghế ngồi đã được trải “ra” trắng và đón mời chư Tăng ngồi vào đó, đoạn gia chủ ra thi lễ sát đất trước các vị Sư. Sau một lúc nghỉ ngơi, vị Hòa Thượng giảng một bài pháp, mọi người quỳ chấp tay cung kính nghe.

Sau khi nghe pháp, đến lễ dâng ngọc thực lên chư Tăng. Đầu tiên là dâng một ít cơm và đồ ăn tượng trưng. Sau đó chư Tăng tụng kinh độ năm mươi phút. Lúc bấy giờ, người trong gia đình Phật tử ấy lần lượt đi đặt vào bình bát cho các vị Sư những phần thức ăn còn lại. Họ đi lần thứ nhất, rồi lần thứ hai, trong khi các vị Sư vẫn dùng cơm. Nếu món nào quý Sư còn muốn dùng nữa thì để họ tự nhiên đặt vào bát, món nào không muốn dùng thêm nữa thì lấy tay đập bát lại. Tất cả đều dùng bằng tay và sau cũng như trước khi xong bữa cơm đều có một bát nước để rửa tay.

Sau phần cơm là bánh trái, trà nước. Mỗi mỗi đều được cung kính làm trong chánh niệm. Cuối cùng là mời trầu. Ở đây mọi lễ nghi đều dùng trầu, có cả việc dâng cau trầu lên cúng Phật.



Băng qua ruộng lúa

Sau phần dùng ngộ trai, Đại Đức Seelawansa nói một thời pháp ngắn. Sau đó tôi cũng nói một thời pháp bằng tiếng Đức, Đại Đức dịch sang tiếng Shingahalese. Nội dung của bài pháp, tôi đã nói về công đức của việc bố thí và nhiệm vụ của người Phật Tử tại gia cũng như của người xuất gia.

Sau đó gia đình dâng quà lên chư Tăng và ra về. Buổi lễ ngộ trai chấm dứt. Gia chủ ra tận ngõ để đánh lễ chư Tăng, đoạn đưa lên xe để về tu viện.

Đó là một lần cúng dường như bao nhiêu lần cúng dường khác mà Phật tử tại gia thường cung thỉnh chư Tăng đến nhà để dùng ngộ.

Trường hợp Việt Nam mình cũng thế, nhưng có một vài nghi lễ khác hơn. Ở đây, nghi lễ hầu như được làm giống khi Phật còn tại thế, ít sửa đổi gì.

Chúng tôi về lại chùa nghỉ trưa và buổi chiều đến trại dưỡng lão gần đó để phát quà và ủy lạo. Nhìn những người già không có thân nhân, hoặc vì một lý do nào đó phải vào đây để ở, thiếu thốn vô cùng. Mặc dầu ở đây cũng có người giúp đỡ họ, nhưng trông hờ hững quá. Khi nhìn những người già ngoài 80 tuổi, tôi nghĩ về quá khứ của họ trước đây 50 năm, khi thực dân Anh còn cai trị nơi xứ hải đảo này. Chắc rằng họ cũng khổ lắm, nhưng lúc ấy họ còn trai trẻ, ở lứa tuổi 30, tràn đầy nhựa sống. Chắc họ đã chẳng nghĩ rằng họ có ngày hôm nay. Ngày nay, mặc dầu họ được sống trong một xã hội tự do thoải mái hơn, nhưng tuổi tác đã làm cho họ khổ sở hơn là thời còn trai trẻ.



Mang quà đến Viện dưỡng lão



Thăm hỏi và trao quà cho từng cụ già



Những cụ già ở Viện dưỡng lão

Tay run run cầm những món quà chúng tôi trao cho, các cụ cảm động sâu xa, thể hiện ra cử chỉ và nét mặt.

Trên đường về, tôi nói với Đại Đức Seelawansa:

- Rồi đây chúng ta cũng phải già như vậy, nhưng may mắn hơn là chúng ta có học hỏi cũng như thực hành giáo lý của Đạo Phật nên hy vọng sẽ tốt hơn. Những người này, khoảng 40 hay 50 năm trước có thể cũng là những người trẻ đẹp, ngang dọc tung hoành, chọc trời khuấy nước, nhưng thời gian cứ lặng lẽ trôi qua, giờ đây cái chết đã đến gần kề. Không biết họ có còn tiếc nuối quá khứ nữa chăng?

Thỉnh thoảng chúng tôi nghe được một vài cụ lớn tuổi đang hát. Có lẽ là những điệu dân ca, nhưng không nhịp nhàng và hình như cụ đã lẫn lẩn. Mấy cụ ngồi

bên cạnh cùng cười và cụ cũng cười lớn lên. Những người bên cạnh hỏi cụ đã hát gì thì cụ bảo hát để quên đời.

Chúng tôi đến từng giường để thăm từng cụ ông. Có người đi đứng được, dầu đã ngoài 80 tuổi. Nhưng có người bị bại liệt nên phải đến tận nơi để han hỏi tận tình. Món quà cũng như tấm lòng đều đáng quý giá. Điều đó nói lên tinh thần nhập thế của Đạo Phật trong cuộc sống này.

Chúng tôi trở về chùa để chuẩn bị một buổi lễ khác vào tối 16 tháng 3 năm 1994. Đó là lễ tiễn chân tôi về lại Đức quốc.

Tôi không ngờ lại có được lễ tiễn biệt này và tôi nghĩ đây có lẽ cũng là một thông lệ để tiễn chân kẻ đi xa, cần được bình an vô sự, đi đến nơi về đến chốn.

Đầu tiên, Hòa thượng Viện Trưởng và chư Tăng cũng như một số Phật tử đến Tu viện Piriven, nơi chúng tôi ở mấy ngày nay, để cùng làm lễ tiễn đưa vào lúc 19 giờ tối. Hòa thượng đã cầu Phật cho tôi đi được bình an và Tăng chúng cũng đồng lòng cầu nguyện với mọi người như thế.

Trước phần cầu nguyện là lễ đốt đèn cúng Phật. Đèn được đốt bằng dầu dừa và tim đèn bằng bông gòn nên cháy rất đượm. Mỗi gia đình mang đến một giỏ hoa đủ loại, đặc biệt là hoa sứ màu trắng, mà miền Bắc thường gọi là hoa đại. Hoa lài, hoa thiên lý cũng được cúng Phật. Người phía sau cùng mang từng đĩa bông trao qua một người khác kế bên và cứ thế chuyển mãi đến người cuối cùng là Hòa Thượng trụ trì, dâng lên cúng Phật.



Đồng lúa được mùa

Sau lễ, Hòa thượng nói một thời pháp rất dài và được Đại Đức Seelawansa dịch ra từng đoạn một. Đại Đức dịch rất hay, ngắn gọn nên rất dễ hiểu và nội dung rất sâu sắc.

Đại ý Hòa thượng đã nói về sự vui mừng của Ngài cũng như Tăng chúng được đón tiếp một vị khách quý đến từ Đức, nhưng vị đó không đòi hỏi gì nhiều như bao Phái đoàn Phật giáo khác đã đến đây, mà hoan hỷ ở trong làng quê hẻo lánh vui với cảnh nghèo nàn của Tu Viện.

Đoạn Ngài giới thiệu về lịch sử truyền thừa của Phật giáo Tích Lan, đến từ thế kỷ 3 trước Tây lịch, đã có hơn 2.300 năm lịch sử và trải qua nhiều triều đại huy hoàng nên mới xây dựng được những nơi như Polonnaruwa, Anuradhapura, Kandy... Nhưng trải qua nhiều cuộc bể dâu, xứ Tích Lan đã bị người Anh chiếm làm thuộc địa

hơn 150 năm và gần 50 năm nay Phật giáo Tích Lan được sống trong tự do để truyền đạo và phục hồi Phật Giáo làm quốc giáo như hiện nay, nhưng cũng còn nhiều trở ngại lắm. Vì lẽ khi trăm hoa đua nở, các luồng tư tưởng cứ tùy tiện phát triển, nên so với Âu Châu thì sự trật tự và nề nếp không bằng.

Ngài đã nói rất nhiều về Đại Đức Seelawansa và tôi, khen ngợi có, tán dương có và lưu ý trên đường hành đạo cũng có. Ngài nói:

- Có nhiều người có khả năng hành đạo, nhưng ngoại ngữ không thông. Ngược lại, những người thông ngoại ngữ lại không rành Phật Pháp. Ở đây các vị đều có đủ 2 yếu tố ấy, nên tôi mong rằng 2 vị sẽ mang Phật giáo Đại thừa và Tiểu thừa đến với người Âu Châu dễ dàng hơn.

Ngài có bảo rằng, Ngài đã ở Áo được 3 tháng, tuy không hiểu ngôn ngữ nhiều, nhưng nghe người Áo gọi điện thoại đến thăm hỏi và tìm hiểu Phật Pháp nơi Đại Đức Seelawansa cũng như đến gặp gỡ hằng ngày, quả là điều lợi lạc biết bao, nếu mình giúp đỡ họ trực tiếp được về vấn đề tinh thần. Ngài nói Ngài chưa đi Mỹ, nhưng Ngài tin chắc chắn rằng cũng giống như thế. Đoạn Ngài nói:

- Tôi có nghe ở Hannover có chùa lớn là do sự đóng góp của Phật tử đó đây, dưới sự lãnh đạo của Thượng Tọa và nơi đó đã quy tụ được nhiều người đến học hỏi tu niệm, quả là điều đáng quý biết bao.

Ngài nói về sự hiện hữu của Phật giáo Đại Thừa tại các nước Á Châu nhiều hơn Tiểu thừa và Ngài cũng tán dương tôi cũng như Đại Đức Seelawansa đã thể hiện

tin thần đại đồng tôn giáo đó mà đi giúp đỡ các trẻ em mồ côi cũng như người già cả, quả là điều quý giá vô cùng. Ngài cũng nói, mặc dầu Phật giáo Đại Thừa được thành lập sau, nhưng đã phát triển mạnh, nhờ có con đường phóng khoáng đó và hy vọng những người Âu Mỹ dễ chấp nhận con đường này hơn. Ngài bảo rằng, trong tương lai cũng nên trao đổi tăng sĩ các nước với nhau để tất cả đều hiểu rõ tinh thần Đại thừa và Tiểu thừa, để cùng học hỏi lẫn nhau.

Lời cuối, Ngài nguyện cầu cho tôi trở lại Đức quốc được bình an và hy vọng nhưng không chắc rằng còn gặp lại Ngài được nữa.

Sau khi Ngài nói bài pháp như dặn dò, như khuyên bảo, như chỉ dẫn, như tán dương, tôi cảm tạ thật nhiều về tấm thanh tình ấy và sau đó tôi dùng tiếng Đức để trình bày cảm nghĩ của tôi sau 15 ngày ở tại xứ này:

“Đầu tiên con xin cảm ơn Ngài cũng như Đại chúng, nhất là Đại Đức Seelawansa và sau đó là ông trưởng làng cũng như dân làng này đã đón tiếp, giúp đỡ và tạo cho con cơ hội rất tốt trong 15 ngày qua. Ôn ấy con không bao giờ quên được. Vào 5 giờ 30 phút sáng ngày mai, con phải lên đường để trở về Đức quốc, nên con xin tạm có mấy lời để cảm tạ Ngài cũng như Đại chúng và những người hiện diện nơi đây.

“Khi con đến đây, con nghĩ như một người con trở lại gia đình sau bao nhiêu năm xa cách, nhưng đã không biết được mẹ cha, huynh đệ là ai. Và khi đến đây cũng như bây giờ, sau 15 ngày sống tại đây, con đã thấy được đây là một đại gia đình có đầy đủ những yếu tố đó. Con

đã đến đây với tâm trạng rất bình thường, nên cũng chẳng muốn khoa trương một điều gì cả. Vì đời sống của người tu là một cuộc sống đơn giản mà con đã học được từ lâu và bây giờ con lại có cơ hội để thực hiện.

“Con được biết là quê hương của Ngài đã bị trên 150 năm đô hộ của người Anh. Quê hương con cũng vậy, 1.000 năm bị lệ thuộc người Tàu, 80 năm bị người Pháp chiếm làm thuộc địa. Nhưng quê hương Ngài may mắn có những người ngoại quốc như Đại Tá Olcott, người Mỹ, đã giúp đỡ Tích Lan khôi phục lại nền Phật giáo nước nhà. Còn chúng con thì không có được duyên may đó.

“Con vẫn thường hay nói với những người Áo mới gặp ở đây rằng:

- Tuy Tích Lan nghèo về vật chất, nhưng đời sống tinh thần thì rất cao. Ngược lại Âu Châu thì quá dư thừa vật chất, trong khi đó đời sống tinh thần rất thiếu thốn. Họ cần học hỏi và trao đổi với Tích Lan. Những người Áo đã hoàn toàn đồng ý với con điều đó và họ đã cảm nhận đó là một sự thực khó phủ nhận.

“Khi con hướng dẫn cho người Đức, con vẫn thường nói với họ rằng:

- Quý vị đừng lo ngại gì cả. Vì đạo Phật là đạo thể hiện tình thương, chối từ bạo lực, ai thích thì theo, không thích thì xin tự tiện không đến chùa. Không có một điều kiện nào buộc ràng cả. Giáo lý của Đức Phật giống như một bông hoa thơm ngát, quý vị có thể nhìn ngắm hoa ấy, quý vị cũng có thể phê bình đẹp xấu và ngay cả việc quý vị cũng có thể đem hoa ấy về trồng vào trong vườn hoa tâm linh của quý vị.

“Con cũng hy vọng rằng thế kỷ 21 là thế kỷ của Phật Giáo tại Âu Mỹ. Phật Giáo như một cây đại thụ, gốc rễ nằm tại Á Châu và chắc chắn hoa trái sẽ đâm chồi nảy lộc tại Âu Mỹ. Mặc dầu Phật giáo không đi truyền đạo, nhưng đạo Phật như một bầu không khí ngày càng lan rộng.

“Bởi vậy con mong rằng với ánh sáng trí tuệ của Đức Phật, với lòng từ bi của chư Tăng, hãy cầu nguyện cho chúng con cũng như Đại Đức Seelawansa có đầy đủ nghị lực để mang đạo giải thoát đến với mọi loài và mọi người trên các quốc độ mà chúng con đang cũng như sẽ đi qua.

“Gần 50 năm nay, Ngài Đại Đức Narada, người Tích Lan, nay đã viên tịch, đã có công lớn mang Phật giáo Nam Tông truyền đến Việt Nam của chúng con. Đến năm 1963, sau thời kỳ tranh đấu dưới thời Ngô Đình Diệm, chúng con đã tạo thành một Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất. Thống Nhất ở đây bao hàm nhiều ý nghĩa, trong đó có việc thống nhất các tông phái Phật giáo, đặc biệt là giữa Tiểu thừa và Đại thừa.

“Quê hương chúng con may mắn có được cả 2 luồng tư tưởng ấy. Con cũng đã gửi 2 đệ tử sang học tại Ấn Độ. Hy vọng tương lai sẽ gửi thêm một vài đệ tử đến Tích Lan và theo chiều ngược lại, chúng con cũng muốn đón mời những vị tăng sĩ Tích Lan đến Đức hoặc Áo để học hỏi, trao đổi kinh nghiệm v.v... Điều đó chúng con rất vô cùng hoan hỷ.

“Một lần nữa, chúng con xin cảm tạ Ngài và xin lay 3 lay để đền ơn Ngài cũng như Đại chúng đã cứu mang con trong 15 ngày qua tại chốn Tu Viện này.”

Sau khi tôi đánh lễ Hòa Thượng, ông trưởng làng là một Phật Tử, đứng lên có vài lời trước khi giã biệt. Ông ta rất buồn ngủi luyến tiếc về sự trở lại Đức quốc của tôi. Ông hy vọng rằng trong thời gian ngắn sẽ gặp lại tôi nữa.

Ông ta cũng xin lỗi về những gì không hài lòng nếu có, do vô tình hoặc do phong tục tập quán hay sơ sót gây ra.

Tôi cười đáp lễ và ra dấu là không có một việc gì đáng lưu tâm cả.

Sau đó tôi nhận một số tặng vật của Hòa thượng Viện Trưởng và của một số Phật tử trao tặng. Toàn là những món đồ tiêu biểu của Tích Lan. Rất cảm động và ngậm ngùi. Chư Tăng giải tán, còn tôi ra chào hỏi những người Phật tử hiện diện để họ thăm hỏi và đánh lễ tạ từ.

Buổi lễ đã qua làm tôi nhớ lại ngày xuất gia trong mấy mươi năm trước. Trước khi tôi ra đi, gia đình tôi cũng làm một lễ cầu an như thế. Nhưng khi lên đường đi du học năm 1972, tôi không có được một buổi lễ như tối hôm nay, mà chỉ có một bữa tiệc chia tay rồi ra đi.

Từ Nhật sang Đức tôi đi trong vội vàng nên cũng chẳng có buổi đưa tiễn nào, vì tôi lúc ấy không chuẩn bị ở lại luôn tại Đức. Để rồi hôm nay ở xứ người, chỉ nhân một chuyến viếng thăm ngắn ngủi có 15 ngày mà tôi đã dự không biết bao nhiêu lễ nghi quan trọng của Thiên môn.

Còn một việc cũng khá quan trọng, suýt nữa tôi quên. Đó là lễ chú nguyện chuyên thần lực nơi sợi chỉ. Sau khi

chư Tăng chú nguyện, Hòa Thượng Viện Trưởng đã cột dây cầu nguyện vào tay tôi.

Đêm ấy là đêm 16 tháng 3 năm 1994. Trời thì lâu sáng, mà giấc ngủ của tôi cứ mãi chập chờn, vì một phần trông mau sáng, phần khác nghĩ về những đạo tình của Hòa thượng, của Đại Đức Seelawansa và của chư Tăng mà tôi phải then thùng. Then vì nổi chính mình không thể thực hiện như vậy được khi một khách Tăng từ xa đến, đừng nói gì phục vụ một cách tận tình mà không bao giờ có một hành động khách sáo nào cả.

Suốt trong những ngày tôi ở đó, vị Thầy bạn của Đại Đức hết hỏi tôi uống nước dừa tươi lại đi pha trà. Hết trà đến nước nóng, hết nước nóng đến dọn sáng, dọn chiều... Nhiều lúc Thầy ấy còn bỏ mừng cho tôi ngủ nữa. Vì có lần muỗi cắn tôi bời, tôi chỉ cho Thầy ấy, cũng chỉ vì một nguyên do nhỏ là không biết thả mừng. Mừng phải thả ra ngoài thành giường rồi lấy gối chắn lại muỗi mới không vào được. Nếu chỉ chắn mừng đơn giản, đêm khuya muỗi sẽ lợi dụng kẽ trống để vào.

Đúng 5 giờ sáng ngày 17 tháng 3 năm 1994, vợ chồng ông trưởng làng đã chở thức ăn sáng tối. Trước đó ông cũng đã cho người ở bẻ thơm, bẻ chuối, hái đu đủ và chặt dừa mang đến để tôi gói mang về Đức cùng với 5 trái mít thật xinh của vườn chùa. Tôi có nói với quý Thầy là ở Âu Châu mỗi ký-lô mít phải trả 10 đô-la Mỹ. Quý Thầy cười và bảo rằng: Thầy qua đây chở mấy xe cam-nhông cũng được.

Trời chưa sáng nhưng các chú tiểu trong chùa đã dậy hầu hết, ra đánh lễ tôi và từ biệt kể từ giờ này. Trước đó



Những món quà đậm tình quê hương

tôi có để lại một ít tiền để biếu cho các chú. Vì nếu đưa riêng cho từng chú một, các chú sẽ tiêu vật hết, nên tôi đã giao cho vị Thầy giáo thọ trước. Có nói bằng tiếng gì thì các chú cũng mỉm miệng cười thôi, còn nhỏ quá không có trình độ để hiểu Anh ngữ hoặc Đức ngữ.

Đúng 5 giờ 30 phút, người tài xế đã mang xe túc trực trước cửa Tu Viện. Tôi lên đánh lễ Hòa thượng Viện Trưởng một lần nữa và giã từ tất cả những vị còn ở lại chùa.

Con đường đi đến phi trường không đơn giản, đồi dốc, hầm hố, lính gác đó đây.

Trời mới hừng sáng nên những con chó, con mèo vẫn còn ngái ngủ nằm ngoài đường như tưởng rằng chưa có

ai qua lại. Xe cộ chạy tứ tung, người qua lại đủ hướng, còi bóp inh ỏi, chim chóc kêu nhau gọi đàn lúc mặt trời sắp mọc nghe cũng vui tai. Tôi không biết rằng ai đó trong tu viện có buồn khi tôi đi không, chứ tôi thì đã quen quá rồi với bao lần đưa tiễn, nên chẳng có giọt nước mắt nào, hoặc một nỗi buồn nhỏ cũng chưa gợn thấu tâm hồn. Có lẽ tâm sự của người đi chẳng có gì đáng nói, vì họ có mục đích để đến. Còn người ở lại, kỷ niệm vẫn còn đây mà người xưa đâu còn nữa, nên chắc cũng có kẻ buồn. Rồi thời gian cũng sẽ qua đi. Đúng thế, thời gian, chỉ có thời gian mới giải quyết được tất cả. Thời gian qua sẽ làm mờ nhạt bụi gió sương, rồi đâu cũng sẽ vào đấy.

Đến phi trường không biết bao nhiêu là thủ tục, nhưng nhờ chiếc áo vàng mà mọi thủ tục cũng qua nhanh. Ở đây Phật giáo là quốc giáo nên mọi người rất tôn trọng các vị Sư. Các vị Sư đi đến đâu, dầu là công sở của chính phủ cũng vậy, nhân viên đứng lên để đón các vị Sư, sau đó mới ngồi xuống làm việc. Những bậc trưởng thượng đi qua, Tăng chúng đều đứng dậy. Vì tôn trọng mà đó cũng là theo tinh thần giới luật Phật dạy. Còn ở đây, người Tích Lan đã thấm nhuần tinh thần Phật giáo từ nhỏ nên việc lễ nghi cũng rất phổ thông. Chùa chiền mọc lên khắp nơi tại làng xóm, thôn ấp, còn nhà thờ chỉ thấy nơi đô thị. Quả thật đạo Phật là đạo của quần chúng, đạo của mỗi người dân.

Người cân hành lý cho tôi bảo rằng ông cũng là Phật tử. Ông hỏi tôi đến Tích Lan để làm gì, rồi cho qua ngay. Hầu như chẳng có cổng nào phải dừng lại lâu.

Tôi ra từ biệt Đại Đức Seelawansa và những người đi

đưa tiền, một số tiền rupee còn lại tôi đã gửi Đại Đức để sử dụng những việc cần thiết tại chùa.

Còn không bao lâu nữa phi cơ sẽ đáp xuống phi trường Amsterdam. Từ đó tôi sẽ đổi máy bay trở về lại Hannover.

Ghi vội những dòng này để làm quà lưu niệm đến quý Phật Tử xa gần những gì tôi đã biết, tôi cũng mong quý vị được chia sẻ cái biết của mình. Như thế chuyến đi của tôi cũng mang lại được nhiều lợi lạc.

Nếu trong tác phẩm này có những điểm nào đó làm phiền lòng quý độc giả, cũng mong quý vị lượng tình hỷ thú cho. Người viết chỉ có một tâm nguyện duy nhất là làm sao cho lợi mình, lợi người. Đó chính là con đường Bồ Tát đạo.

Nguyện cầu niềm an lạc sẽ đến với tất cả quý vị.

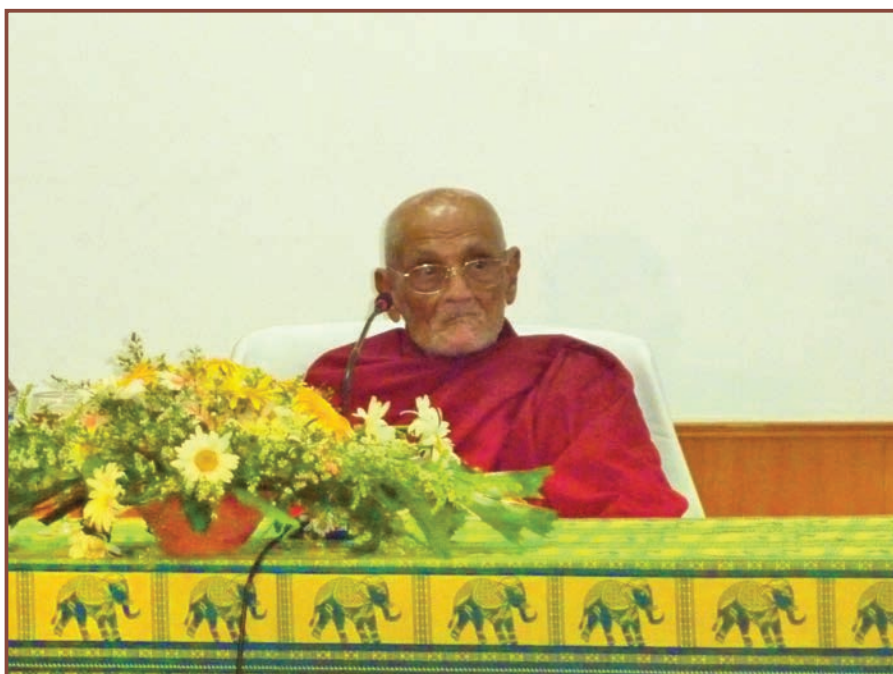
*Viết xong vào lúc 12 giờ trưa
ngày 17 tháng 3 năm 1994
trên chuyến bay KLM 802 hướng về Amsterdam*

- Thích Như Điển

PHẦN II.

ĐẠO TÌNH MUÔN THUỞ

**Chuyến đi nhận giải thưởng danh dự
của Hội Đồng Tăng-già và Chính phủ Tích Lan
Từ ngày 3 đến ngày 14
tháng 7 năm 2011**



Đức Tăng Thống Thích Lan tại buổi lễ trao giải thưởng danh dự

Đã một lần như thế

Thích Như Điển

Ở đời có những chuyện thật bất ngờ, bởi vì chẳng ai tính trước được. Đa phần cuộc sống đều do chúng ta tự làm chủ, như hoạch định kế hoạch cho việc tu, việc học, đi du lịch, giao tế với bạn bè v.v... Đó là cốt lõi của cuộc sống bình thường theo chương trình làm việc của mỗi người. Nhưng cuộc sống này có muôn mặt, thay đổi muôn hình vạn trạng, đôi khi ta nghĩ vậy mà không là vậy. Cho nên, trong giáo lý của đức Phật gọi những sự thay đổi ấy là nhân duyên.

Nhân duyên là một sự tương tác, có cái này nên mới có cái kia. Có những cái ẩn tàng đâu đó trong nhiều đời nhiều kiếp, bây giờ mới hiện ra. Có những cái mình không thích, không muốn mà nó cứ hiện ra. Hoặc giả có những điều mình ưa thích mà chẳng bao giờ đến. Tất cả đều tùy thuộc vào sự tương hợp tương tác của nhân duyên.

Thầy Seelawansa, người Tích Lan, đến với tôi và chùa Viên Giác tại Hannover cũng là một sự tình cờ trong bao nhiêu sự tình cờ khác, cách đây chừng 20 năm. Vào đầu năm 1991, thầy đến Hannover và chúng tôi đã quen biết nhau từ đó. Thầy đến Áo từ năm 1982 và đã tốt nghiệp

tiến sĩ triết học tại Áo, hiện là giáo sư Tôn giáo học tại Đại học Wien, thủ đô nước Áo.

Trong 20 năm quen biết đó, tôi đã đến thăm quê hương Thầy ba lần. Cứ mỗi lần như thế, tôi đều viết những bài tường thuật để đăng trên báo Viên Giác, hoặc viết thành sách như cuốn “Giữa chốn cung vàng”, để giới thiệu về quê hương Thầy cũng như Kandy - nơi xá-lợi chiếc răng của đức Phật được tôn thờ tại đó. Và lần thứ ba này là lần đặc biệt nhất.

Cách đây hai năm, Thầy Seelawansa có nhờ tôi viết một bài báo bằng tiếng Anh để giới thiệu về Thầy trong khi Thầy hướng dẫn tu học cho những người Đức và



Hòa thượng Thích Như Điển (phải) và Thầy Seelawansa

người Áo tại Âu châu. Tôi sẵn sàng và đã thực hiện điều đó. Đó cũng là hình thức giới thiệu về Thầy để được Hội đồng Tăng-già Tích Lan trao giải thưởng danh dự cao quý cho Thầy, người có công mang ánh sáng Phật pháp vào Âu châu.

Sau đó, Thầy điện thoại cho tôi biết kết quả và Thầy đã nhận lãnh giải thưởng này từ năm 2010. Tiếp theo, Thầy đề nghị Hòa thượng Thích Minh Tâm và cá nhân tôi cho giải thưởng danh dự này. Hòa thượng Thích Minh Tâm chẳng quan tâm, bảo rằng: “Để đến lúc ấy hãy tính.” Có lẽ việc đến bất ngờ quá chăng? Nên Hòa thượng Minh Tâm cũng chẳng chuẩn bị gì ngoại trừ một lý lịch trích ngang và công lao hoằng pháp của Hòa thượng tại Âu châu mà chính thầy Seelawansa đã nhiều lần tai nghe mắt thấy. Còn tôi, thầy Hạnh Giới đã bỏ tấc một lý lịch đầy đủ cho Thầy ấy, cả tiếng Anh và tiếng Đức.

Bẵng đi một thời gian khá lâu, một hôm thầy Seelawansa điện thoại cho tôi và báo tin rằng: Hội đồng Tăng già Tích Lan đã đồng ý trao giải thưởng cao quý về việc hoằng pháp trên thế giới của chúng tôi. Tiếp theo, Thầy có gởi mấy tờ báo địa phương đã loan tải tin này bằng tiếng Tích Lan cũng như tiếng Anh.

Sau đó, tôi có liên lạc với Hòa thượng Minh Tâm để định ngày sang Tích Lan tham dự lễ trao giải thưởng. Cuối cùng, Thủ tướng Tích Lan đã chọn ngày 8 tháng 7 năm 2011 là ngày lễ trao giải thưởng này. Vì là một tổ chức lớn, cả Hội đồng Tăng-già và Chính phủ Tích Lan nên phải định thời gian trước đó một năm. Dĩ nhiên, chúng tôi cũng không rảnh rỗi gì, vì là trong mùa an cư kiết hạ và

triển lãm Phật Ngọc tại chùa Viên Giác, Hannover, mới vừa xong. Trong khi đó, phái đoàn của Hòa thượng Thích Minh Tâm gồm tám vị cũng chưa rõ là có thể đi được hay không, phải chờ đợi vào giờ chót mới biết.

Riêng báo Viên Giác cũng như trang nhà Viên Giác đã đưa tin này cả một năm qua nên phái đoàn Viên Giác tổng cộng 24 người đã đến Colombo từ ngày 3 đến ngày 14 tháng 7 năm 2011. Từ Âu châu có 16 người, Ấn Độ có 4 thầy và từ Việt Nam có 4 vị.

Ở xứ lạnh như xứ Đức cả ba bốn chục năm, nay có cơ hội về xứ ấm Á châu và sẽ được tận hưởng thời tiết, khí hậu ấm áp khác xa nước Đức, cũng như thưởng thức đồ ăn Á châu, ai mà không thích? Nhưng tất cả cũng đều do nhân duyên sắp đặt mà thôi, vì có những người đã ghi



Phái đoàn tập trung tại sân bay Frankfurt

tên rồi nhưng cuối cùng đổi ý ở nhà. Như vậy là mất đi một chuyến hành hương lý tưởng. Nhưng cũng có nhiều vị không chuẩn bị mà cuối cùng được đi. Cho nên hai chữ nhân duyên thật lạ kỳ khó hiểu như vậy.

Phái đoàn chúng tôi đến Colombo vào chiều 3 tháng 7 năm 2011. Sau khi được nhân viên Bộ Ngoại Giao chào đón theo nghi thức lễ tân, chúng tôi nhận hành lý và bước ra ngoài hành lang của phi trường để đón nhận những giọt mồ hôi đầu tiên tại xứ nhiệt đới này. Sau khi lên xe bus, phái đoàn được đưa về khách sạn gần bờ biển, cách thủ đô Colombo chừng 30 km về hướng tây bắc.

Tên gọi nước Tích Lan (Sri Lanka) có nghĩa là hòn đảo quý.¹ Phật giáo đã có mặt tại đây từ thế kỷ 3 trước Tây lịch, nghĩa là từ khi Tỳ-kheo Mahinda, hoàng tử con vua A-dục, sang truyền bá Phật pháp và công chúa Sanghamitta (Tỳ-kheo ni) mang cây bồ-đề được chiết từ cây chính ở Bồ-đề Đạo Tràng qua trồng tại Anuradhapura. Mãi đến hôm nay, nơi đây vẫn là Thánh địa có nhiều người Phật tử đến chiêm bái, nguyện cầu, và cây bồ-đề ấy ngày nay đã hơn 2.300 năm tuổi, cành lá vẫn tốt tươi và đang đâm chồi nảy lộc vươn cao.

Vào thế kỷ 16, người Tây Ban Nha, Bồ Đào Nha đã đến đây và mang theo một tôn giáo mới. Đó là Thiên Chúa giáo. Rồi người Anh đến cai trị xứ này từ thế kỷ 18. Đến đầu thế kỷ 20, người Anh trao trả độc lập cho người Tích Lan. Sau khi người Anh đi rồi, những văn hóa và tôn giáo cũ vẫn còn có mặt đó đây trong xứ sở

¹ Bất nguồn từ Phạn ngữ, chữ Śrī có nghĩa là đáng kính, quý báu, còn Lanka có nghĩa là hòn đảo.

này, mặc dù đạo Phật là quốc giáo, vốn đã ngự trị tại đây trong hơn 23 thế kỷ qua.

Ông Henry Olcott là một Đại tá quân nhân người Mỹ, vào đầu thế kỷ 20 đã đến Tích Lan. Ông chủ trương khôi phục nền văn hóa và tôn giáo của xứ này, nên được nhiều học giả, trí thức cũng như những chính trị gia trên thế giới ủng hộ. Trong đóng góp của ông có cả những đề xuất hình thành lá cờ Phật giáo ngày nay. Vào năm 1950, Liên hiệp Phật giáo Thế giới (World Fellowship of Buddhists) đã công nhận lá cờ này là biểu tượng của Phật giáo trên toàn thế giới, trong đó có Phật giáo Việt Nam.



Những ngã ba đường đều có tôn trí tượng Phật

Ngày nay, người Phật tử đến Tích Lan sẽ thấy ngã ba đường nào cũng có một tượng Phật lớn, cũng như nhà nhà đều treo cờ Phật giáo. Đây cũng là bằng chứng về sự khôi phục Phật giáo tại xứ này.

Chư tăng Tích Lan đa phần là những vị học giả nổi tiếng, như Ngài Narada có thời gian dài hoằng pháp tại chùa Kỳ Viên ở Sài Gòn. Ngài là tác giả của nhiều quyển sách, trong đó có quyển “The Buddha and His teachings” (Đức Phật và Phật pháp) do đạo hữu Phạm Kim Khánh dịch, là một tác phẩm rất quen thuộc với Phật tử Việt Nam. Cố Hòa thượng Wipulasara, Phó Chủ tịch Hội Phật giáo Tăng-già Thế giới, cũng là người Tích Lan. Ngài đã đóng góp rất lớn cho sự giao lưu giữa Đại thừa và Tiểu thừa, giữa Nam tông và Bắc tông trong Phật giáo đương đại.

Ngoài ra, những vị Hòa thượng, Thượng tọa đang hành đạo tại ngoại quốc, đa phần là những học giả Phật giáo đã được Tăng-già và chính phủ Tích Lan hỗ trợ, trong đó có Thượng tọa Tiến sĩ Seelawansa như vừa đề cập trên. Những vị ấy không chỉ lo vấn đề tinh thần cho người Phật tử Tích Lan ở hải ngoại mà còn lo cho cả người Tây phương, và kể cả Phật tử Việt Nam chúng ta. Đây là những tấm gương sáng của việc hoằng truyền ánh sáng chân lý của đức Phật đến với mọi người trên thế giới, không phân biệt màu da và tiếng nói.

Thầy Seelawansa đã có công rất lớn trong việc tổ chức lễ phát giải thưởng danh dự vào ngày 8 tháng 7. Ví dụ như sắp xếp các cuộc tiếp kiến với Tổng thống, Thủ tướng, các vị Bộ trưởng đối lập và Hội đồng Tăng-già

v.v... Nhưng vấn đề giao thông của Tích Lan ngày nay là một vấn nạn lớn. Xe cộ quá nhiều mà đường sá lại quá chật, người ta không thể bay lên không trung để đến nơi đúng giờ hẹn, cho nên đoàn của chúng tôi đến Phủ Tổng thống trễ hơn 30 phút, khiến cho Tổng thống phải chờ đợi, đúng như tục ngữ Việt Nam có câu là “Quan cần dân trễ.” Người đại diện Phủ Tổng thống lo về vấn đề tôn giáo là ông A. M. Ratnayake hôm đó đã lên xe bus của chúng tôi để chào hỏi và thông báo thật đáng tiếc là Tổng thống không thể chờ lâu hơn nên lần này không thể gặp chúng tôi. Trong khi quý bà, quý cô trong phái đoàn, vận áo dài truyền thống, nổi bật trong màu áo quốc phục này đang đợi chờ để tiếp kiến Tổng thống mà không được toại nguyện, lại hẹn lần sau và chẳng biết lần sau ấy khi nào mới đến. Thôi thì đành lỗi hẹn do nhân duyên vậy.

Kế tiếp chúng tôi qua phòng hội nghị của Chính phủ, nơi đây là một hội trường khánh tiết, có trang trí một tượng Phật, bốn cây đèn dầu và một chân đèn cao gồm nhiều tim đèn để cho những vị khách quý đến châm đèn cúng Phật, gồm bốn vị lãnh giải thưởng hôm ấy cùng Thủ tướng, Phó thủ tướng và ông Hội trưởng Hội Phật giáo Tích Lan.

Trước khi Thủ tướng đến, đội quân dàn chào với khí giới oai vệ đã túc trực bên ngoài hội trường. Sau khi Thủ tướng vào hội trường rồi, chúng tôi bốn người lên xe đặc biệt và được đưa đi vòng ra phía sau đoàn cung nghinh đại lễ. Sau đó, chúng tôi xuống xe đứng vào vị trí cò lọng đã có sẵn. Đầu tiên là cờ của Tăng-già do 40 em thiếu nữ cầm, và sau đó là một đoàn vũ công truyền thống, ăn



*Thủ tướng, Phó Thủ tướng và ông Hội trưởng
Hội Phật giáo Tích Lan kính lễ Đức Tăng Thống*

mặc theo lối chư thiên, mang trống, nhạc đến ca múa dâng lên đại lễ. Kế tiếp là một rừng cờ Phật giáo và lại một đoàn vũ công nữa, tấu lên những bản nhạc thật oai hùng. Sau đoàn vũ công là lọng che nhị vị Hòa thượng được trao giải, hai vị Trưởng, Phó Hội Phật giáo Áo tháp tùng theo sau.

Cuối cùng là đội hợp ca của các em Phật tử. Đoàn cung nghinh vào hội trường trong tiếng nhạc lễ cao vút và trang trọng nhất. Sau khi chư Tăng, Ni, Thủ tướng, các vị Bộ trưởng và Phật tử an vị rồi, vị Tổng thư ký của Hội đồng Tăng-già thông qua chương trình và cung thỉnh Hòa thượng Trưởng lão 94 tuổi, đại diện cho Tăng đoàn ngồi vào ghế chứng minh phía trên. Sau đó là phần tuyên dương sự hoằng pháp của nhị vị Hòa thượng và hai vị cư sĩ bằng tiếng Tích Lan.



Lễ nghi cung nghinh các vị nhận giải thưởng danh dự



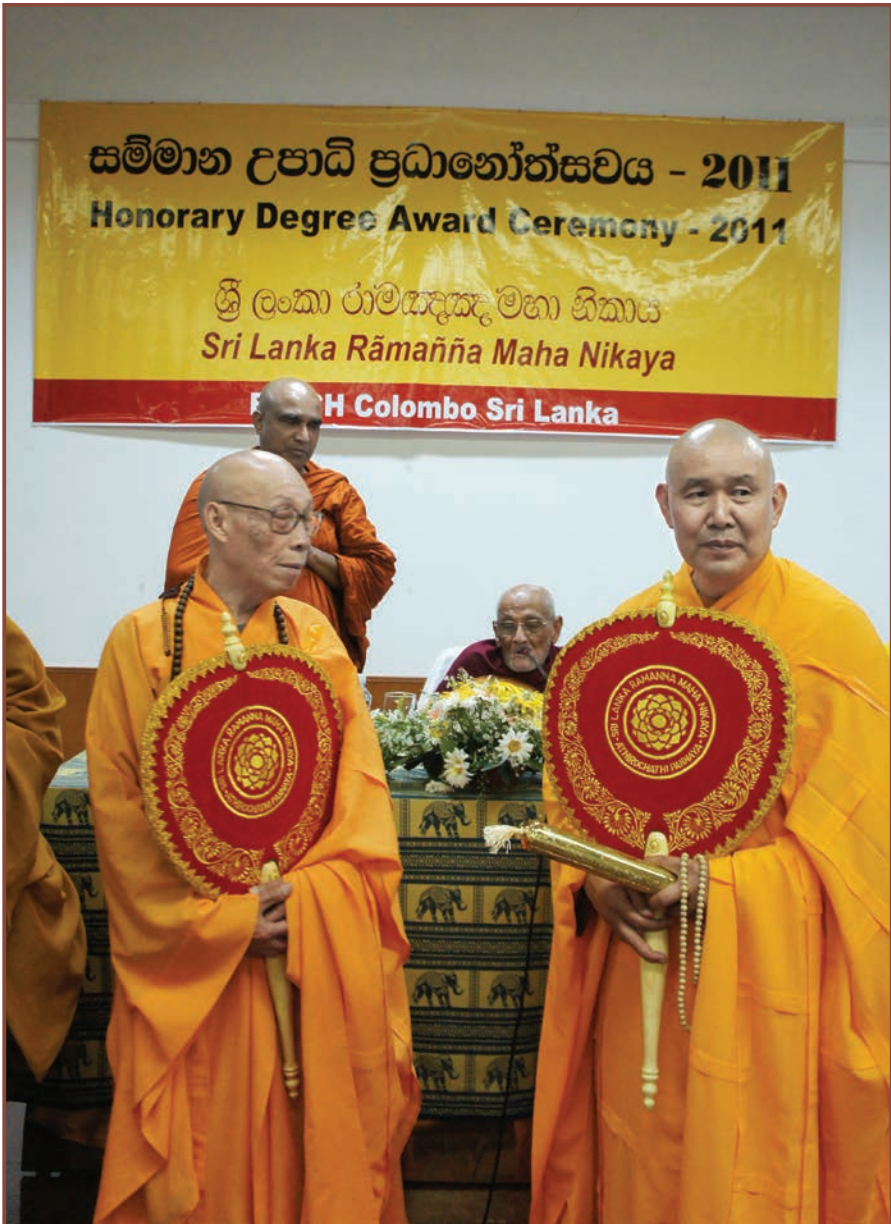
Nhị vị Hòa thượng sau khi nhận hoa chúc mừng



Trên tay của nhị vị Hòa thượng là tấm bằng khen danh dự



Thủ tướng và Phó Thủ tướng Tích Lan tiến vào Hội trường, mọi người đứng lên nhưng các vị tăng sĩ vẫn ngồi an vị



*Nhị vị Hòa thượng đã nhận quạt biểu tượng danh dự
của chính phủ Sri Lanka trao tặng*



*Quý Hòa thượng và chư tôn giáo phẩm
Hội đồng Tăng già Sri Lanka*

Kế tiếp, Hòa thượng Thích Minh Tâm được mời lên nhận bằng do Hòa thượng Tăng Thống trao. Sau đó Hòa thượng ngồi vào vị trí chiếc ghế bên cạnh để Thủ tướng D. M. Jayaratne đến trao chiếc quạt truyền thống cũng như đánh lễ. Kế tiếp, Hòa thượng Thích Như Điển cũng được trao như vậy. Bằng khen tặng do một vị Trưởng lão khác trao và chiếc quạt hồng pháp do Phó thủ tướng đảng đối lập trao tặng và đánh lễ. Các Phật tử Việt Nam đại diện trong đoàn đã dâng hoa chúc mừng nhị vị Hòa thượng.

Hai vị chánh phó Hội Phật giáo Áo đã được chư Tăng trao bằng danh dự và quà kỷ niệm, không có chiếc quạt của quốc gia trao tặng.



Hai mặt của quạt biểu tượng danh dự

Kế tiếp, Thượng tọa tiến sĩ Seelawansa đọc một bài diễn văn bằng tiếng Tích Lan và tiếng Anh để vinh danh việc hoàng pháp này. Nội dung của dòng chữ ghi trên tấm bằng danh dự là: Hội đồng Tăng-già Tích Lan tặng giải thưởng này cho... với tước hiệu danh dự là “Người có công mang ánh sáng Phật pháp đến với thế giới”. Còn trên chiếc quạt có ghi dòng chữ Tích Lan và tiếng Anh như là tước hiệu cao cả mà nhiều người trong đoàn nói rằng quạt này giống như chiếc quạt “như trăm thân lâm” trong “Thoát vòng tục lụy”.¹ Đây cũng là một nhân duyên mà chính tôi chưa bao giờ nghĩ tới.

Kế đó là Thủ tướng phát biểu, Phó thủ tướng, rồi ông Hội trưởng lên phát biểu cảm tưởng. Hòa thượng Thích Minh Tâm tặng quà lưu niệm đến Hội đồng Trưởng lão Tăng-già, Thủ tướng, Phó thủ tướng và vị Hội trưởng

¹ Quạt bằng ngà do vua ban, trên có 4 chữ “như trăm thân lâm”, có nghĩa là quạt này ở nơi nào thì cũng giống như có đức vua đích thân hiện diện nơi đó.



Thủ tướng Sri Lanka phát biểu chào mừng

cũng như những nhân viên lễ tân. Đồng thời Thượng tọa Tiến sĩ Seelawansa trao tặng tịnh tài đến chư vị Trưởng lão. Sau đó là chụp hình lưu niệm và tôi đã nói đôi lời bằng tiếng Anh để cảm ơn Hội đồng Tăng-già cũng như Chính phủ và nhất là thầy Seelawansa, nói lên tấm chân tình của chúng tôi khi đến đảo quốc này.

Bên chư Tăng có rất nhiều vị trưởng lão, như Ngài A. T. Ariyaratne, Tiến sĩ Phật học và là người sáng lập cũng như là Hội trưởng Hội Sarvodaya Shramadana, vốn là người trực tính, ít liên hệ với chính phủ hiện tại, nhưng vẫn hiện diện trong lễ trao giải thưởng này. Được biết, đây cũng là lễ trao giải đầu tiên tại Tích Lan dành cho người ngoại quốc có công truyền bá Phật pháp trên thế giới.



Hòa thượng Thích Như Điển phát biểu tại buổi lễ

Buổi tối ngày 8 tháng 7 năm 2011, tại một nhà hàng Pizza Ý ở thành phố Negombo, Thượng tọa Thích Nguyên Lộc, Ni sư Diệu Trăm và các đệ tử của Sư ông Khánh Anh đã tổ chức một bữa tiệc nhỏ để tạ ơn Sư trưởng. Trong chương trình bữa tiệc cũng có ca nhạc, ngâm thơ, phát biểu cảm tưởng và cúng dường tịnh tài, phẩm vật v.v... Bầu không khí thật cảm động, thể hiện tình thầy trò, tử đệ. Đây là một kỷ niệm nho nhỏ để kết thúc một nghi lễ, vốn đã được chuẩn bị trước gần một năm nay.

Sáng sớm ngày 9 tháng 7 năm 2011, những người nhận giải thưởng đã được Phó Thủ tướng đối lập tiếp kiến tại tư dinh và điểm tâm với gia đình thật là thân mật. Trước đó mấy ngày, phái đoàn chúng tôi đã ghé thăm đánh lễ những Đại Bảo Tháp, Đại Phật tượng, chùa cổ hàng ngàn năm và những chùa cổ xưa trong

163



Văn bằng danh dự do Hội Đồng Tăng-già Tích Lan trao tặng
Bản tiếng Tích Lan (Sinhalese)



*Chụp hình lưu niệm cùng Thủ tướng Sri Lanka
(người đứng giữa nhì vị Hòa thượng)
và Phó Thủ tướng (bìa phải)*

hang động vùng Kalutara thật là tuyệt vời, không bút mực nào tả xiết.

Dọc đường đi, chúng tôi đã dừng xe để mua chuối, mít, măng cụt, xoài, cóc, ổi, chôm chôm, sầu riêng... Ai nấy đều trố mắt lên khi nhìn thấy những hình ảnh quê hương mình hiện về, đặc biệt là với những người xa quê trên dưới 40 năm chưa một lần trở về như Hòa thượng Thích Minh Tâm và tôi. Đây là những hình ảnh và kỷ niệm tuyệt vời vẫn còn lưu giữ mãi trong tâm khảm chúng tôi.

Trưa ngày 7 tháng 7 năm 2011 phái đoàn gồm 32 người đã đến vùng Wadduwa để đi thăm nhà nuôi trẻ

mồ côi Muditha (Muditha Children's Home). Nhà nuôi trẻ này được thành lập sau trận sóng thần (tsunami) cách đây 5 năm, do thầy Seelawansa sáng lập để nuôi những trẻ em mồ côi cha mẹ sau nạn sóng thần năm ấy. Tiền bạc xây dựng nên cơ sở này là do Hội Phật giáo Áo tài trợ, trong đó cũng có tiền của GHPGVNTN Âu châu, qua chúng tôi, đã gửi tặng khoảng 17 nghìn Euro.

Ngày hôm ấy, đạo hữu Nguyên Trí đại diện cho Sư bà Thích Nữ Diệu Tâm, Trưởng ban Từ thiện Xã hội của Giáo hội và qua Hòa thượng Thích Minh Tâm đã trao tặng 1.000 Euro cho hơn 20 em đang ở đây.

Vào lúc 14 giờ chiều cùng ngày, sau khi cơm nước và nhận quà bánh của phái đoàn, các em đã ca múa tặng phái đoàn. Nhìn sự hồn nhiên của tuổi thơ, ai cũng phải chạnh lòng. Vì mỗi người trong chúng ta sinh ra đời đã



Tại nhà nuôi trẻ mồ côi Muditha

có một hoàn cảnh khác nhau, không ai giống ai cả. Ai đó vì thương trẻ thơ như một Phật tử ở Thụy Sĩ đã tặng vào đây 200 franc Thụy Sĩ và nhiều tấm lòng tương ái khác cũng đã thể hiện tại đây để giúp đỡ cho các em, qua sự đóng góp tận tình của mọi người hiện diện.

Chiều hôm ấy, chúng tôi đi vào làng, nơi thầy Seelawansa đã tu học nhiều năm. Nơi đây, vị thầy cũ của thầy Seelawansa, vốn là một học giả tiếng Sankrit cũng đã trú ngụ và Ngài giờ đã ra đi vĩnh viễn, sau bao nhiêu năm tôi chưa trở lại xứ này. Người xưa bây giờ không còn nữa, cho nên những cây mít trong vườn không còn sai quả như ngày xưa khi còn vị Bổn sư của thầy Seelawansa, và đàn cò trắng đã ít bay đậu trên những đọt dừa cao, vì vị Tôn sư đã đi về thế giới tịch diệt rồi. Tuy nhiên, những trái mít ươn, những trái dừa, trái ô ma, trái xoài đã được đoàn hành hương chiếu cố tại chỗ, trông thật là đậm tình quê hương và dân dã. Nhưng phẩm chất từ bi trí tuệ của đạo Phật đã ngự trị nơi đây, nuôi lớn một con người từ ruộng đồng ra đi, để sau ba bốn mươi năm trở lại vườn xưa, là một trạng nguyên không vông lọng vinh quy bái Tổ nhưng là một thực thể biểu hiện của của tính Phật. Vì lẽ, trong mỗi con người đều sẵn có tính Phật, và chính tính Phật này sẽ dưỡng nuôi chúng ta thành Phật, dầu cho là người trí thức hay những kẻ hạ tiện bình dân. Cho nên sau khi đức Phật thành đạo, Ngài đã nói lên câu nói bất hủ tại Bồ-đề Đạo Tràng rằng: “Kỳ lạ thay! Trong mỗi chúng sanh đều có tính Phật.”

Ngày 9 tháng 7 cũng là một ngày đáng ghi nhớ, phái đoàn chúng tôi gồm 32 người cùng với 8 người Áo và thầy

trò thầy Seelawansa, tổng cộng là 42 người. Tất cả ngồi trên hai chiếc xe bus cũ của Nhật Bản do hai tài xế trẻ Tích Lan lái. Từ Negombo đến Kandy, cố cung của Tích Lan, khoảng chừng 200 km nhưng đi từ sáng đến tối vẫn chưa đến vì xe bị thủng lốp và còn dừng giữa đường tại Kegalla để đi xem sở thú voi. Khi đến khách sạn Queen tại Kandy cũng đã đến giờ hành lễ Xá-lợi Răng Phật lúc 18 giờ cùng ngày.

Vì đã liên lạc trước và có sự quen biết của thầy Seelawansa nên phái đoàn chúng tôi được hướng dẫn thẳng lên lầu ba, vào tận nơi tháp thờ Xá-lợi Răng Phật để dâng lễ. Đây là một phước đức lớn, một nhân duyên không phải ai cũng được. Bởi vì có cả hàng ngàn, hàng vạn người, mỗi ngày 3 lần chỉ được hành lễ bên ngoài Bảo tháp thờ Xá-lợi Răng Phật mà thôi.



Chụp hình nơi Đại Phật Tượng

Trong 32 tướng tốt của đức Phật, có tướng về răng. Ngài có 40 chiếc răng đều nhau, trắng mịn... Ngày nay, trên thế gian này chỉ còn hai chiếc răng Xá-lợi Phật, một được thờ ở chùa Linh Quang, Trung Quốc, và một đang thờ tại cố cung ở Kandy, Tích Lan này. Người ta cung kính chiếc răng của đức Phật như Phật còn tại thế. Tại Tích Lan có hai quốc bảo, đó là Xá-lợi Răng Phật ở Kandy và cây bồ-đề do công chúa Sanghamitta con vua A-dục trồng tại Anuradhapura. Không người Tích Lan nào không biết đến hai quốc bảo này.

Hòa thượng Thích Minh Tâm và phái đoàn rời Kandy vào sáng ngày 10 tháng 7 năm 2011 để trở lại Paris, Pháp quốc. Trong khi đó, phái đoàn của chúng tôi lên xe bus hướng về phía bắc đảo quốc này để đánh lễ cây bồ-đề thiêng liêng. Trên đường đi, phái đoàn đã ghé vùng Naula để thăm trường học Phật giáo dạy vào cuối tuần và cảnh quan xung quanh chùa. Nơi ấy có những cây sa-kê và những cây mít sai trái. Ai cũng trầm trồ vì đã nặng lòng với cố quốc lâu nay, trong đó có văn hóa ẩm thực.

Khi xe dừng bánh tại Dambulla, cũng là lúc trưa nắng, chúng tôi phải leo núi cũng như ghé thăm viện bảo tàng Phật giáo nằm ngay trong tượng Đại Phật. Đồng thời, để chuẩn bị cho buổi cơm trưa hôm đó, chúng tôi phải dùng thời gian lâu hơn để đi thăm những thạch động tại đây, cốt là để đủ thời gian chuẩn bị gần 40 phần cơm cho cả đoàn.

Trong động có tượng 27 vị Phật quá khứ và hầu như động nào cũng có tượng Phật nhập niết-bàn. Những

hang động và những bích họa kỳ vĩ tại Dambulla đã có từ hơn 2000 năm trước. Người xưa không có những phương tiện như ngày nay, nhưng họ có một ý chí thật phi thường nên mới làm nên được đại sự như vậy. Còn người đời nay, phương tiện thật nhiều nhưng ý chí lại kém cỏi. Do vậy, làm việc gì cũng ít thành công, vì tất cả đều quay về “egoism” (tự kỷ cá nhân) thay vì Bồ Tát hạnh, vì người vì đời như các bậc tiền bối đã dày công gây dựng. Do vậy, ở trong hang động này, tôi đã nói cho cả đoàn nghe về lời dạy của Ngài Quy Sơn Linh Hựu thiền sư trong Quy Sơn Cảnh Sách. Ngài so sánh bậc đại nhân giác ngộ như cây tùng, cây bách hiên ngang vươn thẳng lên trời xanh, và khuyên chúng ta nếu không làm được như vậy thì nên nương tựa theo các ngài, cũng như dây leo bám vào cây tùng, khi tùng cao đến đâu thì dây leo cũng có thể leo cao đến đó. Ngài nói nguyên văn như sau: *“Chẳng thấy như dây leo kia, nhờ dựa vào thân cây tùng mà lên được đến tầng cao chót vót. Hãy chọn nhân lành cao trỗi mà ký thác đời mình, mới có thể rộng làm lợi ích.”*¹ Nếu được như vậy, quả là hạnh phúc biết bao.

Sáng ngày 11 tháng 7, đoàn chúng tôi đã lên được tận gốc bồ-đề để đánh lễ và cúng dường, sau đó xuống tầng hai của tháp để tụng một thời kinh Lăng Nghiêm. Trong tiếng chuông mâu nhiệm, như đâu đây công chúa và hoàng tử vẫn còn đó để ngắm nhìn đoàn người và nghe những âm thanh trầm bổng kỳ lạ của những người đến từ một xứ xa xôi hơn nửa vòng trái đất nhưng vẫn

¹ Nguyên văn chữ Hán: 豈不見倚松之葛, 上聳千尋。附託勝因, 方能廣益。 - Khởi bất kiến ỷ tùng chi cát, thường tủng thiên tâm; phụ thác thắng nhân, phương năng quảng ích.

còn nhớ về quê mẹ. Những người Phật tử Việt Nam vẫn không quên nguồn gốc tổ tiên và đạo Phật của mình.

Sau khi đánh lễ cây bồ-đề thiêng liêng và tụng kinh xong, phái đoàn chúng tôi ghé sang Đại tháp cạnh đó để đi nhiều tháp một vòng trong 30 phút và đánh lễ chư Phật, chư Đại Bồ Tát, chư Thánh Hiền Tăng, những người đã có công làm cho Phật giáo hưng thịnh ở một cõi nước xa xôi trong quá trình hành đạo. Nhìn những tảng đá cổ xưa được chạm trổ, hay những viên gạch rêu phong cùng năm tháng, chúng tôi mới biết được kỳ công của những nghệ nhân đời xưa mà đời nay quả thật không phải ai cũng có thể thực hiện được.

Được biết cách đây chừng hai ngày, tại đây có lễ hội dâng hoa, có gần một triệu Phật tử khắp nơi tại Tích



Chụp hình với cây bồ-đề thiêng ở Đại Uyển, Anuradhapura

Lan về đây dâng hoa cầu nguyện. Nhìn những người hành hương, với dáng người khẳng khiu, nhưng ý chí và tâm nguyện của họ thật là mạnh mẽ, cứng cỏi. Đó chính là tâm nguyện hộ đạo của những người Phật tử này. Để tỏ lòng cung kính trước chùa, tháp và cây bồ-đề, họ bỏ giày dép, mũ nón... từ xa ngoài vườn chùa để đi vào bên trong đánh lễ, mặc dầu phải đi chân trần trên đất cát chứ không phải nền đúc bằng xi-măng như những nơi khác. Khi họ đánh lễ chư Tăng, họ ngồi xuống chân cao, chân thấp và cúi rạp mình xuống chạm vào bàn chân, theo nghi lễ như lúc Phật còn tại thế. Ở đây từ Tổng thống, Thủ tướng cho đến quốc dân trăm họ đối với chư Tăng đều như thế, và phong tục này đã có tại nơi đây cả mấy ngàn năm rồi, vẫn còn gìn giữ được thật là đáng trân quý.



*Tượng đức Phật nhập Niết Bàn
với ngài A-nan buồn bã đứng hầu bên cạnh*

Rời Anuradhapura, phái đoàn chúng tôi hướng đến địa phương Polonnaruwa. Nơi đây được công nhận là Di sản văn hóa Thế giới, gồm một quần thể kiến trúc đã được các nhà khảo cổ học phát hiện vào thế kỷ 18-19, trong đó có những bảo tháp hàng ngàn năm tuổi. Có chùa Phật giáo Đại thừa 900 năm tuổi và đặc biệt có tượng đá lộ thiên với hình ảnh đức Phật nhập Niết-bàn, đứng hầu bên cạnh là ngài A-nan hiền hòa với vẻ buồn bã lộ trên nét mặt. Những tượng này hẳn phải mất đến mấy chục năm mới hoàn tất. Quả là một tác phẩm vĩ đại và tuyệt diệu khiến cho bất cứ ai khi đến đây đánh lễ, chiêm ngưỡng đều có thể thấy được tâm lượng bao la của người tạc tượng thời xa xưa ấy.

Sau đó chúng tôi trở về làng xưa, nơi thầy Seelawansa trưởng thành, trước khi thầy trở thành tăng sĩ Phật giáo Tích Lan. Bữa cơm trưa tại gia đình em gái thầy đã nói lên tất cả những đạo tình, đạo vị ấy. Nào chuối, nào mít, nào dưa hấu, nào khoai mì... Tất cả đều gói trọn trong nghĩa tình thấm thiết để gửi tặng những người con xa xứ.

Sau khi ăn xong, chúng tôi lại còn được hái mít, hái xoài để đem về khách sạn. Quả là một tình cảm quê hương chất phác, dịu hiền, khó tìm được nơi những chốn thị thành, nơi giàu có về vật chất mà tình người như thiếu vắng.

Từ Polonnaruwa đến phi trường quốc tế Colombo chỉ có 215 km mà đoàn chúng tôi phải mất đến 6 tiếng đồng hồ di chuyển. Hai bên đường đi, mọi người đều nhận thấy vùng quê này vẫn còn sản xuất những giống cây



Cây trái vườn quê

nguyên thủy, không lai tạo biến đổi mà cũng chẳng có thuốc làm hại sức khỏe. Nào mít, dưa, chuối, ổi, dứa, cóc, bắp... đều là những cảm tình gợi nhớ khi đoàn người sẽ già từ nơi đây vào sáng ngày 14 tháng 7 năm 2011 để trở về trụ xứ của mình.

Tôi ghi vội lại cuộc hành trình này với tiêu đề “Đã một lần như thế” tại khách sạn Oasis Beach Resort ở vùng Negombo vào sáng ngày 12 tháng 7 năm 2011, trong bốn tiếng đồng hồ, để ghi lại một chuyện quan trọng trong đời mình và trong cuộc hành trình vốn dài vô tận này, chẳng biết nhân duyên gì ta lại đến, lại đi, lại còn, lại mất... Tất cả cũng chỉ là con số không to tướng để ta quy về một mối. Đó là “Không” và chơn như bản thể mới là tánh chơn thường.

Thích Như Điển

Colombo, 12/07/2011

Một chuyến hành hương

Thích Như Tú

Dựa vào Biên Niên Sử, chúng ta biết rằng Phật giáo được Đại đức Mahinda, Thái tử con vua A Dục, truyền vào đảo quốc Tích Lan từ giữa thế kỷ 3 trước Tây lịch. Lúc bấy giờ, Tích Lan được xem là một trong những nước chư hầu của Ấn Độ. Vì vậy, sau khi vua Mutasiva băng hà, Đại đế A-dục sai sứ đến phong vương cho Thái tử Devānampiyatissa.¹ Theo Ngài Buddhagosa: “Khi Đại Đức Mahinda vâng lệnh Đức Vua A-dục đến Tích Lan truyền giáo, trên đường đi Ngài ghé về quê Mẹ để làm một số Phật sự. Lúc ngồi quán chiếu, thấy nhân duyên đã đến, có thể làm hưng thịnh Phật pháp tại Tích Lan, Ngài cùng đoàn truyền giáo lập tức lên đường.” Rồi từ đó đến nay, Phật giáo tại xứ sở này đã trở thành quốc giáo, trải qua nhiều giai đoạn cực thịnh.

Hôm nay trong một dịp tình cờ đến thật hy hữu, Hòa Thượng Phương Trượng Chùa Viên Giác đã chọn bốn huynh đệ chúng tôi trong số những Tăng Ni đang du học tại các trường Đại học trên đất nước Ấn Độ, để cùng “đăng trình” với Ngài đến Tích Lan nhận giải thưởng danh dự tuyên dương việc hoằng truyền Chánh pháp tại Âu châu, do Chính phủ và Hội Đồng Tăng-già Tích Lan tổ chức trao tặng vào ngày 8 tháng 7 năm 2011.

¹ Tâm Hạnh, Chú Giải Luật Thiện Kiến. Nhà Xuất Bản Tôn Giáo. 2008, p. 105.

Để chuẩn bị cho chuyến đi này, công việc đầu tiên của chúng tôi là liên lạc lấy thông tin để thống nhất giờ bay và làm các thủ tục xin visa nhập cảnh. Vì mỗi người học mỗi nơi, Đại Đức Thích Nhuận Huệ đang làm nghiên cứu tại Đại học Mumbai, Đại Đức Thích Huệ Pháp ở tận xứ gần Pakistan, trường Đại học Jammu, riêng Đại Đức Thích Nguyên Tân và chúng tôi cùng học tại trường Đại học Delhi. Trường này xây dựng vào năm 1922, được xếp hạng thứ 371 trên thế giới từ năm 2010 với rất nhiều phân khoa, trong số đó đặc biệt có Phân khoa Phật Học.

Hòa Thượng Phương Trượng Thích Như Điển đã quan tâm đến tình trạng khó khăn về vấn đề tài chánh của Tăng Ni du học tại phân khoa Phật học thuộc các trường đại học ở Ấn Độ, nên Ngài hoan hỷ giúp đỡ cho số tăng sinh này từ năm 1994 cho đến nay.

Chúng con được có duyên may tu học tại Ấn Độ nhưng cảm thấy bơ vơ lạc lõng giữa ngàn phương, nhận được ân tình của Ngài dành cho chúng con nơi xứ người, thật không biết lấy gì để đền đáp công ơn ấy trong muôn một. Con xin thay mặt cho quý Thầy Cô đang nhận học bổng Chùa Viên Giác kính tri ân tấm lòng Ngài và Quý Phật Tử bấy lâu nay đã đóng góp cúng dường vào quỹ “Học bổng Tăng Ni”.

*Hướng tâm đánh lễ công ơn ngài,
Một chút tình riêng đến chúng con.
Để ấm cõi lòng nơi đất khách,
Ân tình cao vợi tựa ngàn non.*

Trở lại chuyến đi, xin kể nơi đây một vài chi tiết nhỏ để giúp cho những ai đang du học tại Ấn Độ muốn tham

quan Tích Lan có thể lấy làm kinh nghiệm. Lúc đầu chúng tôi gặp khó khăn khi xin visa nhập cảnh Tích Lan, bởi lẽ Đại sứ quán Tích Lan yêu cầu mọi thủ tục phải được đầy đủ, rõ ràng và do vậy đã khước từ đơn xin của chúng tôi. Sau đó, chúng tôi nhờ một vị sư người Miến Điện đang tu học tại Tích Lan hoan hỷ gửi cho một giấy mời có địa chỉ nơi đến rõ ràng, khi đó Đại sứ quán Tích Lan tại đây mới đồng ý cấp visa.

Thời gian chờ đợi cũng đã qua và ngày khởi hành cũng đến. Chúng tôi bắt Metro đến Phi trường Quốc tế New Delhi để từ đó bay đi Tích Lan. Chúng tôi đáp xuống Phi trường Quốc tế Colombo an toàn đúng vào lúc 17:45 ngày 4 tháng 7 năm 2011. Một ấn tượng sâu thẳm mà chúng tôi ghi nhận ngay lúc ban đầu tại Tích Lan này là ngay mỗi bàn đăng ký hải quan đều có một câu kinh Pháp cú, tưởng chừng như đang chào đón và đưa lối hành đi vào một thế giới tâm linh của đạo Từ Bi và Giải Thoát.

Chiều hôm đó, chúng tôi được vị sư Tích Lan Balagalle Dhammaseeha Thero cùng vài Phật tử đến đón và đưa về một khách sạn nằm ven biển thuộc vùng ngoại ô Negombo. Negombo là tên gọi do người Bồ Đào Nha đặt vào đầu những năm thập niên 1510. Negombo có một cảng nhỏ và nền kinh tế chủ yếu dựa vào du lịch và ngành đánh bắt thủy sản. Chúng tôi đánh lễ Hòa Thượng Phương Trượng Thích Như Điển và được giới thiệu làm quen với từng thành viên trong đoàn của Hòa Thượng đến từ Âu châu. Đặc biệt trong phái đoàn hầu hết là những văn nhân, thi sĩ tên tuổi gắn liền với văn bút Âu châu: Chủ bút Báo Viên Giác - Ông Phù Vân,

nhà thơ Đan Hà, và hai cây bút nữ Hoa Lan, Trần Thị Nhật Hưng v.v... Bên cạnh những nhà thơ, nhà văn còn có các đạo hữu trong Ban Từ Thiện Xã Hội như vợ chồng đạo hữu Nguyên Trí cùng tháp tùng Hòa Thượng. Từ đây chúng tôi chính thức nhập đoàn cùng mọi người.

Chiều ngày 5 tháng 7, đoàn chúng tôi đi thăm ngôi chùa cổ Kelaniya, cách Thủ đô Colombo 12km về hướng đông. Ngôi chùa được xây dựng dọc theo bờ sông Kelani là một trong những nơi thiêng liêng nhất ở Tích Lan, bởi vì người Phật tử Tích Lan tin rằng Đức Phật đã đến nơi đây vào một ngày vesak.¹

Ngôi cổ tự này bị tàn phá bởi quân đội Bồ Đào Nha vào năm 1510. Sau đó, chùa được xây dựng lại vào năm 1767 do công lao của Venerable Mapitigama Buddharakkhita, với sự tài trợ của đức vua Kirithi Sri Rajasingha.

Trong suốt thời gian đô hộ của người Anh, ngôi chùa không còn nhận được sự trợ giúp từ hoàng gia để duy trì, sửa chữa. Do vậy, cho đến cuối thế kỷ 19, ngôi chùa lại rơi vào tình trạng hư hỏng nghiêm trọng. Chuyện kể rằng, vào một ngày trăng tròn năm 1880, Bà Helena Wijewardene đến viếng chùa Kelaniya và cầu nguyện, dâng hoa cúng dường. Khi bước đến trước tượng Phật, bàn chân bà dính đầy bùn đất vì nền không được lát gạch. Bà cảm thấy buồn và ước nguyện sẽ xây dựng lại ngôi chùa thật khang trang hơn. Năm 1888, bà ủng hộ để nhà chùa bắt đầu tiến hành việc lát đá nền cho ngôi chùa. Cuối năm 1902, bà lại hỗ trợ để thay thế điện thờ gỗ bằng điện thờ mới bằng đá cẩm thạch. Công việc tu

¹ Swarna Wickremaratne. Buddha in Sri Lanka: Remembered Yesterdays. Albany: State University of New York Press. 2006, p. 51.



Ngôi chùa cổ Kelaniya và Đại tháp Dageba

sửa sau đó vẫn liên tục tiến hành, nhưng phải đến năm 1927 mới có thể bắt đầu công trình tu sửa toàn diện và hoàn thành vào năm 1946. Bà đã thuê rất nhiều họa sĩ, điêu khắc gia từ Ấn Độ cũng như tại Tích Lan để thực hiện công trình. Trên vách tường hiện còn nhiều tranh vẽ với màu sắc hài hòa mô tả cuộc đời Đức Phật Thích Ca Mâu Ni. Đây là tuyệt tác nghệ thuật của họa sĩ tài ba Soliyas Mendis.

Bên cạnh ngôi cổ tự có một Đại tháp tên là Dageba, nơi tưởng niệm pháp tòa sư tử của Đức Phật nói pháp cho vua Chulodara và vua Mahodara Naga cùng các vị đệ tử trong lần viếng thăm thứ 3 của Đức Phật. Nơi đây, vào năm 1984 có vị tu sĩ người Hàn quốc, Tiến sĩ Byun đã gửi tặng nước Tích Lan một Đại Hồng Chung nặng khoảng 1 tấn, được gọi là Chuông Hòa Bình. Ngày nay, ngôi chùa trở thành di sản văn hóa quốc gia.



Đại Hồng Chung – Chuông Hòa Bình

Có hai người làm vinh quang cho đảo quốc tươi đẹp này, là Tỳ-kheo Mahinda và Tỳ-kheo ni Sanghamitta, chính là hoàng tử và công chúa con vua A-dục. Hai vị đã làm cho Tích Lan không chỉ là một hòn đảo tươi đẹp mà còn trở thành nơi tiếp nhận và truyền thừa mạng mạch Phật giáo qua muôn đời. Chính sự lưu giữ Phật pháp tại đảo quốc này đã giúp chấn hưng đạo Phật tại Ấn Độ sau khi bị suy tàn từ thế kỷ 12. Sự chấn hưng này cũng bao gồm cả việc đòi lại quyền quản lý, bảo tồn và phát triển các thánh tích của Phật giáo Ấn Độ, sau nhiều thế kỷ bị Ấn Độ giáo và một số tôn giáo khác chiếm dụng.

Ngoài sự nỗ lực của Panchen Lama xây dựng một ngôi chùa ngoại quốc đầu tiên tại xứ Phật vào cuối thế kỷ thứ 18 bên bờ sông Hằng gần Calcutta. Đến đầu thập niên 1890, một vị cư sĩ Tích Lan là Anagarika Dharmapala đã đến Ấn Độ và thành lập Hội Phật Giáo Maha Bodhi Society tại Bodhgaya.¹

Chính phủ và Hội Đồng Tăng-già Tích Lan luôn trân trọng và bảo trì hai quốc bảo từ hơn hai ngàn năm qua. Một là nhánh bồ-đề được chiết từ cây mẹ ở Bodhgaya Ấn Độ, do Tỳ-kheo ni Saṅghamittā mang về đây. Nhánh bồ-đề lịch sử thiêng liêng được trồng tại đại uyển Mahameghavana và luôn được chăm sóc, gìn giữ rất công phu, cẩn trọng. Quốc bảo thứ hai là Xá-lợi răng của đức Phật, do Sa-di Sumana thỉnh về đảo quốc này. Sumana là con trai của Công chúa Saṅghamittā.

¹ Alan Trevithick. *The Revival of Buddhist Pilgrimage at Bodh Gaya (1811 - 1949): Anagarika Dharmapala and the Mahabodhi Temple*. Delhi: Motilal Banarsidass. 2002, pp. 14-15.

Hôm đó, đoàn chúng tôi có đầy đủ phước duyên nên tất cả đều được vào tận bảo tháp chiêm bái và đánh lễ. Kandy là kinh đô của các đời vua Sinhalese từ năm 1592 đến 1815. Thành phố này được UNESCO công nhận là di sản văn hóa thế giới. Với nét kiến trúc nghệ thuật của cung điện tôn thờ Xá-lợi thật lộng lẫy, uy nghi. Sáng rực một màu vàng của đêm huyền diệu. Những ánh sao lấp lánh trên bầu trời Kandy đã ló dạng. Nhưng đoàn người đi lễ vẫn tiếp tục xếp thành hàng đi vào chánh điện trong pháp phục chỉnh tề. Chúng tôi rảo bước dạo quanh hồ nước thiêng dưới ánh đèn màu huyền ảo lung linh trước điện thờ xá lợi trước khi trở về lại khách sạn Queen nằm bên kia đường, đối diện cung điện để nghỉ ngơi.



Khu vực đền thờ trong động đá (Rock Cave Temple)



Đoàn lễ nhạc cung nghinh nhị vị Hòa thượng

Nhớ lại năm 1950, Hội Nghị Liên Hữu Phật Giáo Thế Giới (The World Fellowship of Buddhists - WFB) được tổ chức lần đầu tiên tại thủ đô Colombo - Tích Lan, từ ngày 25 tháng 5 năm 1950 đến ngày 6 tháng 6 năm 1950. Cố Hòa Thượng Thích Tố Liên làm Trưởng đoàn Hội Phật Giáo Tăng Già Bắc Việt, là một trong số 129 đoàn đại biểu của 29 nước Phật giáo tham dự, không tính nước chủ nhà là Tích Lan. Tại đây, một bản điều lệ của Hội Liên Hữu Phật Giáo Thế Giới được thống nhất và lễ tuyên thệ thành lập Hội Phật Giáo Thế Giới diễn ra trước điện thờ răng của đức Phật ở thành phố Kandy này.

Năm nay, chúng tôi được tháp tùng Hòa Thượng Phương Trượng Thích Như Điển đến Tích Lan cũng vừa tròn 10 ngày, nhằm tham dự lễ trao giải thưởng danh

dự để tuyên dương công lao hoàng pháp trong cộng đồng Phật giáo Âu châu.

Buổi lễ diễn ra vào ngày 8 tháng 7 năm 2011 dưới sự chứng minh của vị Đại Trưởng lão Tăng thống và chư vị trưởng lão cao niên trong Hội Đồng Tăng-già Phật giáo Tích Lan cũng như các vị cao cấp trong Chính phủ Tích Lan.

Trong không khí thật trang nghiêm của buổi lễ, tiếng nhạc và âm thanh tù và vang lên rộn ràng theo nhịp trống của đoàn cung nghinh. Tiếp theo là các Phật tử cầm hai hàng cờ và lọng che, theo truyền thống nghi lễ của Tích Lan, cung nghinh nhị vị Hòa thượng Thích Minh Tâm, tọa chủ Chùa Khánh Anh tại Paris và Hòa thượng Phương Trượng Chùa Viên Giác tại Hannover, Đức quốc, cùng hai vị cư sĩ người Áo vào phòng khánh tiết Hội nghị Quốc tế.

Bên trong phòng có rất nhiều vị trưởng lão tỳ-kheo, Phật tử Tích lan và Phật tử của các quốc gia khác. Buổi lễ được bắt đầu bằng bài đồng ca trầm hương cúng dường chào đón các vị quan khách, do đoàn Phật tử Tích Lan biểu diễn.

Quyện cùng màu khói lung linh dưới ngọn nến do nhị vị Hòa Thượng và Thủ tướng Chính phủ Tích Lan vừa thắp lên, màu y vàng rực rỡ của chư tăng đã toát lên trong không gian phòng khánh tiết một sắc màu cao quý của Phật giáo.

Qua lời giới thiệu của Ban tổ chức, Hòa Thượng Thích Minh Tâm được cung thỉnh an vị vào một chiếc ghế trang trọng ở khán đài và vị Đại Trưởng lão Tăng

Thống trao tặng tấm văn bằng đầu tiên. Tiếp đến là Thủ Tướng Chính phủ Tích Lan đánh lễ dưới chân ngài theo cung cách của một Phật tử và tôn phong một ngôi vị quốc sư theo truyền thống Nam tông, tượng trưng bằng chiếc quạt đỏ.

Hòa Thượng Phương Trượng Thích Như Điển cũng được vị Trưởng lão Tuyên Luật Sư trao tặng văn bằng và Phó Thủ Tướng đảo đối lập cũng theo cung cách một Phật tử đánh lễ dưới chân ngài và tôn phong một ngôi vị quốc sư theo truyền thống Nam tông với chiếc quạt đỏ.

Riêng hai vị cư sĩ người Áo được vị Hội Trưởng Hội Phật giáo Tích Lan trao văn bằng và quà lưu niệm.

Ánh đèn flash của các máy thu hình được chớp lên xen lẫn một tràng pháo tay giòn giã kéo dài một hồi lâu trong phòng khánh tiết như cung hỉ các vị nhận giải thưởng. Sự tiếp đãi nồng hậu của các vị cao cấp trong Chính phủ và Hội Đồng Tăng-già Tích Lan, không phải chỉ qua những hành động, lễ nghi tươm tất, mà còn bằng sự có mặt nghiêm trang và thật trọn vẹn của họ. Chúng tôi có cảm tưởng như đang được sống trong một tình lam gắn bó, chợt nhớ đến hai câu kệ của Thiền sư Hoàng Bá:

*Nếu chẳng một phen rét thấu xương,
Hoa mai sao thưởng được mùi hương?*¹

Nhị vị Hòa Thượng của chúng ta được như ngày hôm nay cũng đã không quản bao thăng trầm thế sự, mặc nhiên qua bao nỗi đắng cay, đã từng “nguyện là một

¹ Nguyên văn chữ Hán: “不是一翻寒徹骨。怎得梅花撲鼻香。 - Bát thị nhất phiên hàn triệt cốt, chẩm đắc mai hoa phốc tị hương.” (Thiền tông trực chỉ - 禪宗直指 - Quyển 1)

dòng sông để chuyên chở những đục trong của cuộc đời và nguyện là mặt đất để hứng chịu những sạch nhơ của nhân thế”.¹ Để tiếp nối hoàng truyền “Chúc Thánh dư hương”, ra sức bảo tồn và phát huy tinh thần văn hóa Phật giáo Việt Nam tại xứ người. Công hạnh ấy, chúng con luôn cung kính đánh lễ. Hương vị ấy, mãi mãi được thơm lây.

Đúng 6 giờ chiều, chúng tôi trở về lại khách sạn và một buổi liên hoan chúc mừng nhậm vị Hòa Thượng được gói gọn trong tình đạo vị. Một hợp ca được tuyển chọn để mở màn cho buổi trình diễn hôm đó là “nhóm văn nhân thi sĩ”. Tiếp theo là những tiết mục đơn ca, ngâm thơ và cả tân cổ giao duyên, cải lương trích đoạn cũng được lần lượt góp vui cúng dường. Đúng vào lúc 11 giờ khuya, chương trình khép lại để chúng tôi trở về gác trọ.

Hồi tưởng lại một chuyến hành hương trôi qua quá nhanh nhưng cũng đã tạm đủ để chúng tôi cảm nhận được đôi điều về một đảo quốc Sri Lanka với những trang sử Phật giáo qua bao “phế hưng xô đẩy sóng cồn” mà đến nay vẫn giữ vững được niềm tin vào Chánh pháp trong đại đa số người dân nơi đây.

¹ Thích Như Điển. Pháp Ngữ. Nhà Xuất Bản Văn Nghệ. 2008, p. 9.

Chiêm bái hai bảo vật quốc gia của đất nước Sri Lanka

Thích Huệ Pháp

Chuyến đi tham dự lễ trao giải thưởng tinh thần cao quý của Chính phủ và Hội đồng Tăng già Sri Lanka cho nhị vị Hòa thượng Thích Minh Tâm (Pháp quốc) và Hòa Thượng Thích Như Điển (Đức quốc) đã cho tôi cơ hội được chiêm bái hai thánh tích nổi tiếng của Phật giáo tại đất nước Sri Lanka. Đó là hai bảo vật quốc gia, được chính phủ và người dân nước này lễ bái hằng ngày, là nơi mà hằng năm người Phật tử Sri Lanka hành hương để chiêm bái cúng dường: Đó là Xá-lợi Răng của đức Phật và cây bồ-đề thiêng liêng.

1. Đại Thọ Bồ Đề Linh Thiêng

Đại Vương Thống Sử (Mahavassa) - một bộ sách ghi chép về lịch sử đất nước cũng như Phật giáo Sri Lanka - đã ghi lại nhân duyên và sự tiếp nhận cây bồ-đề thiêng liêng này. Sau khi đức Tôn giả Mahinda và chư vị tỷ-kheo truyền bá giáo lý Phật-đà tại đây, đức vua Devānampiyatissa và hoàng gia nhanh chóng tiếp nhận và trở thành đệ tử tại gia của Ngài. Sau đó, Công nương

Anulā, phu nhân của bào đệ đức vua đã cùng với 500 cung phi đến đánh lễ Tôn giả Mahinda, lắng nghe Tôn giả thuyết giảng về Petavatthu (Ngạ quỷ sự), Vimānavatthu (Thiên cung sự) và Saccasamyutta (Đế tương ứng). Và các nữ nhân này đã chứng Thánh quả thứ nhất (Tu-đà-hoàn) và muốn xuất gia làm tỳ-kheo ni. Tôn giả Mahinda đã gợi ý đức vua Devānampiyatissa nên gửi thư mời Trưởng lão Ni Saṅghamittā, và cũng không quên gợi ý thỉnh cầu vua Ashoka tặng cho đất nước Sri Lanka một nhánh của cây bồ-đề linh thiêng, nơi đức Phật đã thành chánh quả, tức Bồ Đề Đạo Tràng ngày nay.

Hiện tại, cây bồ-đề này đang tọa lạc tại Anuradhapura, phía bắc Sri Lanka, khoảng 250 km từ thủ đô Colombo. Tôi được nghe một vị Tăng ở đây nói, cây bồ-đề này có một đội ngũ bác sĩ riêng chăm sóc hằng ngày. Không giống như cây bồ-đề ở Bồ Đề Đạo Tràng, cây bồ-đề ở đây



Cây bồ-đề thiêng trên tầng cao

cành lá ít hơn, không sum suê bằng. Vị tăng này cũng cho biết, đã lâu lắm rồi không thấy cây lớn lên thêm, cả vài chục năm nay cây vẫn thế. Để bảo vệ bảo vật sống linh thiêng này, người ta đã xây tường xung quanh cây, làm thành hai tầng, luôn có người canh gác để hạn chế người lên và sờ vào thân cây.

Đoàn chúng tôi có phước duyên lớn nên mới được mở cửa cho lên tầng trên để có thể đánh lễ và sờ vào thân cây. Phật tử các nơi chỉ được đứng phía dưới. Họ gửi phẩm vật cho chúng tôi mang lên thay họ cúng dường cây bồ-đề.

Cây bồ-đề này đã sống hơn 23 thế kỷ, tức là tuổi thọ còn hơn cây bồ-đề ở Bồ-đề Đạo Tràng. Vì cây bồ-đề ở Ấn Độ đã nhiều lần chết mất, rồi sau được trồng mới lại, trong khi cây bồ-đề ở Sri Lanka được gìn giữ và sống mãi từ khi được trồng tại đây 23 thế kỷ về trước.

Đất nước Sri Lanka tuy nhỏ, là một nước nghèo trên thế giới nhưng đã làm nhiều điều tốt lành cho Phật giáo năm châu, như là nước gìn giữ và học tập nhiều bộ kinh bằng tiếng Pali và Sanskrit, là nước đề xuất lá cờ Phật giáo, là nước gìn giữ hai bảo vật linh thiêng của Phật giáo thế giới. Và bảo vật linh thiêng thứ hai chính là Xá-lợi Răng của đức Phật.

2. Xá-lợi Răng Phật

Xá-lợi Răng Phật được tôn trí ở thành phố cổ Kandy, một cố đô của Tích Lan. Thành phố không lớn lắm nhưng đông khách du lịch. Đoạn đường từ Colombo đến Kandy

tuy không dài, chỉ khoảng gần 150 km, nhưng do đường quá nhỏ nên phải mất gần 4 tiếng đồng hồ di chuyển. Đường quốc lộ của đảo quốc Sri Lanka khá nhỏ, chỉ có hai làn xe, nên việc di chuyển từ thành phố này đến thành phố khác mất khá nhiều thời gian.

Trên đường đi, Hòa thượng Phương trượng Viên Giác cho biết Xá-lợi Răng Phật được tôn trí ở cố cung của vua Tích Lan ngày xưa. Nơi đây chính là cung điện của các triều đại, sau này khi kinh đô chuyển về Colombo, mới quyết định dùng cung điện nơi đức vua ở để tôn trí Xá-lợi Răng Phật. Hòa thượng cũng cho biết, nếu muốn mở tháp vàng bao bọc bên ngoài Xá-lợi này thì phải có đủ bốn chiếc chìa khóa do bốn người giữ, đó là: Tổng thống, Thủ tướng, đức Tăng thống Sri Lanka và vị trụ trì nơi tôn trí Xá-lợi Răng Phật.

Nơi tôn thờ Xá-lợi Răng Phật hiện nay rất đẹp và tôn nghiêm. Tại đất nước Phật giáo này, bất cứ ai, mỗi khi vào đến sân chùa đều phải bỏ giày dép ở ngoài, và không được đứng quay lưng lại với tháp và tượng Phật. Mỗi ngày ba thời, chư Tăng ở đây tụng kinh cầu nguyện và mở cửa lên bảo tháp chính để lễ lạy.

Người hành hương bình thường không thể vào bên trong nơi thờ bảo tháp được, chỉ ở bên ngoài hướng về phía thờ bảo tháp để lễ bái. Vì là đoàn của bốn vị vừa mới lãnh giải thưởng tinh thần có công truyền bá Phật pháp của chính phủ Sri Lanka nên chúng tôi được chào đón rất nồng hậu, được dẫn đi hết các nơi mà chỉ có lãnh đạo cấp chính phủ hay các phái đoàn ngoại giao mới được phép viếng thăm.



Ngôi đền thờ Xá-lợi Răng Phật

Đúng sáu giờ, thời tụng kinh chiều diễn ra, nhạc công tiến đến trước cửa chính dẫn lên nơi thờ Xá-lợi Răng Phật, bắt đầu trở nhạc cúng dường. Quý chư Tăng Sri Lanka được Phật tử lấy nước rửa chân trước khi bước vào Đại Bảo Tháp. Đoàn chúng tôi được hướng dẫn đi lên phía trên. Quan sát thấy phòng phía dưới toàn phẩm vật quý giá của các đoàn cúng dường. Đi lên cầu thang sẽ đến căn phòng thờ bảo tháp Xá-lợi Răng Phật. Nơi đây được yêu cầu không chụp hình. Căn phòng thờ bảo tháp khá nhỏ, chỉ đủ một người vào lễ lạy. Có hai vị Tăng đứng hai bên hướng dẫn, một vị đưa một nhúm hoa lài để người lễ lạy cúng dường bảo tháp. Bảo tháp bằng vàng tuyệt đẹp, để trong khung kính, cao khoảng

gần 1 mét, Xá-lợi Răng Phật được tôn thờ bên trong đó, ít người thấy được. Nhưng đối với chúng tôi, đó là một đại nhân duyên, một đại phước đức, nếu không đi cùng nhị vị Hòa thượng trưởng lão thì khó mà có thể vào tận bên trong để tận mắt nhìn thấy bảo tháp.

Sau khi lễ lạy, đoàn được hướng dẫn đi ra bên ngoài. Bên ngoài có rất nhiều Phật tử địa phương tập trung lễ lạy từ xa. Đoàn tiếp tục được hướng dẫn đi tham quan một số khu vực. Có một khu vực mà ai cũng thích, đó là lan can nhìn ra phía trước, nơi ngày xưa nhà vua đứng để nói chuyện với công chúng. Ai cũng tranh thủ được làm... vua một lần, đứng nơi đó ghi lại khoảnh khắc ngày xưa.

Hành hương và chiêm bái các thánh tích tại Sri Lanka

Nguyễn Tân

Thật là một đại nhân duyên cho bản thân tôi khi có dịp tháp tùng cùng các phái đoàn đến từ Châu Âu để viếng thăm các thánh tích Phật giáo tại Sri Lanka (Tích Lan), một đất nước Phật giáo mà tôi hằng mong ước được đặt chân tới. Tại Sri Lanka có hai pháp bảo quan trọng được xem là quốc bảo, đó là cây bồ-đề và Xá-lợi răng Phật.

Đất nước Sri Lanka chỉ là một đảo quốc nhỏ nằm khiêm tốn gần bờ biển cực nam của Ấn Độ. Tuy là một quốc gia nhỏ bé, người dân sống chủ yếu nhờ vào nông nghiệp, nhưng điều làm chúng tôi hết sức ngạc nhiên là mọi thứ ở đây đều đắt đỏ, có thể nói giá cả ở đây cao hơn gấp hai lần so với giá cả tại Ấn Độ.

Trong những ngày đầu tại đảo quốc này, chúng tôi cùng quý Phật tử vô cùng vinh dự khi được tham dự buổi lễ trao giải thưởng danh dự cho nhị vị Hòa Thượng cùng với hai Phật tử đến từ nước Áo. Trước khi buổi lễ diễn ra, phái đoàn chúng tôi chuẩn bị lên đường để được tiếp kiến Tổng Thống Sri Lanka. Được Tổng Thống đón tiếp phái đoàn là một trong những vinh dự lớn cho chúng tôi trên đất nước này.

Từ khách sạn đến dinh Tổng Thống chỉ chừng hơn ba mươi cây số, chúng tôi được thông báo lên xe trước một tiếng rưỡi đồng hồ trước giờ tiếp kiến. Nhưng chỉ hơn ba mươi cây số mà xe chúng tôi cứ từ từ chen chúc chạy trên con đường quốc lộ nhỏ hẹp chật cứng xe cộ. Xe cứ chạy mãi, thậm chí còn lạc tới lạc lui, mất hai giờ đồng hồ xe mới đến nơi, để cuối cùng cả đoàn chúng tôi bị trễ giờ. Tổng Thống chờ mãi mà không thấy phái đoàn chúng tôi đến nên không thể gặp ngoài thời gian đã được sắp xếp. Nhìn quanh nhìn quẩn, tôi phát hiện ra không riêng gì phái đoàn chúng tôi đến trễ vì kẹt xe, mà có một nhóm Phật tử đến từ Áo cũng cùng chung số phận. Thôi chắc là chưa có duyên để gặp ông Tổng Thống Sri Lanka này. Thế là đành phải quay xe trở ra để kịp về tham dự buổi lễ nhận giải thưởng danh dự của nhị vị Hòa Thượng.

Buổi lễ diễn ra vô cùng trang trọng với sự tham dự của rất nhiều chư tăng Tích Lan cùng với sự có mặt của ông Thủ Tướng đại diện cho phía chính phủ, ông Chủ tịch đảng đối lập, và ông Vụ trưởng Vụ Phật giáo Sri Lanka. Việc trao giải thưởng danh dự của Chính phủ và Giáo hội Tăng-già nhằm công nhận và tuyên dương những người đã có công đóng góp cho sự truyền bá Phật pháp ở các nước phương Tây, trong đó có Hòa Thượng Viện chủ chùa Khánh Anh và Hòa Thượng Phương trượng chùa Viên Giác, hai vị đã sống và hoằng pháp gần bốn thập niên qua cho cộng đồng người Việt tại hải ngoại nói chung và người dân bản địa nói riêng. Bên cạnh đó, những hình ảnh thật ấn tượng là lần lượt các ông Thủ Tướng, ông Chủ tịch đảng đối lập, và ông Vụ trưởng Vụ Phật giáo đều đến quỳ lạy nhị vị Hòa Thượng trước, rồi sau mới đến bục để phát biểu.

Sau buổi lễ trao giải thưởng danh dự, chúng tôi bắt đầu hành trình viếng thăm và chiêm bái các ngôi chùa cổ và danh tiếng tại đất nước này. Đặc biệt là chúng tôi có cơ duyên đến gần hai bảo vật Xá-lợi răng Phật ở Kandy và cây bồ-đề ở Anuradhapura để đánh lễ. Đó là nhờ có sự liên lạc và sắp xếp của Sư Seelawansa hướng dẫn phái đoàn và nhờ công đức của nhị vị Hòa Thượng.

Để được đến gần bảo tháp thờ Xá-lợi răng Phật là một điều không dễ chút nào, nhưng để tận mắt chiêm ngưỡng Xá-lợi lại càng khó hơn. Vì bảo tháp được khóa bởi bốn chìa khóa chia cho bốn vị cất giữ, đó là Tổng Thống, Thủ Tướng, Đức Tăng Thống và Sư Trụ Trì. Do vậy, chỉ những ngày lễ quan trọng, khi có mặt đầy đủ



Những ngà voi rất lớn trong đền thờ Xá-lợi Răng Phật

bốn vị này và bốn chiếc chìa khóa thì mọi người mới có cơ hội được chiêm bái Xá-lợi răng Phật.

Ở nơi tôn thờ Xá-lợi răng Phật, mỗi ngày có hàng ngàn Phật tử đến lễ bái, dâng hoa và phẩm vật cúng dường, nhưng chỉ được đứng bên ngoài lễ bái. Lòng thành kính đối với bảo vật này của người Phật tử nơi đây đã thật sự làm tôi cảm phục. Thấy họ lễ bái trong niềm hoan hỷ và thành kính làm cho tôi cảm nhận được niềm tin Tam Bảo sâu sắc của người dân nơi đây.

Trước khi đi vào làm lễ, mọi người phải ăn mặc nghiêm trang, phải bỏ giày dép từ xa, và chỉ hướng thẳng về phía tôn tượng và Xá-lợi để lễ lạy mà không được đứng quay lưng vào tượng Phật. Trong những lúc chụp hình,



Điện thờ bên trong đền thờ Xá-lợi Răng Phật

chúng tôi có lúc sơ ý quay lưng vào tượng Phật, những người bảo vệ liền chạy đến nhắc nhở. Những người già, trẻ em, và thanh niên nam nữ tay nâng những đóa sen tươi thắm và phẩm vật dâng lên cúng dường đức Phật. Chỉ toàn là hoa sen và phẩm vật như y và bình bát, chứ không có mùi khói đèn cây và nhang trầm như truyền thống ở các nước Phật giáo Bắc tông. Họ đến đây lễ lạy, dâng hoa và phẩm vật lên cúng dường Xá-lợi răng Phật, nhưng không được tới gần để chiêm ngưỡng Xá-lợi.

Rời Kandy, chúng tôi khởi hành đến Anuradhapura để chiêm bái quốc bảo thứ hai của đất nước Tích Lan. Đây là một bảo vật sống và nguyên vẹn tồn tại qua hơn hai ngàn năm, đang được chăm sóc và bảo vệ một cách cẩn thận.

Cây bồ-đề tại Tích Lan này do Tỳ-kheo ni Sanghamitta, con gái của vua A-dục (304-232 BC) đem từ Ấn Độ sang và được trồng bởi chính vua Devanampiyatissa tại vườn Mahameghavana, nay là Anuradhapura, vào năm 249 trước Tây lịch. Từ đó đến nay, trải qua hơn hai ngàn năm, các triều đại và chư Tăng ở đây luôn bảo vệ và tôn thờ cội cây này như hình ảnh đức Phật đang còn tại thế.

Do vậy, cây bồ-đề tại Anuradhapura được xem là bảo vật quý giá nhất và cổ xưa nhất, đã duy trì mạch sống trong suốt hơn hai ngàn năm qua. Từ khi Tỳ-kheo ni Sanghamitta chiết nhánh từ cây bồ-đề tại nơi đức Phật giác ngộ mang sang Sri Lanka trồng, thì tại Ấn Độ, cây bồ-đề ở Bồ-đề Đạo Tràng đã nhiều lần bị chặt phá và quên lãng, thậm chí đã có lúc mất hẳn. Để khôi phục lại cây bồ-đề năm xưa, người ta lại chiết một nhánh cây bồ-đề ở Tích Lan mang về lại Ấn Độ trồng vào năm 1881.

Cũng giống như nơi tôn thờ Xá-lợi răng Phật, người Phật tử và du khách không được tới gần mà chỉ chiêm bái cây bồ-đề từ xa. Phật tử không được tận tay dâng hoa sen và các phẩm vật trực tiếp tới gốc cây, mà phải nhờ những người bảo vệ mang lên dâng giùm. Và ở đây, một lần nữa, đoàn chúng tôi vinh dự được đến tận gốc cây đánh lễ và tụng một thời kinh. Trong khi phái đoàn chúng tôi đang lần lượt xếp hàng đi lên đánh lễ cây bồ-đề, thì những người Phật tử Sri Lanka chỉ đứng nhìn theo. Có một anh thanh niên, đang bưng mâm hoa sen trên tay, vội vã chạy đến gần chỗ tôi và năn nỉ nhờ tôi dâng hoa sen cúng Phật. Tôi nhận lời ngay và rất hoan hỷ đem dâng hoa sen cúng Phật và cả tấm lòng thành kính của anh ấy.



Cây bồ-đề hơn 2.000 năm tuổi được gìn giữ luôn xanh tươi

Ngày nay, đến thăm và chiêm bái cội bồ-đề tại Anuradhapura, mọi người sẽ không khỏi ngạc nhiên và tự hỏi rằng, đã trải qua gần 2.300 năm mà tại sao cây Bồ Đề vẫn nhỏ và yếu ớt như vậy. Cây bồ-đề trông giống như một nhánh cây hơn là một thân cây. Thân chính không vươn thẳng lên cao mà chỉ nằm hơi chếch ngang và do vậy người ta phải dùng trụ để chống đỡ cho thân cây khỏi ngã. Và để chăm sóc cây, chính phủ đã cử một nhóm bác sĩ thường xuyên theo dõi tình hình sức khỏe của cây. Từ bên ngoài nhìn vào, xung quanh gốc cây bồ-đề được bao bọc bởi những tường rào. Tuy đây là một vùng đất bằng phẳng, nhưng gốc cây lại nằm cao hơn mặt đất gần bốn mét. Do vậy, để đến được gốc cây, chúng tôi phải đi vòng và bước lên các bậc cấp.

Sự sùng kính Tam Bảo của người Phật tử Tích Lan có lẽ được thể hiện rõ nhất so với các nước Phật giáo khác. Tượng Phật được dựng khắp các nơi công cộng, ở ngã tư, hay bên lề đường để người dân lễ bái; cờ Phật giáo được treo trước nhà, quán xá và ngay cả cơ quan làm việc. Tuy nhiên, ở đây không còn hình bóng chư Tăng đi khát thực. Khi hỏi ra mới biết, từ khi thực dân Anh đến đô hộ, họ cấm chư Tăng không được đi khát thực, và cho tới nay truyền thống này vẫn chưa được khôi phục. Có lẽ đây là điều đáng tiếc nhất ở một quốc gia theo truyền thống Nam tông. Do không còn truyền thống ấy, nên Phật tử thường xuyên nấu các món ăn và mang đến các tu viện cúng dường chư Tăng.

Người Phật tử ở đây, bất kể là người giàu sang, kẻ nghèo hèn, và ngay cả các vị như Tổng Thống, Thủ Tướng v.v... khi gặp chư Tăng đều quỳ xuống đánh lễ

một cách tự nhiên. Tuy nhiên, điều làm tôi hết sức ngạc nhiên là khi gặp chư Tăng Bắc tông, họ vẫn quỳ xuống đánh lễ như các sư Nam tông. Thậm chí, có những lúc đang đi trên đường, hay trong lúc xe dừng lại nghỉ dọc đường, bất thành linh cũng có người cúi xuống làm lễ. Nhìn vào sự cung kính mà họ thể hiện, phải nói rằng, sự sùng kính chư Tăng của Phật tử Sri Lanka không phân biệt Bắc tông hay Nam tông, miễn đó là người xuất gia thì họ đều tôn kính đánh lễ.

Việc người Phật tử tôn thờ và cung kính Pháp bảo cũng là điều tự nhiên và đáng để cho chúng ta học hỏi từ đất nước này. Điều này được thấy rõ nhất khi chúng ta đến các nhà sách. Kinh sách Phật học được trưng bày một nơi hoặc một tầng riêng biệt một cách sạch sẽ và trang trọng, và giá bán sách thì cực kỳ thấp so với tại Ấn Độ. Khi đến Trung tâm Văn hóa Phật giáo để tìm mua sách, chúng tôi được chỉ lên lầu một và cứ thế chúng tôi hướng thẳng đi lên lầu. Đến đây thì tôi bị chặn lại, người nhân viên cho biết, phải để giày dép dưới chân cầu thang, và khi nhìn xuống tôi mới thấy tấm bảng ghi “Xin quý vị để giày dép tại đây”.

Người Phật tử Tích Lan luôn luôn tự hào về Pháp bảo Phật giáo, vì họ đang sở hữu một kho tàng kinh sách quý giá và cổ xưa nhất của Phật giáo được viết bằng cổ ngữ Pāli trên lá bối. Tuy đây là một quốc gia theo truyền thống Phật giáo Nam tông, nhưng hầu hết chư Tăng Tích Lan không những giỏi Pāli mà còn giỏi cổ ngữ Sanskrit, và hiểu sâu cả tư tưởng Phật giáo Đại thừa. Ta có thể tìm thấy nhiều sách liên quan tới tư tưởng và triết học Phật giáo Đại thừa do các Sư Tích Lan viết, và họ cũng đang giảng dạy tại các trường Đại học nổi tiếng

trên thế giới. Do vậy, khi đến các nhà sách, chúng ta có thể tìm thấy tất cả các sách của nhiều truyền thống Phật giáo, nhiều bộ từ điển bách khoa Phật học mà bất cứ ai nghiên cứu Phật học đều không thể bỏ qua.

Hôm nay là ngày cuối cùng, chỉ còn quý thầy đến từ Ấn Độ lưu lại và chiều tối nay là ra phi trường về lại New Delhi, trong khi đó tất cả chư Tăng và Phật tử khác đã trở về bốn quốc. Sáng sớm mở cửa phòng khách sạn, tôi chợt thấy Sư Seelawansa đang nói chuyện với nhân viên khách sạn ở dưới phòng tiếp tân. Tôi đi xuống chào Sư và cùng Sư ăn sáng. Sau đó Sư hỏi tôi có muốn cùng Sư đi đến một vài nơi mà Sư phải làm một vài công việc ở đó, vì Sư biết rằng hôm nay tôi chẳng làm gì và chẳng đi đâu. Tôi gật đầu và cũng nghĩ trong đầu rằng, ngày cuối cùng không làm gì, đi công việc cùng Sư, nhân tiện ghé nhà sách của Trung tâm Văn Hóa Phật giáo Sri Lanka tìm mua thêm vài cuốn sách.



Chùa Vàng (Golden Temple)

Khi xe đang chạy trên đường, tôi thấy hôm nay sao đường trống vắng chứ không giống như mọi ngày trước, các cửa tiệm đều đóng cửa, chỉ lưa thưa vài chiếc xe đang chạy trên đường. Tôi bèn hỏi Sư hôm nay là ngày gì mà sao phố phường vắng ngắt vậy. Sư nói hôm nay là ngày rằm nên các công sở, trường học, chợ búa đều phải đóng cửa, vì đây là quy định của chính phủ và cũng là truyền thống được áp dụng rất lâu ở đây rồi. Vào ngày rằm trăng tròn, nếu là Phật tử thì đến chùa tụng kinh, nghe pháp, còn tín đồ các tôn giáo khác thì nghỉ lễ trong ngày này. Hơn nữa, trong ngày rằm chính phủ ra lệnh cấm không cho các hàng quán và nhà hàng bán thịt, và không được phục vụ các loại bia rượu. Thế là dự tính mua thêm vài cuốn sách của tôi không thể thực hiện được, vì hôm nay các nhà sách cũng phải đóng cửa nghỉ.

Tôi và Sư được ông Vụ trưởng Vụ Phật giáo đón tiếp tại nhà riêng đúng theo nghi lễ của người Phật tử đón tiếp chư Tăng khi đến nhà thọ trai. Trên ghế mà tôi và Sư đang ngồi có trải một tấm vải trắng để tránh ngồi trực tiếp lên ghế. Đó là truyền thống và cũng là cách người Phật tử cung kính chư Tăng ở đây. Ông bà đánh lễ chúng tôi trước và sau đó gọi tất cả con cháu ra lần lượt đánh lễ. Sau một hồi nói chuyện thân mật, chúng tôi được cung thỉnh thọ trai. Mới đầu tôi nghĩ ông bà ấy sẽ ăn trưa cùng chúng tôi, vì họ đã sắp đặt rất nhiều thức ăn trên bàn. Nhưng không, ông bà ấy thay phiên nhau tiếp các món ăn vào bát của chúng tôi và chỉ ngồi bên hầu chuyện. Trong lúc đó, ông bà nói về những công việc từ thiện của mình với Sư và có ý đưa chúng tôi đến thăm những cơ sở đó.

Tại những cơ sở này, ông bà đang nuôi và chăm sóc các em gái vị thành niên đang mang thai và trẻ mồ côi. Họ chỉ nhận nuôi và chăm sóc những em gái từ mười hai đến mười tám tuổi đang mang thai do sự lầm lỡ, thiếu hiểu biết, hay bị hiếp dâm. Thấy cơ sở từ thiện này không để bằng hiệu và cũng không thấy người vào viếng thăm. Tôi bèn hỏi, cơ sở từ thiện tổ chức tốt như thế này, việc làm vô cùng có ý nghĩa, tại sao không treo bảng trước cơ sở để các nhà hảo tâm biết mà ủng hộ, và sao không giới thiệu cho phái đoàn của nhị vị Hòa Thượng và Phật tử tới thăm để ủng hộ một chút tịnh tài. Sư Seelawansa nói rằng, vì còn rất nhiều trường hợp các em đang trong thời gian chờ đợi tòa án điều tra xét xử, để giữ an toàn, bảo vệ các em trước những đối tượng đã từng hãm hiếp các em, và hơn nữa, để tránh việc các em phải cảm thấy xấu hổ với mọi người, nên ở đây không cho người lạ vào. Tất nhiên, tôi cũng được biết thêm rằng, có nhiều em đã phải bỏ học nửa chừng, có những em bị gia đình gởi vào đây để tránh tai tiếng với làng xóm. Cuộc sống và tương lai của các em mờ mịt, nên cơ sở tổ chức luôn các lớp dạy nghề để các em sau này có thể tìm việc làm kiếm sống.

Sư và tôi ngồi trên ghế, còn các em thì ngồi dưới nền nhà. Sư giảng một thời pháp ngắn và sau đó là cùng với các em tụng kinh. Trong lúc đó, tôi thật sự mới có cơ hội quan sát và nhìn rõ hơn những bà mẹ trẻ vị thành niên này. Thật sự ngỡ ngàng khi chúng kiến những em còn rất bé, tuổi đời chỉ mới hơn mười hai tuổi mà đã mang thai và chuẩn bị làm mẹ. Hay có những em đang bồng bế con mình trên tay mà tôi cứ ngỡ đang bồng em của chúng. Thật cảm động tấm lòng từ bi và nhân hậu của

ông bà Vụ trưởng Vụ Phật giáo, và Sư Seelawansa cũng đã không ngại dành thời gian và sức khỏe của mình để đến thăm và thuyết pháp cho các em.



Trong hơn mười ngày thăm viếng và chiêm bái các thánh tích Phật giáo tại Tích Lan, thật sự mà nói, để tìm hiểu và cảm nhận được hết những nét đẹp về truyền thống văn hóa và cuộc sống của người dân nơi đây là điều không thể. Tuy nhiên, qua chuyến đi vẫn có rất nhiều điều được cảm nhận. Sẽ có những người cảm động trước hoàn cảnh trẻ em mất tất cả cha mẹ và bà con, phải sống xa nhà sau thảm họa sóng thần; sẽ có những nét đẹp về đất nước, con người, văn hóa và tôn giáo trên đất nước này còn lưu dấu mãi trong tâm khảm những người trong phái đoàn. Bên cạnh đó, cũng sẽ còn nhớ mãi những món ăn nồng mùi gia vị hay béo ngậy ngậy vì nước cốt dừa, hay những chuyến xe di chuyển chậm chạp trên những con đường quốc lộ nhỏ hẹp v.v...

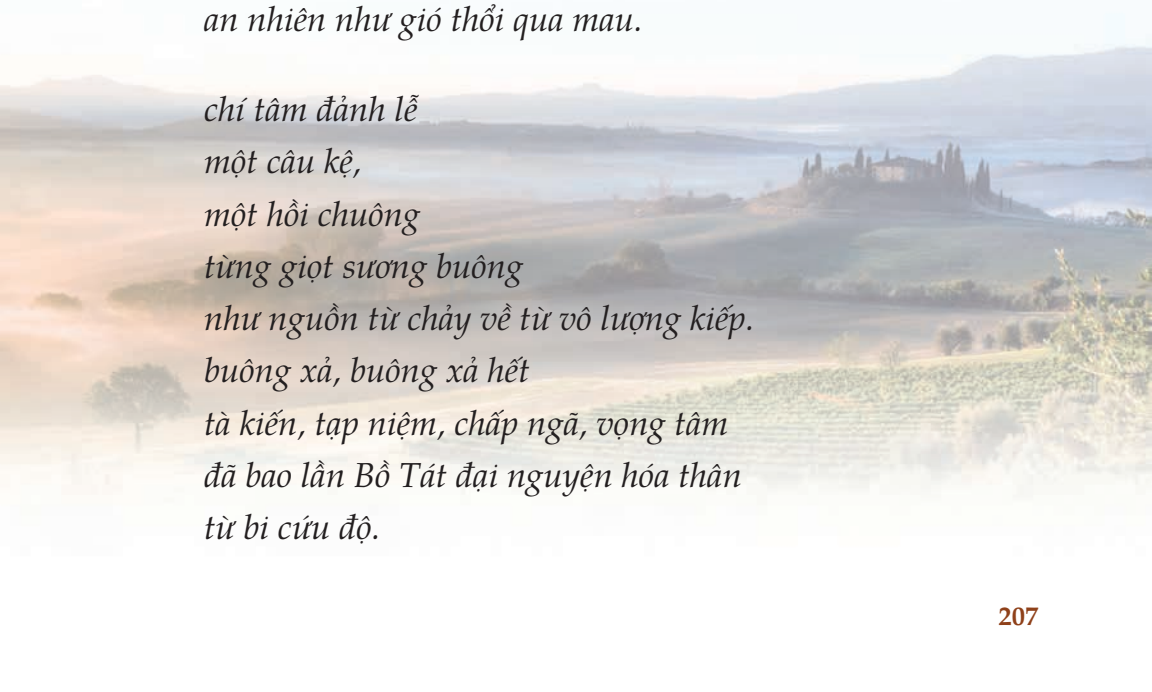
Lại có những hình ảnh tưởng chừng như đơn giản nhưng để lại nhiều kỷ niệm sâu sắc, như hình ảnh Hòa Thượng Phương Trượng chùa Viên Giác thả gàu múc nước trong giếng bên hiên nhà, để nhớ và khơi dậy những kỷ niệm mà đã hơn bốn mươi năm qua Hòa Thượng mới có dịp gặp lại; hay những đĩa rau muống luộc đơn giản mà chan chứa tình quê; rồi nào là những trái mít, những trái dừa tươi, những trái bắp luộc, những quả sầu riêng... cũng để lại những kỷ niệm khó phai và gợi nhớ về những làng quê Việt Nam xa xôi yêu dấu.

New Dehli, tháng 8 năm 2011



thời kinh nguyện bên thành cổ tháp

*một thời kinh nguyện,
một tiếng kinh cầu
niệm câu vô thường niệm
giữa khung trời bao la huyền nhiệm
mây trắng thanh thoi, thanh khí nhiệm màu
an nhiên như gió thổi qua mau.*



*chí tâm đánh lễ
một câu kệ,
một hồi chuông
từng giọt sương buông
như nguồn từ chảy về từ vô lượng kiếp.
buông xả, buông xả hết
tà kiến, tạp niệm, chấp ngã, vọng tâm
đã bao lần Bồ Tát đại nguyện hóa thân
từ bi cứu độ.*

con quỳ đây cầu xin gia hộ
ngơ ngác giữa hư vô
dưới chân phù-đồ,
bên thành cổ tháp trùng trùng cao ngất
ôm vào lòng xá-lợi trầm tích mấy ngàn năm!
bao lợi danh cũng đã chôn vào lòng đất
chỉ còn lời kinh theo gió quyện hương trầm!

bốn cõi hồng trần
thơm hương bát-nhã
trong lời kinh thâm nghiêm cao cả
mong chúng sanh mau thoát nẻo luân hồi.

Tùy Anh

(Trong chuyến hành hương
Sri Lanka,
tháng 7.2011)



Đôi dòng cảm niệm về chuyến hành hương Tích Lan

Phường Quỳnh

Trong thâm tâm tôi vẫn luôn cảm nhận mình là một Phật tử chưa thuần thành, vì đã hơn 25 năm qua trên xứ người, tôi chưa lần nào tham dự các khóa tu học như Thọ bát quan trai, Huân tu tịnh độ, tu gieo duyên và khóa tu học Phật pháp Châu Âu, chứ đừng nói chi đến một lần hành hương xứ Phật.

Nhưng có lẽ nhờ căn lành của nhiều kiếp trước, nên ngày 2 tháng 7 năm nay tôi lại hăng hái ghi danh theo phái đoàn hành hương của Hòa thượng Phương Trượng tổ chức trong dịp nhậm vị Hòa thượng Khánh Anh và Viên Giác được Hội đồng Tăng-già và chính phủ Sri Lanka trao giải thưởng cao quý danh dự.

Có hai điều làm tôi nao nức muốn tham dự. Thứ nhất là tôi muốn chứng kiến tận mắt lễ trao giải thưởng cho nhậm vị Hòa Thượng. Thứ hai là tôi muốn chiêm bái các thắng tích và chùa chiền của Phật giáo tại xứ Tích Lan, nơi mà đạo Phật được truyền bá từ Ấn Độ sang vào thế kỷ 3 trước Tây lịch.

Chiều ngày 2 tháng 7, chuyến bay của hãng Oman rời phi trường Frankfurt để đến phi trường Colombo, thủ đô của Tích Lan vào trưa hôm sau.

Hình ảnh đầu tiên từ sân bay ra cổng phi trường là Hòa thượng và đoàn hành hương được Thầy Bhante Seelawansa và những đại diện của Bộ Ngoại giao ra tiếp đón. Các vị đại diện này đã đến quỳ dưới chân Hòa Thượng Phương Trượng để thi lễ với thái độ thành tâm cung kính.

Xe bus đón phái đoàn về khách sạn ở vùng Negombo nghỉ ngơi. Rồi những ngày sau đó, Thầy Bhante hướng dẫn đoàn đi thăm Đại Bảo tháp và nhiều đền đài, chùa cổ. Những nơi đó đã trải qua hàng ngàn năm biến chuyển, thế mà những hình tượng đá vẫn còn nguyên dấu vết thật cổ kính uy nghi. Chúng tôi thâm ca tụng công sức người xưa và cảm nhận Phật pháp thật nhiệm mầu.



Xe buýt đón phái đoàn về khách sạn

Ngồi trên xe bus, nhìn cảnh vật hai bên đường là những vườn trái cây xanh tươi rậm rạp, nào là mít, xoài, sa-kê, cóc, ổi, đu đủ chín vàng chen lẫn trong vườn dừa cao nghiêng bóng cành lá đu đưa trong tiếng gió biển thổi rì rào, lòng tôi bỗng chùng xuống, chạnh nhớ về quê hương đất mẹ biết bao!

Cách đây 5 năm, tôi có về Việt Nam chịu tang mẹ già. Bây giờ nhìn thấy cảnh vật nơi đây sao giống quê nhà quá, làm cho lòng tôi thêm xao xuyến. Huống gì nhị vị Hòa thượng đã gần 40 năm chưa trở lại quê hương, chắc hẳn hai Thầy còn xót xa hơn tôi gấp mấy mươi lần!

Đến ngày 8 tháng 7, ngày mà chúng tôi mong đợi đã đến. Hôm ấy tất cả các chị em người nào cũng đẹp và sang trọng trong nhung gấm lụa là. Những bộ áo dài thuần túy Việt Nam nhiều màu sắc thướt tha. Có cô bạn đạo người Áo gốc Thổ Nhĩ Kỳ cũng mặc chiếc áo dài của tôi cho mượn. Cô ta thích thú vô cùng, vì ngẫu nhiên mà lại vừa vặn thật đẹp.

Tất cả các Thầy, Sư cô và những nhân viên người Tích Lan trong khách sạn đều trố mắt ngạc nhiên khen ngợi. Họ khen quốc phục của phụ nữ Việt Nam quá đẹp và thật dịu dàng.

Hai chiếc xe bus chở chúng tôi và đoàn Phật tử người Áo đến thủ đô Colombo theo lời mời của Tổng Thống Tích Lan, nhưng thiếu nhân duyên nên xe đến trễ hẹn không tham kiến được vì Tổng Thống đã có hẹn khác. Từ đó chúng tôi đến phòng khánh tiết để dự lễ trao giải thưởng danh dự vào lúc 16 giờ.



Nghi lễ cung nghinh nhị vị Hòa thượng vào phòng khánh tiết

Trong khung cảnh trang nghiêm với rừng cờ Phật Giáo, những bản nhạc oai hùng và trang trọng của đoàn vũ công vây quanh hai chiếc lọng che. Nhị vị Hòa thượng từ từ tiến vào phòng khánh tiết với sự nghinh đón của đức Tăng Thống và các vị Trưởng Lão trong Hội Đồng Tăng-già Tích Lan cùng với Thủ Tướng và phái đoàn Chính phủ cũng như đông đảo Phật tử hiện diện.

Tất cả chúng tôi đều im lặng, nhưng trên nét mặt mọi người đều mang một niềm vui chung, đó là danh dự của nhị vị Hòa thượng cũng như cho tất cả các Phật tử hải ngoại. Hơn 30 năm nhị vị Hòa thượng đã làm được những gì? Và niềm vui hôm nay là sự công nhận kết quả hoằng dương Phật pháp không ngừng nghỉ của hai Thầy ở hải ngoại!

Để mừng hai Thầy nhận được phần thưởng danh dự, hai chị em Phật tử Minh Phụng đã cúng dường một bữa tiệc Pizza tại nhà hàng gần khách sạn chúng tôi ở. Ngoài những lời chúc tụng còn có thêm vài tiết mục ngâm thơ và ca hát.

Sau ngày đại lễ, chúng tôi tiếp tục được Thầy Bhante đưa về thăm làng cũ của Thầy. Nơi đó, chúng tôi được một gia đình Phật tử Tích Lan, đệ tử của Thầy Bhante, tiếp đãi nồng hậu. Ăn uống thoải mái no nê, được thưởng thức trái cây tươi ngon ngọt, uống nước dừa tươi.... Vừa ăn, vừa được hái mang về khách sạn. Tình cảm của Thầy và của Phật tử Tích Lan tràn đầy trong tình thương yêu của người con Phật đã dành cho chúng tôi thật là cảm động vô cùng.

Làng cô nhi cũng có mời chúng tôi đến và thết đãi cơm trưa tại làng. Sau khi các Thầy và chúng tôi dùng



Tại nhà nuôi trẻ Muditha Children's Home

cơm trưa xong thì các cháu gồm hơn 20 em cũng vừa đi học về. Nhìn đám trẻ thơ mồ côi cha mẹ, nét mặt em nào trông cũng hiền lành, hồn nhiên thật dễ thương, làm cho chúng tôi thêm chạnh lòng. Mặc dù Ban Từ Thiện Xã Hội của Sư Bà Diệu Tâm qua Hòa Thượng Minh Tâm đã trao tặng 1.000 Euro, nhưng lòng từ tâm của những người con Phật lại phát sinh, rồi ai nấy đều tự mở ví lấy thêm tiền cho các cháu, cũng được hơn 1.000 Euro nữa. Nhìn các cháu, bất chợt hình ảnh trận sóng thần (tsunami) năm nào lại hiện rõ trong đầu tôi, làm tôi nhớ đến lời dạy của Đức Như Lai: Cuộc sống vô thường, cuộc đời là bọt nước.

Chúng tôi ra về, các cháu đứng nhìn theo trông thật tội nghiệp. Ngoài những ngày học chữ ở trường, các cháu còn đi học giáo lý Phật giáo vào ngày cuối tuần với pháp phục áo quần màu trắng. Môn Phật học được ghi trong giáo trình và tính điểm như các môn học khác của Bộ Giáo Dục xứ này.

Trên đường đến thành phố Kandy thăm quốc bảo Xá-lợi Răng Phật trong lâu đài cổ của mấy ngàn năm trước, xe bus bị trục trặc nhưng cũng đến kịp 6 giờ chiều để đánh lễ. Nhờ uy tín của Thầy Bhante mà cả đoàn chúng tôi được lên tận lầu ba để chiêm bái. Bảo tháp này bằng vàng, tàng trữ Xá-lợi Răng Phật trong đó.

Muốn mở bảo tháp này, mỗi năm một lần, phải cần 4 chìa khóa của bốn vị: Tăng Thống, Tổng Thống, Thủ Tướng và vị Trụ Trì nơi có bảo tháp. Thật là một phước đức lớn cho phái đoàn khi chúng tôi được chiêm bái tận mắt tháp vàng đựng Xá-lợi Răng Phật. Khung cảnh lâu



Phật tử kính viếng đền thờ Xá-lợi Răng Phật

đài thật uy nghi, lộng lẫy, vàng rờng chiếu sáng vô cùng huyền nhiệm. Tôi không thể diễn tả hết bằng lời.

Ở tầng trệt dày đặc những người đến chiêm bái. Họ quỳ cúi đầu sát đất, chú tâm cầu nguyện. Khi đến chiêm bái các hang động, những người không mang theo áo tràng phải mua vé vào cửa (mỗi vé 25 đô-la Mỹ). Có hang động nằm trên một vùng núi cao lớn ở Karutara phía bắc Sri Lanka. Muốn lên tới hang động phải leo vài trăm bậc tam cấp. Buổi trưa nắng gắt, chúng tôi tưởng chừng như không thể nào leo nổi. Vừa leo vừa niệm Phật, cuối cùng cũng lên đến nơi.

Bên trong hang động, người xưa đã đào sâu vào 10 mét. Nhiều tượng Phật toàn bằng đá nguyên khối. Hang

động nào cũng có tượng Phật nhập Niết-bàn. Trên trần đá tạc hoa văn cả ngàn năm trước mà đến nay vẫn còn rõ nét. Vùng này là một trong những vùng Phật tích được Unesco công nhận là di sản văn hóa thế giới.

Đến thăm quốc bảo thứ hai là cây bồ-đề. Đây là cây bồ-đề do công chúa con vua A-dục mang từ Ấn Độ đến. Vì không có áo tràng nên tôi đành đứng phía dưới đành lễ, không được lên tận gốc cây bồ-đề ở tầng cao tưng Kinh Lăng Nghiêm cùng quý Thầy.

Trong thời gian này, có đại lễ Dâng Hoa Cúng Phật kỷ niệm gần 2.300 năm Phật giáo hiện diện ở xứ này. Suốt ba ngày đêm, có khoảng hơn 800 ngàn người đi kinh hành chung quanh cội bồ-đề và Bảo tháp. Họ mặc đồng phục, váy và áo trắng, tay cầm cờ Phật giáo, tay cầm hoa, miệng niệm kinh và đi kinh hành trông thật huyền nhiệm.

Ngồi trên xe bus, ngày nào chúng tôi cũng nói cười vui vẻ hân hoan. Dọc đường thỉnh thoảng có mấy lều nhỏ bán trái cây, bắp luộc bốc hơi nghi ngút. Thầy Phương Trượng biết chúng tôi ưa thích nên bảo tài xế dừng lại và đưa tiền cho thị giả xuống mua trái cây. Quày dừa thì để dưới chân Thầy, còn mấy buồng chuối xiêm thì Thầy Nguyên Tân treo lủng lẳng trên trần xe, nơi Ni Sư Diệu Trăm ngồi. Xe chạy, mấy buồng chuối lắc lư. Từ từ chuối rụng từng trái. Ai ngồi gần đưa tay ra hứng và chia nhau ăn thật là vui nhộn.

Ở Sri Lanka, tiếng Anh là ngoại ngữ chính. Trong đoàn phần đông đã tốt nghiệp Tú Tài, nhưng từ mấy chục năm qua không dùng tới Anh ngữ, nên chữ nghĩa



Chụp hình lưu niệm cùng chư Tôn Đức

đã trả lại cho thầy cô giáo cũ hết rồi. Cũng may có Thầy Phương Trượng giỏi tiếng Anh và bốn vị tăng sinh du học Ấn Độ theo đoàn cũng thông thạo Anh ngữ, nên mỗi ngày chúng tôi muốn thay đổi món ăn gì cho ngày hôm sau đều nhờ quý Thầy thông dịch cho những người phục vụ ở khách sạn. Có chị bạn đạo kể, trong lần hành hương sang Nhật cách đây khá lâu, Thầy Phương Trượng cũng thông dịch tiếng Việt ra tiếng Nhật hay ngược lại. Ngoài ra Thầy còn biết tiếng Tàu, Nga, Pháp và dĩ nhiên là giỏi tiếng Đức.

Chuyến hành hương Tích Lan lần này mang thật nhiều ý nghĩa. Riêng tôi hiểu thêm được cách sống theo tình đời nghĩa đạo. Sau hơn 10 ngày sống gần Thầy, đây

là lần đầu tiên và cũng là lần đặc biệt nhất trong đời tôi. Có lẽ nhờ phúc duyên lần này sẽ chuyển hóa tôi trở thành người Phật tử thuần thành.

Xin cảm ơn anh chị em trong đoàn đã dành cho tôi những tình cảm thân thương như chung một mái nhà.

Xin đánh lễ tạ ơn Thầy và nguyện cầu cho Thầy mãi mãi an lạc, nhiều sức khỏe để Phật tử chúng con còn có dịp theo Thầy tham dự những chuyến hành hương khác hầu lĩnh hội được Giáo pháp của đức Phật và thăng tiến hơn trên con đường tu học.

Tháng 8/2011

Phương Quỳnh

Theo thầy thăm xứ Phật

Hoa Lan

Hôm ấy là một ngày đông giá của cuối năm 2010, trong ngôi chùa Linh Thứu, Thầy vui mừng đưa tờ báo Sri Lanka cho một Phật tử đọc bản tin ngắn viết bằng tiếng Anh. Qua đó tôi được biết là Hội Đồng Tăng-già Tích Lan đã quyết định trao giải thưởng danh dự cho hai vị Trưởng Lão ở Âu châu đã có công hoằng dương Phật pháp từ hơn ba chục năm nay. Bên Pháp có Hòa Thượng Khánh Anh, bên Đức có Hòa Thượng Viên Giác, Sư phụ tôi. Ngay lập tức, tôi ghi tên vào danh sách những người xin theo bước chân Thầy.

Để chuyến đi thêm phần phong phú, tôi phải vận động các bạn đạo trong chùa, cũng như các bạn bè trong nhóm văn bút của báo Viên Giác. Tuy vậy, cũng chỉ rủ được mỗi một Nhật Hưng với điều kiện ngày về phải ngủ lại phi trường Frankfurt chờ sáng mai về sớm với cô nàng.

Trước khi đi anh chủ bút báo Viên Giác đã giao công việc cho mọi người, Nhật Hưng lãnh phần viết bài tường thuật chi tiết về chuyến hành hương. Hòa Thượng cũng yêu cầu từng người trong phái đoàn phải viết cảm tưởng của mình về chuyến đi.

Điểm hẹn của mọi người trong phái đoàn là phi trường Frankfurt. Chỉ khi đến đây tôi mới biết mình sẽ đi chung với những ai trong suốt cuộc hành trình 12 ngày rong ruổi nơi xứ Phật. Hãng máy bay mang một cái tên rất lạ chưa ai nghe đến: Oman Air. Những cô tiếp viên hàng không trong bộ y phục màu xanh với dải lụa phát phơ trên mũ trông thật tuyệt vời.

Sau lần đổi máy bay tại phi trường Muscat, chúng tôi đến Colombo giữa trưa hè nắng gắt. Ra đón phái đoàn có xe buýt cùng các nhân viên Bộ ngoại giao dàn chào hai phía, tuy đơn sơ không kèn không trống nhưng rất nghiêm trang.

Nhân vật quan trọng trong chuyến đi này là Thầy Bhante, người Tích Lan, đang dạy tại đại học Phật giáo ở thành phố Wien, xứ Áo. Thầy là bạn tu của Sư phụ tôi, theo dõi quá trình làm việc của Người từ bao năm, nên với danh hiệu Quốc Sư của xứ Sri Lanka, Thầy đã đề nghị lên Hội đồng Tăng-già Tích Lan trao cho hai vị Trưởng Lão của chúng ta giải thưởng danh dự vinh danh sự nghiệp hoàng pháp.

Suốt cuộc hành hương, Thầy Bhante đã lo chu đáo cho phái đoàn từ miếng ăn cho đến chỗ ngủ, từ khách sạn nhà quê sang đến tỉnh thành. Đặc biệt là vườn trái cây từ chuối, mít, xoài đến cóc, ổi, ô ma... của chùa Thầy. Chúng tôi có cảm giác như được về lại quê hương Việt Nam dấu yêu ngày nào, nhất là Sư phụ tôi bao nhiêu năm lưu lạc xứ người, chưa một lần về thăm.

Trong khi chờ đợi phái đoàn của Hòa Thượng Khánh Anh từ Pháp sang, chúng tôi đi xem những ngôi chùa



Thầy Bhante Seelawansa ra đón phái đoàn tại phi trường

Tích Lan nằm trong hốc núi, với những tượng Phật nằm khắc sâu trong đá. Lúc này phái đoàn chúng tôi đã có thêm 4 Thầy đang làm luận án Tiến sĩ tại Ấn Độ và 4 cao tăng trụ trì các Chùa ở Việt Nam được mời sang dự lễ.

Trên đường đi thăm thắng tích dài vời vợi vì đường chật hẹp và quanh co, chúng tôi tha hồ biểu hiện đầy đủ phẩm chất của những tâm hồn yêu thiên nhiên và cây trái. Xe chạy ngang hàng trái cây nào, chúng tôi cũng xin Thầy Bhante cho dừng xe lại để mua chuối, đu đủ và dứa. Ba món này có giá thật rẻ nếu tính theo đô-la Mỹ, nhưng ở Âu châu rất hiếm hoi và đắt đỏ. Sư phụ tôi thấy phái đoàn hạnh phúc với những trái chuối thơm nên cũng dặn tài xế mua về chất đầy xe.

Qua những ngày sau, khi mọi người đã bão hòa với chuối thì nảy sinh hiện tượng đòi măng cụt với sầu riêng. Đây mới là mấu chốt của cuộc đời ô trược chốn Ta-bà,



*Thầy Bhante và Hòa thượng Phương trượng
thông báo chương trình hành hương tại Tích Lan*

vì chúng tôi đều biết Sư phụ tôi vốn kỵ mùi sầu riêng, nhưng vì thương đàn đệ tử lỡ dại mắc tội tham ăn, Người đã cười gượng cho phép chúng tôi vác sầu riêng lên để trên xe và cử một chuyên viên miệt vườn là thầy Nguyễn Tân ra lựa sầu riêng. Thầy trân trọng cầm từng trái sầu riêng lên gõ gõ, lắc lắc rồi lắc đầu chê dở, nhưng chúng tôi vẫn giành nhau mua cho bằng được, mỗi người một trái cầm tay như của quý không rời. Khi xe thắng gấp, mấy trái sầu riêng lại lăn long lóc đến chân Thầy làm chúng tôi thấy lòng ảo não không nói nên lời.

Về đến nhà Thầy Bhante, chúng tôi khao quân bằng sầu riêng, nhưng thất vọng ê chề vì sầu riêng Tích Lan hạt to, cơm sượng không thể nào nuốt nổi. Tôi đại diện cho phái đoàn để thưa cùng Thầy là chúng con đã bỏ ý định ăn sầu riêng tại Tích Lan. Thầy nở một nụ cười sáng khoái như trút gánh nặng ngàn cân.

Sáng sớm tinh mơ, phái đoàn của Hòa Thượng Khánh Anh bên Pháp đến, nhưng không hùng hậu bằng phái đoàn Đức quốc chúng tôi. Phái đoàn đến lúc này mới thật đầy đủ, mọi người dự định đến thăm một nhà nuôi trẻ mồ côi được thành lập sau trận sóng thần (tsunami) vào năm 2006. Ngôi nhà này được sự yểm trợ của 2 vị Hòa Thượng lúc xây dựng.

Hôm nay ngày 8 tháng 7 năm 2011 mới là ngày trọng đại. Sau bữa ăn sáng, chúng tôi hội họp chờ lệnh trên truyền xuống để thay quốc phục áo dài đi gặp Tổng Thống Tích Lan. Hôm ấy phải trình diễn 2 “show”: sáng gặp Tổng Thống, chiều dự lễ trao giải thưởng. Phụ nữ phải mặc áo dài, ai quá khổ được quyền mặc áo tràng. Thế là các nàng từ 18 đến 80 hôm qua đang là sâu nhộng bỗng biến thành cánh bướm tung bay. Thế nhưng, nhân duyên gặp Tổng Thống Tích Lan không thành vì đường xa cách trở, đến nơi đã trễ gần 1 giờ. Thôi đành để công sức lo cho show chính buổi chiều, nên tất cả mọi người đều vào ngồi trước trong hội trường cho yên bụng.

Buổi chiều, nghi thức buổi lễ diễn ra thật trang trọng, với kèn trống cờ quạt, vui nhộn với những vũ khúc dân tộc xứ Sri Lanka. Ngoài giải thưởng danh dự, hai vị Hòa thượng còn được tặng mỗi người một chiếc quạt tròn bọc nhung thêu chữ vàng thật lộng lẫy. Nghe nói đây là chiếc quạt biểu trưng sự kính trọng dành cho Quốc Sư của Sri Lanka.

Sau buổi lễ, chúng tôi kéo nhau về tiệm Pizza gần khách sạn khao quân. Hai chị em cô Phật tử gốc Đức tháp tùng phái đoàn Pháp phát tâm cúng dường bữa tiệc

mừng này. Dĩ nhiên, phần văn nghệ cúng dường không thể thiếu để bày tỏ sự hân hoan của mọi người sau sự kiện quan trọng này.

Ngày hôm sau phái đoàn mới chính thức đi hành hương đánh lễ Xá-lợi Răng Phật ở Kandy. Chúng tôi phải thu xếp hành trang nhẹ, rồi khách sạn vùng biển lên núi cao vài ngày để thăm 2 quốc bảo của xứ Phật: Xá-lợi Răng Phật và cây bồ-đề. Cây bồ-đề này do công chúa con vua A-dục đem sang tặng xứ Tích Lan. Đến nơi, Sư phụ tôi mới khám phá ra một điều làm người không hài lòng. Đó là phái đoàn của Thầy phần lớn không chịu mang theo áo tràng, chỉ mang áo dài. Lúc ấy tôi nghĩ, mình mặc quần áo trắng trông cũng tươm tất, không biết vì sao Thầy lại không hài lòng, cứ bắt



Hình lưu niệm chuyến đi

phải mặc áo tràng cho nóng nực. Nhưng chỉ một lát sau, bọn chúng tôi những người không nghe lời dặn của Thầy đã phải chịu nhiều thua thiệt. Không có áo tràng, phải đứng phía dưới nhìn lên mọi người tụng kinh trên Đài chắn cây bồ-đề. Không có áo tràng phải trả 25 đô-la Mỹ mới được vào xem di sản văn hóa thế giới được UNESCO công nhận.

Tôi thích tượng Phật nằm khắc trong đá, bên cạnh có tượng thầy A-nan khoanh tay đứng hầu với gương mặt buồn bã.

Biểu tượng của chùa chiền Tích Lan là những tháp tròn lớn, được gọi là phù-đồ (stupa). Phái đoàn chúng tôi được Thầy dẫn đi kinh hành niệm Phật một vòng quanh phù-đồ bằng chân đất, phải mất đến gần nửa giờ mới đi hết một vòng.

Để có được một chuyến hành hương đầy ý nghĩa như trên thật không dễ dàng, cũng không hề nằm trong sự liệu tính của chúng tôi. Thế nhưng, khi có đủ nhân duyên đưa đến thì mọi việc dường như cứ tuần tự diễn ra như mong đợi. Vì thế, để kết thúc bài viết này, tôi xin được trích dẫn một câu nói của Sư phụ tôi về số phận con người, khi nghe thiên hạ cứ mãi than vãn về phần số của mình: “Con người ta không có số phận định sẵn, chỉ đi theo nghiệp lực dẫn dắt mà thôi.”

*Kỷ niệm chuyến hành hương Sri Lanka,
mùa hè năm 2011*

Hoa Lan

Hành hương Tích Lan

Trần Thị Nhật Hưng

Từ Thụy Sĩ xa xôi, một mình lẻ loi như cánh chim lạc đàn, tôi tìm về tổ ấm nhập đoàn cùng thầy, bạn, những người quen và những người chưa quen ở Đức. Một chuyến đi xa, hành hương đến một nước xa lạ chưa hề nghĩ có ngày đặt chân tới, tôi háo hức như đứa trẻ sắp được mặc áo mới.

Chuyến bay cất cánh từ phi trường Frankfurt, Đức quốc lúc 22g40, thuận lợi cho tôi đủ nhân duyên để tham dự chuyến hành hương này.

Chuẩn bị trước cả tháng, từ quần áo, thuốc men, chương trình vé tàu xe... đầu vào đấy. Đúng ngày, tôi khăn gói lên đường. Vì mua vé máy bay tại Đức được cấp vé xe lửa đi và về miễn phí đến phi trường, tôi lo xa đi sớm cả 10 tiếng đồng hồ dù đoạn đường dài chỉ cần 6 tiếng thôi.

Trời mùa hè, nắng rực sáng lung linh như thủy tinh. Mây trắng lững lờ bay giữa bầu trời quang đãng. Ngồi trên tàu, tôi có nhiều thì giờ thả hồn mơ mộng, ngắm những đồng cỏ mượt mà tươi mát cắt tĩa gọn gàng như tấm thảm nhung xanh trải trên nền nhà Thụy Sĩ, cùng những hàng cây ăn trái để thấy nét dịu dàng hiền hòa của một xứ sở thanh bình thịnh trị. Tôi ngắm hồ Bodensee



*Hòa thượng Phương Trượng giới thiệu BBT Báo Viên Giác
với Hòa thượng Khánh Anh và chư Tôn Đức*

nước trong như ngọc thạch, giáp nối biên giới Áo, Đức, Thụy Sĩ; cùng ngắm những rừng thông bạt ngàn hùng vĩ của Đức quốc vươn thật cao thành khu Rừng Đen (Schwarzwald) chạy dọc theo lối đi biểu hiện sự mạnh mẽ của đất nước này.

Đi sớm đến sớm, nhưng tôi không phải đợi lâu, chỉ vài phút sau đã nhập vào với phái đoàn do Hòa thượng Phương Trượng hướng dẫn. Gặp nhau, chấp tay chào mừng, thầy trò ai nấy đều rạng rỡ.

Hãng máy bay Oman của Ả Rập. “Oman” người Đức dịch là “Oh mann”, là “than ôi” hay “trời ơi đất hỡi”, nhưng thật ra không đến nỗi tệ như cái tên của nó. Những cô tiếp viên với làn da nâu mận mà, mắt to đen, xinh đẹp trong cách trang phục thật bắt mắt: quần tây

đen, áo vest màu xanh cổ vạt chạy một đường viền đen ở những cổ tay, gấu áo. Đặc biệt nhất là chiếc mũ cũng màu xanh, cũng chạy một đường viền đen. Nhưng nổi bật và duyên dáng nhất là dải lụa cùng màu áo, treo từ chiếc mũ buông xuống tới bờ vai.

Chuyến bay kéo dài khoảng 12 tiếng đồng hồ thì đến nơi, sau khi vượt qua vùng sa mạc mênh mông của nước Oman. Từ trên cao nhìn xuống, chỉ thấy rải rác vài đám cây khô cằn với những ngôi nhà trắng mái bằng. Trái với Oman, Tích Lan lại xanh tươi với những rừng dừa bao la trải dài, phủ khuất những căn nhà ẩn núp trong những lùm cây.

Ra khỏi phi trường, chúng tôi được tiếp đón bởi bốn nhân viên chính phủ cùng Tiến sĩ Seelawansa, một tu sĩ Tích Lan kiêm Giáo sư đại học ngành tôn giáo tại thủ đô Wien, Áo quốc. Nhìn bốn nhân viên và một số Phật tử Tích Lan tại phi trường cúi mình quì rạp, chân trước chân sau, hai tay chầm nhẹ xuống đất hoặc chầm vào chân thầy Như Điển và vị tu sĩ của họ, rồi lại chầm tay lên đầu, sau đó mới chấp tay đứng dậy, tôi nhận ra sự cung kính tăng sĩ của xứ này.

Cũng như Thái Lan và Miến Điện, Tích Lan lấy Phật giáo làm quốc giáo. Trong Kinh, Luật, Luận thì Thái Lan chú trọng Kinh và tượng Phật; Miến Điện chú trọng Luật và tháp thờ Xá-lợi Phật; còn Tích Lan chú trọng Luận và cây bồ-đề. Tuy nhiên, Tích Lan có hai quốc bảo. Đó là Xá-lợi Răng Phật và cây bồ-đề do công chúa Sanghamitta, con gái vua A-dục mang từ Ấn Độ sang dâng tặng vua Tích Lan từ 2.300 năm trước.

Phật giáo đến Tích Lan từ khoảng thế kỷ 3 trước Tây lịch. Tuy Phật giáo là quốc giáo tồn tại ở Tích Lan từ hơn 2.300 năm, nhưng vẫn chịu luật vô thường biến đổi không ngừng trải qua nhiều giai đoạn thăng trầm cho đến ngày nay.

Tích Lan rất nghèo, mặc dù đất đai phì nhiêu. Phong cảnh khắp nơi xanh tươi, rất nhiều dừa và những cây cao, cây đại thụ từ thôn quê ra tới thành phố. Nhờ thế, không khí trong lành, thêm sự sạch sẽ của đường phố làm giảm đi cái nóng gay gắt của xứ sở này. Tích Lan giống như một cô gái nông thôn mộc mạc hiền hòa, không có cái rộn ràng xô bồ hào nhoáng của một đất nước kỹ nghệ. Họ sống với thiên nhiên, với biển và cỏ cây.

Phái đoàn lên xe bus về một khách sạn ven biển. Dọc đường đi, có rất nhiều tượng Phật lớn nhỏ khác nhau được thiết trí rất trang nghiêm ở những ngã ba, ngã tư đường. Nhiều nhà treo cờ Phật giáo mặc dù không phải ngày lễ.

Khách sạn chúng tôi ở tọa lạc ngay bãi biển, vùng phụ cận của thủ đô Colombo. Khách sạn ba tầng lầu, các phòng đều mở ra nhìn xuống một hồ tắm nhân tạo và nhìn thẳng ra biển. Đêm ngày nghe tiếng sóng vỗ rì rào, hàng dừa xào xạc, gió lồng lộng thổi và rộn tiếng quạ kêu.

Suốt thời gian 12 ngày, chúng tôi được thăm thú những thắng tích của Tích Lan. Hầu hết là những tượng Phật lớn, có tượng cao đến 30 mét; những tháp lớn, có tháp xây dựng từ 1.500 năm về trước, và những cánh cửa gỗ đã hơn 1.000 năm tuổi; những hang động hùng vĩ đã có từ 2.000 năm, bên trong tạc hàng trăm tượng Phật lớn,



Các tượng Phật trong hang động đục sâu vào núi đá

nhỏ; có những hang nằm trên núi cao. Và có hang động tạc tượng lên đá, những phù-đồ (tháp rất cao) thờ xá-lợi Phật xây dựng từ những viên gạch xếp lớp rất công phu, được UNESCO công nhận là di sản văn hóa thế giới.

Ở xứ này, khắp nơi từ thôn quê cho tới thị thành, từ hang động cho đến núi cao, đâu đâu cũng đều thấy rất nhiều hình tượng Phật: Phật lớn, Phật nhỏ, Phật ngồi, Phật đứng, Phật nằm, Phật đang ngủ và Phật nhập Niết-bàn. Chúng tôi đến thăm ngôi chùa Kelaniya, nơi có chiếc chuông lớn được mệnh danh là chuông Hòa bình. Chuông này do một vị trụ trì bên Đại Hàn, tiến sĩ Byun, gửi tặng Tích Lan vào năm 1982 và đưa về chùa năm 1984.



Hình lưu niệm trước chuông Hòa Bình

Thầy Bhante Seelawansa có đưa chúng tôi về thăm chùa, thăm gia đình Thầy, ăn cơm do gia đình Thầy thiết đãi. Có nhiều món ăn lạ, nặng mùi cà-ri nên hơi khó ăn, nhưng vườn cây nhà Thầy thì nào chuối, nào mít, nào dứa, nào ô ma... Trái ô ma đã hơn 30 năm tôi mới nhìn thấy lại, ăn rất bùi, ngon và gợi nhớ quê hương Việt Nam. Được Thầy Seelawansa cho phép, chúng tôi tha hồ, thích trái nào thì cứ tự nhiên thưởng thức. Những trái mít ươm, mít ráo, dù cao, dù lớn, dù nặng, dù sống, chín... bất kể, chúng tôi cũng cố trèo và hái cho bằng được, vừa ăn tại chỗ vừa hái mang về. Chín thì ăn ngay, sống thì đem kho. Cũng nên kể thêm, người chủ khách sạn chúng tôi ở là một Phật tử Tích Lan từng sống ở Đức, đệ tử của thầy Bhante, nên đối xử với chúng tôi rất thân tình, thoải mái và dễ dãi như người nhà.

Người Tích Lan có những thói quen quy ước ngược đời, chẳng hạn như lái xe bên trái thay vì bên phải, hoặc khi họ đồng ý, chấp thuận một điều gì thì thay vì gật đầu, họ lại lắc đầu. Có đôi lần vì thế mà chúng tôi hiểu sai ý họ. Như khi chúng tôi xin phép thầy Bhante hái trái cây trong vườn, thầy lắc đầu, khiến chúng tôi tiu nghỉu buồn; cho đến lúc thầy đưa hai tay ra dấu xin mời, xin mời... chúng tôi mới chợt nhớ ra và biết là thầy đồng ý. Lại có lần nhờ anh tài xế vác hộ hai trái mít to vào nhà, thầy Phương Trượng đã tặng anh 10 đô-la Mỹ, anh nhận tiền nhưng lắc đầu lia lịa, làm chị bạn tôi bực mình trách móc: “Thầy trả công hậu hỉ như vậy sao anh còn từ chối?” Tôi cười nhắc nhở: “Anh ấy lắc đầu nghĩa là chấp thuận đó!” Chị bạn mới nhớ ra, bật cười khi thấy anh tài xế khệ nệ bưng hai trái mít vào cho chúng tôi.

Thầy Bhante còn đưa chúng tôi thăm một trung tâm từ thiện, nơi nuôi dưỡng những trẻ mồ côi nạn nhân của trận sóng thần năm 2006. Trung tâm rất sạch sẽ, ngăn nắp gọn gàng, nằm trong một khu vườn rộng ở ngoại ô thành phố, được thành lập từ năm 2007 do thầy Bhante chủ xướng. Trung tâm này đa số được tài trợ từ Áo, do những đệ tử học đạo với thầy, cũng có sự trợ giúp của chính phủ Tích Lan. Giáo hội Âu Châu qua thầy Như Điển và thầy Minh Tâm cũng đóng góp 17 ngàn Euro trong việc xây dựng trung tâm này. Hiện có 22 em trai đang sinh sống, trong khi trung tâm có khả năng nhận tối đa 40 em. Trong tương lai, thầy Bhante sẽ mở thêm lớp huấn luyện computer cho các em. Chúng tôi đến thăm được mời ở lại dùng cơm. Mãi đến 14 giờ các em mới đi học về. Các em đã hát và múa cho chúng tôi thưởng thức.

Nhưng, thắng tích quan trọng nhất chúng tôi đã được xem là hai quốc bảo mà du khách đến Tích Lan không thể bỏ qua. Đó là Xá-lợi Răng Phật và cây bồ-đề thiêng liêng.

Chúng tôi tạm rời khách sạn, “dọn nhà” đến thành phố Kandy, nơi có cung điện thờ Xá-lợi Răng Phật. Kandy là một thành phố cổ của Tích Lan. Phố xá sầm uất, nhộn nhịp người qua kẻ lại. Suốt tuần qua ở quê, đóng vai anh, chị “Hai Lúa”, giờ có dịp ra phố, nhất là lại được chiêm bái cung điện vua chúa và Xá-lợi Răng Phật, lòng ai nấy đều vui như mở hội.

Cung điện thờ răng Phật nằm ngay trung tâm phố, đối diện và không xa lắm với khách sạn Queen nơi chúng

tôi ở. Nhìn cung điện nguy nga dưới bóng tà dương, cung điện của các triều đại cách nay đã 450 năm, không thấy quân sĩ, vua chúa đâu nữa, tôi lại chạnh lòng nghĩ đến lễ vô thường và ngậm ngùi nhớ hai câu thơ của bà Huyện Thanh Quan:

*Lối xưa xe ngựa hồn thu thảo,
Nền cũ lâu đài bóng tịch dương.*

Nhờ tháp tùng theo thầy Bhante và nhị vị Hòa thượng vừa được trao giải thưởng, chúng tôi hưởng ké phúc lộc của quý thầy mới được phép vào tận trong cung điện, đi loanh quanh khắp nơi để tưởng như mình là nhân vật của hoàng gia, và được phép chiêm bái tháp thờ Xá-lợi Răng Phật dù chưa thể tận mắt nhìn thấy Răng, vì theo luật Tích Lan, Xá-lợi Răng Phật hằng năm chỉ được chiêm bái lễ lạy một lần do bốn vị là Tổng thống, Thủ tướng, Tăng thống và vị Trụ trì giữ bốn chìa khóa, mới được phép mở tháp vàng bao bọc Xá-lợi Răng.

Vì Phật giáo là quốc giáo nên việc thờ tự rất tôn nghiêm, cung kính. Người chiêm bái vào đây không được mang giày dép, không được đi hay đứng quay lưng về phía tượng Phật. Những ai quên mang áo tràng không được phép vào lễ lạy, hoặc có nơi phải tốn tiền mua vé vào cửa.

Trước khi vào cung điện chính, nơi có bảo tháp thờ Xá-lợi Răng Phật, còn có nhạc công nhảy múa vũ điệu dân tộc Tích Lan để cúng dường cùng chào đón chúng tôi.

Qua hôm sau, chúng tôi lại “dọn nhà” đến một nơi khác, nơi có cây bồ-đề do công chúa Shanghamita, con gái vua A-dục, trao tặng vua Tích Lan.



Cùng chư Tôn Đức viếng thăm Đền thờ Xá-lợi Răng Phật

Có ba cây bồ-đề cổ thụ hết sức cao lớn, cành lá sum xuê, không rõ cây nào là cây chính, nằm trên một điện đài có rào cản, có lính canh nghiêm ngặt. Phải là tu sĩ hay có áo tràng mới được phép lên đó lễ lạy, còn không chỉ được đứng bên dưới ngưỡng vọng lên thôi. Xung quanh khuôn viên gần đó còn có một tháp lớn với rất nhiều cây bồ-đề lớn nhỏ, hằng năm qui tụ hàng triệu người đến làm lễ dâng hoa ở khu vực này, dưới những cây bồ-đề.

Cuộc hành hương Tích Lan của chúng tôi, ngoài thăm viếng thắng tích, trọng điểm chính là tham dự lễ trao giải thưởng của Hội Đồng Tăng-già Tích Lan vinh danh Hòa thượng Minh Tâm và Hòa thượng Như Điển.

Riêng với cá nhân tôi thì sự nghiệp hoàng pháp của hai vị Hòa thượng cũng đã có thể nhận biết rõ ràng. Bản thân tôi tìm đến với đạo pháp, hiểu phần nào giáo lý của

Đức Phật để được lợi lạc, chính là nhờ nhân duyên tạo ra bởi hai vị Hòa thượng. Với thầy Như Điển là qua nhân duyên văn chương, qua tờ báo Viên Giác. Tờ báo sống mạnh mấy chục năm nay cho đến bây giờ không phải chuyện ngẫu nhiên, mà do sự đóng góp tích cực trong tinh thần đoàn kết, nhất là sự tận tụy hết lòng của anh Chủ bút Phù Vân cùng Ban Biên Tập và sự ủng hộ chân thành của độc giả. Nhưng Chủ Nhiệm sáng lập tờ báo, tạo chất keo để nối kết mọi người đến với nhau chính là thầy Như Điển.

Riêng với thầy Minh Tâm, tôi được biết qua các khóa học Âu Châu hằng năm mà chính thầy là người khai sáng, cho đến nay đã 23 năm rồi, càng lúc càng phát triển. Từ lần đầu tiên chỉ có 21 người trong phạm vi quốc gia và nay lên đến cả ngàn người mở rộng khắp Âu Châu, cùng với sự tham dự của Phật tử từ nhiều nước khác trên thế giới. Qua đó, tôi nhìn thấy thành quả của hai vị đã phát huy Chánh pháp, đem lợi lạc đến bao người. Nhờ đó rất nhiều người Việt ở Âu Châu biết đến Giáo Pháp của Đấng Từ Phụ, thuộc và hiểu kinh điển Phật Giáo.

Không chỉ Phật tử Việt Nam ngày nay với thông tin rộng rãi được biết đến quý thầy, mà chính Hội Đồng Tăng-già Tích Lan, từ một xứ xa xôi, sau khi duyệt xét vào năm 2010 cũng thấy được những thành quả liên tục hoằng pháp lợi sanh của hai vị Hòa thượng, nên mới có giải thưởng vinh danh hai vị hôm nay.

Ngày phát giải rất long trọng, có sự hiện diện của Thủ tướng, Phó Thủ tướng và Hội trưởng Hội Phật giáo

Tích Lan. Ba vị đều mặc bộ vest trắng kín cổ. Đường như quần áo trắng của người Tích Lan là pháp phục, cũng như áo tràng của Việt Nam, để dự các lễ của Phật giáo, nên trong hội trường đa số người Tích Lan đều mặc đồ trắng, chỉ trừ nhóm người ngoại quốc và phụ nữ Việt chúng tôi là quốc phục áo dài, mỗi người một vẻ, trăm hoa đua nở.

Buổi lễ còn có sự hiện diện của vị Tăng thống, các thành viên Hội Đồng trưởng lão Tăng-già Tích Lan và nhiều quan khách. Có tới 200 Phật tử và tu sĩ trong phòng khánh tiết. Riêng phái đoàn chúng tôi cả thầy là 40 người đến từ nhiều quốc gia. Đặc biệt có 4 vị sư trẻ Việt Nam du học Ấn Độ đang trình luận án tiến sĩ, bốn vị này nằm trong số 150 vị kể từ năm 1994 cho đến nay



Thủ tướng, Phó Thủ tướng và Hội trưởng Hội Phật giáo Tích Lan đang châm nến cúng Phật trong buổi lễ

được Hòa thượng Như Điển tài trợ học bổng. Đến nay có 100 vị đã ra trường.

Buổi lễ trao giải bắt đầu lúc 16 giờ bằng những tiếng kèn, trống và vũ công chào mừng qua những vũ điệu dân tộc. Khi Thủ tướng, Phó Thủ tướng và Hội trưởng Hội Phật giáo Tích Lan bước vào, chỉ có đồng bào Phật tử đứng dậy; riêng các tăng sĩ vẫn ngồi yên. Điều đó chứng tỏ ở xứ Tích Lan, tăng sĩ có một địa vị cao quý bậc nhất, luôn được mọi tầng lớp từ chính quyền đến nhân dân kính trọng.

Buổi phát giải không chỉ dành riêng cho nhị vị Hòa thượng Việt Nam mà còn cho hai vị cư sĩ người Áo đã có công đóng góp trong việc truyền bá đạo Phật cho người bản xứ. Đó là ông Gerhard Weissgrab, tiến sĩ Khoa học, Giám đốc Trung tâm nghiên cứu Phật giáo tại Áo và ông Wolfgang Alkier, tiến sĩ Luật, Phó giám đốc và là thành viên Dân biểu Quốc hội Áo. Hai vị đã góp phần để Phật giáo được chính quyền sở tại công nhận như một tôn giáo cùng với các tôn giáo khác. Và theo quan niệm của hai ông, đạo Phật giúp chữa trị nỗi đau khổ của thế gian.

Cùng đi với chúng tôi, đặc biệt có một cô người Thổ Nhĩ Kỳ. Cô hiện sinh sống và học tại Áo, và là đệ tử học Phật với ngài Bhante. Suốt cuộc hành hương, cô hay theo đoàn Việt Nam, ăn uống và lễ lạy y như chúng tôi vậy. Cô rất dễ thương và rất hòa đồng. Có một lần, thấy một vị người Áo trong đoàn nổi sân, cô nhẹ nhàng nói với chúng tôi: “Đã học Phật sao lại còn giận nhỉ!”

Buổi lễ kết thúc sau hai tiếng đồng hồ, sau khi từng chính khách đọc diễn văn, phát giải và 16 em học sinh

Tích Lan pháp phục màu trắng lên hát một bài đồng ca để cúng dường. Riêng nhị vị Hòa thượng, ngoài việc nhận bằng danh dự như hai vị cư sĩ Áo quốc, còn đặc biệt được trao tặng hai chiếc quạt có giá trị biểu trưng sự tôn kính như đối với ngôi vị quốc sư.

Cuộc hành hương Tích Lan của chúng tôi đã kết thúc. Mỗi người đã trở về với cuộc sống thường nhật trước đây. Tuy nhiên, những hình ảnh tôn nghiêm nơi Thánh tích, sự tôn kính của người Phật tử Tích Lan dành cho chư Tăng cũng như tấm lòng hiếu khách và sự chơn chất hồn hậu của những người dân Tích Lan mà chúng tôi đã gặp, tất cả sẽ là những kỷ niệm khó quên sau một chuyến hành hương về vùng đất Phật.

Đôi nét về Hòa thượng Thích Như Điển



- ❖ Thế danh: Lê Cường. Pháp tự: Giải Minh. Pháp hiệu: Trí Tâm
- ❖ Sanh: 28.06.1949 tại Xuyên Mỹ, Duy Xuyên, Quảng Nam.
- ❖ Học lực: Cử nhân giáo dục và Cao học Phật giáo tại Nhật Bản.
- ❖ Xuất gia năm 1964 tại Tổ Đình Phước Lâm, Hội An.
- ❖ Năm 1971: Thọ Tỳ Kheo giới tại giới đàn Tu Viện Quảng Đức, Thủ Đức.
- ❖ Năm 1972: Du học Nhật Bản.

- ❖ Năm 1977: Đến Đức vào với Visa du lịch; nhưng sau đó xin tỵ nạn tại Đức và ở Đức từ đó cho đến nay.
- ❖ Tháng 4 năm 1978 thành lập Niệm Phật Đường Viên Giác và sau đó trở thành Chùa Viên Giác tại Hannover.
- ❖ Từ năm 1978, 1979: Sáng lập Chi Bộ Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Đức Quốc, thành lập Hội Sinh Viên và Kiều Bào Phật Tử Việt Nam tại Đức.
- ❖ Năm 1988 được tấn phong lên hàng Giáo phẩm Thượng Tọa tại giới đàn Đại Nguyên chùa Pháp Hoa Marseille, Pháp quốc.
- ❖ Ngày 28.6.2008 được tấn phong lên hàng Giáo phẩm Hòa Thượng tại Đại Giới Đàn Pháp Chuyên tại chùa Viên Giác Hannover, Đức Quốc.
- ❖ Ngày 8 tháng 7 năm 2011 tại Colombo thủ đô nước Tích Lan, Hội Đồng Tăng Già Tích Lan đã trao giải thưởng cao quý cho HT Thích Như Điển và HT Thích Minh Tâm.
- ❖ Đệ Nhị Chủ Tịch Hội Đồng Điều Hành GHPGVNTN Âu Châu nhiệm kỳ 2019-2023.
- ❖ Phó Chủ Tịch Hội Đồng Tăng Già Thế Giới (World Buddhist Sangha Council - WBSC).
- ❖ Sáng tác gần 70 tác phẩm và dịch phẩm từ các tiếng Việt, Anh, Hán, Nhật và Đức ngữ.

(Cập nhật: 09/2019)

TÁC PHẨM ĐÃ XUẤT BẢN

1. *Truyện cổ Việt Nam (Tập 1 & Tập 2)* - Nhật ngữ - 1974, 1975
2. *Giọt mưa đầu hạ* - Việt ngữ - 1979
3. *Ngõ ngang* - Việt ngữ - 1980
4. *Lịch sử Phật Giáo Việt Nam Hải Ngoại trước và sau năm 1975* - Việt & Đức ngữ - 1982
5. *Cuộc đời người Tăng sĩ* - Việt & Đức ngữ - 1983
6. *Lễ nhạc Phật Giáo* - Việt & Đức ngữ - 1984
7. *Tình đời nghĩa đạo* - Việt ngữ - 1985
8. *Tìm hiểu giáo lý Phật Giáo* - Việt & Đức ngữ - 1985
9. *Đời sống tinh thần của Phật Tử Việt Nam tại ngoại quốc* - Việt & Đức ngữ - 1986
10. *Đường không biên giới* - Việt & Đức ngữ - 1987 (tái bản 2020)
11. *Hình ảnh 10 năm sinh hoạt Phật Giáo Việt Nam tại Tây Đức* - Việt & Đức ngữ - 1988
12. *Lòng từ Đức Phật* - Việt ngữ - 1989
13. *Nghiên cứu Giáo Đoàn Phật Giáo thời nguyên thủy I, II, III* - dịch từ Nhật ngữ ra Việt & Đức ngữ - 1990, 1991, 1992
14. *Tường thuật về Đại hội Tăng già Phật Giáo thế giới kỳ 5 khóa I tại Hannover, Đức Quốc* - Việt, Anh, Đức ngữ - 1993
15. *Giữa chốn cung vàng* - Việt ngữ - 1994 (tái bản 2020)
16. *Chùa Viên Giác* - Việt ngữ - 1994
17. *Chùa Viên Giác* - Đức ngữ - 1995 (tái bản 2019)

18. *Vụ án một người tu* - Việt ngữ - 1995 (tái bản 2020)
19. *Chùa Quan Âm (Canada)* - Việt ngữ - 1996
20. *Phật Giáo và con người* - Việt & Đức ngữ - 1996 (tái bản 2020)
21. *Khóa giáo lý Âu Châu kỳ 9* - Việt & Đức ngữ - 1997
22. *Theo dấu chân xưa (Hành hương Trung quốc I)* - Việt ngữ - 1998
23. *Sống và chết theo quan niệm của Phật Giáo* - Việt & Đức ngữ - 1998 (tái bản 2019)
24. *Tiếp kiến Đức Đạt Lai Lạt Ma* - Việt & Đức ngữ - 1999 (tái bản 2019)
25. *Vọng cố nhân lâu (Hành hương Trung Quốc II)* - Việt ngữ - 1999
26. *Có và Không* - Việt & Đức ngữ - 2000 (tái bản 2020)
27. *Kinh Đại Bi* (dịch từ Hán văn ra Việt văn) - Việt & Đức ngữ - 2001
28. *Phật thuyết Bồ Tát Hành Phương Tiện Cảnh Giới Thần Thông Biến Hóa Kinh* - dịch từ Hán văn ra Việt ngữ - 2001
29. *Bhutan có gì lạ?* - Việt ngữ - 2001 (tái bản 2020)
30. *Kinh Đại Phương Quảng Tổng Trì* - dịch từ Hán văn ra Việt ngữ - 2002
31. *Cảm tạ xứ Đức* - Việt & Đức ngữ - 2002 (tái bản 2019)
32. *Thư tòa soạn báo Viên Giác trong 25 năm (1979 - 2003, 2004)* - Việt ngữ - 2003
33. *Bốn Sự kinh* - Dịch từ Hán văn sang Việt ngữ - 2003
34. *Những đoản văn viết trong 25 năm qua* - Việt & Đức ngữ - 2003

35. *Phát Bồ Đề Tâm kinh luận* - Dịch từ Hán văn sang Việt ngữ - 2004
36. *Đại Đường Tây Vực Ký* - Dịch từ Hán văn sang Việt ngữ - 2004
37. *Làm thế nào để trở thành một người tốt* - Việt ngữ - 2004
38. *Dưới cội bồ đề* - Việt ngữ - 2005
39. *Đại Thừa Tập Bồ Tát Học Luận* - Dịch từ Hán văn sang Việt ngữ - 2005
40. *Bồ Đề Tư Lương luận* - Dịch từ Hán văn sang Việt ngữ - 2005
41. *Phật nói luận A Tỳ Đàm về việc thành lập thế giới* - Dịch từ Hán văn sang Việt ngữ - 2006
42. *Giai nhân và Hòa Thượng* - Việt ngữ - 2006
43. *Thiền Lâm Tế Nhật Bản* - Dịch từ Nhật ngữ sang Việt ngữ - 2006
44. *Luận về con đường giải thoát* - Dịch từ Hán văn sang Việt ngữ - 2006
45. *Luận về bốn chân lý* - Dịch từ Hán văn sang Việt ngữ - 2007
46. *Tịnh Độ tông Nhật Bản* - Dịch từ Nhật ngữ sang Việt ngữ - 2007
47. *Tào Động tông Nhật Bản* - Dịch từ Nhật ngữ sang Việt ngữ - 2008
48. *Phật Giáo và khoa học* - Việt ngữ - 2008
49. *Pháp ngữ* - Việt ngữ - 2008
50. *Những mẫu chuyện linh ứng của Đức Địa Tạng Vương Bồ Tát* - Dịch từ Nhật ngữ sang Việt ngữ - 2009

51. *Nhật Liên tông Nhật Bản* - Dịch từ Nhật ngữ sang Việt ngữ - 2009
52. *Chân Ngôn tông Nhật Bản* - Dịch từ Nhật ngữ sang Việt ngữ - 2010
53. *Chết an lạc, tái sanh hoan hỷ* - Dịch chung với T.T. Nguyên Tạng từ Anh ngữ sang Việt Ngữ - 2011
54. *Chuyện tình của Liên Hoa Hòa Thượng* - Việt Ngữ - 2011
55. *Tư tưởng Tịnh Độ Tông* - Việt ngữ - 2012
56. *Những bản kinh căn bản của Tịnh Độ Tông Nhật Bản* - Dịch từ Đức ngữ sang Việt ngữ - 2012
57. *Dưới bóng đa chùa Viên Giác* - Việt ngữ, viết chung với Trần Trung Đạo - 2012 (tái bản 2019)
58. *Diệu Pháp Liên Hoa kinh Văn cú* - Dịch từ chữ Hán sang tiếng Việt - 2013
59. *Hương Lúa Chùa Quê (Hoài Niệm Tuổi Thơ)* - Việt ngữ viết chung với H.T. Thích Bảo Lạc - 2013
60. *Hiện tượng của tử sinh* - Việt ngữ - 2014
61. *Nhật Bản trong lòng tôi* - Việt ngữ - 2015
62. *Nước Úc trong tâm tôi* - Việt ngữ - 2016
63. *Nước Mỹ bao lần đi và đến* - Việt ngữ - 2017
64. *Thiền quán về Sống và Chết* - Dịch từ Anh ngữ sang Việt ngữ với TT. Thích Nguyên Tạng - 2017
65. *Mối tơ vương của Huyền Trân Công Chúa* - Việt ngữ - 2018
65. *Vua là Phật, Phật là Vua* - Việt ngữ - 2020
66. *Phật Giáo Việt Nam tại Âu Châu* - Việt ngữ - 2020

CÁC TÁC PHẨM TÁI BẢN GẦN ĐÂY

(Các sách này có thể mua qua trang Amazon)

1. *Tư tưởng Tịnh Độ Tông* - Việt ngữ - 2019
2. *Dưới bóng đa chùa Viên Giác* - Việt ngữ, viết chung với Trần Trung Đạo - 2019
3. *Hương Lúa Chùa Quê (Hoài Niệm Tuổi Thơ)* - Việt ngữ viết chung với H.T. Thích Bảo Lạc - 2019
4. *Mối tơ vương của Huyền Trân Công Chúa* - Việt ngữ - 2019
5. *Chùa Viên Giác* - Đức ngữ - 2019
6. *Cảm tạ xứ Đức* - Việt & Đức ngữ - 2019
8. *Tiếp kiến Đức Đạt Lai Lạt Ma* - Việt & Đức ngữ - 2019
7. *Đường không biên giới* - Việt & Đức ngữ - 2020
9. *Phật Giáo và con người* - Việt & Đức ngữ - 2020
10. *Sống và chết theo quan niệm của Phật Giáo* - Việt & Đức ngữ - 2020
11. *Có và Không* - Việt & Đức ngữ - 2000
12. *Mây oan của thiên (Vụ án một người tu)* - Việt ngữ - 2020
13. *Bhutan có gì lạ?* - Việt ngữ - 2020
14. *Tích Lan - Đạo Tình Muôn Thuở* - Việt ngữ - 2020

Quý vị muốn download những bài giảng pháp
của Hòa Thượng Phương Trượng Chùa Viên Giác Hannover
xin vào trang: www.viengiac.info hoặc [www. quangduc.com](http://www.quangduc.com)

Để có bản sách in trên giấy, xin vào Viên Giác Tùng Thư Online
tại địa chỉ: <https://www.amazon.com/author/thichnhudien/>

Chùa Viên Giác

Karlsruher Strasse 6

30519 Hannover - GERMANY

Tel: 0511 - 879630 - Fax: 0511 - 879 41 200

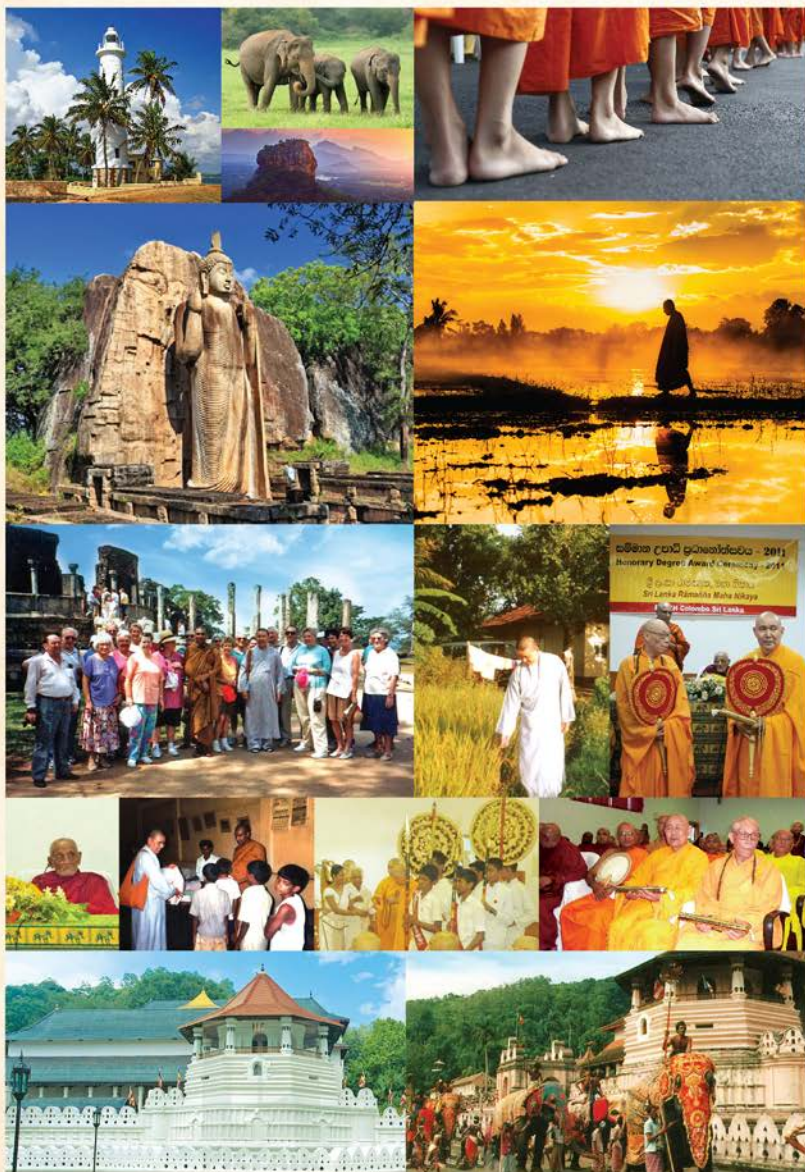
Homepage: <https://www.viengiac.info>

Email: info@viengiac.de

Quý vị cũng có thể nghe và tải miễn phí các sách này tại:

<https://www.rongmotamhon.net>

<https://lienphathoi.org>



NHÀ XUẤT BẢN LIÊN PHẬT HỘI
UNITED BUDDHIST PUBLISHER



ISBN 978-1-716-32111-5



9 0000